

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Phạm Huấn

#### Tiểu sử

Sinh năm 1937, mất ngày 21.10.2005 tại San Jose, Hoa Kỳ.

#### Tác phẩm

Cuộc triết thoát cao nguyên năm 75 (hồi ký)  
Điện Biên Phủ 1954, Ban Mê Thuột 1975 (nhận định 1978)  
Những uất hận trong trận chiến 75 (bút ký, 1978)  
Tướng Phạm Văn Phú và những trận đánh (bút ký)  
Một ngày tại Hà Nội (bút ký, 1973)



#### Mục Lục

<b>Một ngày tại Hà Nội – 2</b>
<b>Thiếu tá Phạm Huấn – Nguyễn Đạt Thịnh – 17</b>
<b>Mặt trận Ban Mê Thuột - 20</b>
<b>Phạm Huấn, nhà báo quân đội – Khuyết danh – 37</b>
<b>Trận đánh phi trường Phụng Dực, Ban Mê Thuột - 40</b>
<b>Nhà báo Phạm Huấn, sĩ quan đầu tiên có mặt tại Hà Nội...- Phạm Điền - 47</b>
<b>Trên phòng tuyến ngã ba Dầu Giây - 51</b>
<b>Bạch thư Phạm Huấn – Viên Linh - 56</b>

#### Phụ đính:

Phạm Huấn phóng viên chiến trường năm xưa đã ra đi  
Phạm Huấn: “Triết thoát khỏi cuộc đời”  
Phạm Huấn, người đi không trở lại

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Một ngày tại Hà Nội (18-2-1973)

*Tái ngộ Hà Nội sau 19 năm trong chuyến hành trình đặc biệt ngày 18.2.1973 của Phạm Huấn – Mai Chứng phụ trách kỹ thuật Điều Hòa xuất bản GP số 607/PTUDV/PHBCNT/KSALP ngày 21.3.1973.*

\*\*\*

*Cuốn sách mỏng này được hoàn tất và ấn hành trong một thời gian kỷ lục, chắc chắn nó có những thiếu sót. Nhưng chúng tôi hy vọng nó vẫn đáp ứng được phần nào sự mong đợi của tất cả những ai muốn biết những tin tức xác thực về Hà Nội, sau 19 năm Hà Nội bị đặt dưới sự thống trị của chế độ Cộng Sản Bắc Việt.*

*Cũng như tất cả những người yêu Hà Nội, tất cả những người Việt Nam yêu nước, mong ước một ngày tổ quốc thống nhất, dù được chỉ định thi hành một công tác với những nhiệm vụ rõ rệt, chúng tôi vẫn cảm thấy một nỗi bồi hồi và sung sướng riêng của một người được trở lại cố hương sau gần hai mươi năm cách biệt.*

*Cố hương ? Vâng, đúng như thế, không còn cái chỗ nào khác để chỉ Hà Nội, đối với một triệu người rời bỏ đất Bắc vào năm 1954. Nhưng với cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài gần hai mươi năm đó, với kinh nghiệm của tất cả các nước bị phân chia vì cuộc tranh chấp giữa chủ nghĩa Cộng Sản và chủ nghĩa Quốc Gia, ở đâu và người nào phía nào cũng vẫn chỉ muốn coi đó như một cuộc chia cắt tạm thời, song người ta đều hiểu rằng, chưa biết đến bao giờ mới có thể giải quyết được cái tình trạng chia cắt tạm thời ấy, sự tạm thời do đó, tự nó, đã nhuộm tính cách vĩnh viễn.*

*Chính ở trong các Quốc Gia mà sự mong ước thống nhất bộc phát tích cực nhất -- thường thường là phía Cộng Sản muốn thôn tính nốt phần đất còn lại, phía quốc gia ôn hòa hơn, chỉ làm công việc tự vệ, -- nghĩa là có chiến tranh, mà cuộc chiến tranh tại Việt Nam có thể coi như điển hình, về cả hai phương diện : sự quyết tâm của hai bên và sự thiệt hại do cuộc chiến gây ra, đã chiếm hết những kỷ lục của lịch sử chiến tranh nhân loại.*

*Miền Nam nhận được sự ủng hộ tích cực và công khai của phe thế giới tự do, miền Bắc cũng nhận được sự viện trợ không kém của phe Cộng Sản, dù kín đáo hơn.*

*Thỏa ước ngưng bắn – nhưng bắn tại chỗ và nguyên trạng – vừa được các phe tham chiến ký kết, đạt được, sau mười chín năm đánh nhau không ngừng nghỉ, và từ ngày thỏa ước ngưng bắn được chính thức ký kết, sự vi phạm của phe Cộng Sản đã làm cho Ủy Hội Quốc Tế nản chí, thậm chí có phái đoàn phải tuyên bố bất lực, dự định bỏ về nước, như phái đoàn Gia Nã Đại.*

*Nhưng bắn đã được ký kết nhưng số người chết vì chiến tranh vẫn không giảm sút.*

*Một thực trạng tranh chấp như vậy, viễn tượng một ngày hòa bình cả muôn chung ngàn khó, ngày thống nhất đất nước, gần như chỉ còn là một ảo tưởng.*

\*\*\*

*Tuy nhiên, sự tuyệt vọng quá sớm ấy, hình như chỉ là bài học của cuộc chiến tranh cay đắng đang diễn ra trên đất nước dạy cho chúng ta.*

Cuộc trở về Hà Nội ngày 18 tháng 2 năm 1973 vừa qua, của ba sĩ quan VNCH, mà tôi là một, giống như một hy vọng lớn lao, lớn lao nhất ở chỗ hình như cái niềm hy vọng ấy đã thay thế được cho sự tuyệt vọng.

Thật chẳng khác một giấc mơ, khi máy bay đáp xuống phi trường Gia Lâm, chúng tôi với quân phục và huy hiệu của QLVNCH trên người, và bước xuống giữa một rừng sĩ quan và cán bộ Bắc Việt, mà không phải nổ súng và ngược lại, đối với tôi, một người ở trong quân ngũ 17, 18 năm liên tiếp, một sĩ quan với huy hiệu Nhảy Dù trên ngực áo, đã có quá nhiều kinh nghiệm với Cộng Sản, cái giây phút chúng tôi đặt chân xuống Gia Lâm là một giây phút kỳ lạ đáng ghi nhớ.

Ngồi trên chuyến xe di chuyển từ Gia Lâm về Hà Nội, nhìn thấy Hồ Gươm, Tháp Rùa, tôi có trong lòng một nỗi xao xuyến muốn làm ư lệ.

Tôi biết rằng, nhìn thấy Hà Nội đây, là nhìn thấy bằng một triệu đôi mắt của người xa Hà Nội năm nào. Tôi đang di chuyển an lành trên những đường phố Hà Nội đây, là đòi hỏi bằng xương máu của bao nhiêu bằng hữu, bao nhiêu huynh đệ, bao nhiêu người quen biết và không quen biết, đã chết và còn sống, của 17 triệu dân miền Nam yêu nước đang trông ngóng một ngày hòa bình, thống nhất, nhưng không phải là hòa bình với bất cứ giá nào, thống nhất với bất cứ giá nào. Tôi hiểu được tại sao con người có tình riêng nhưng không thể tách rời ra khỏi tập thể. Con đường này, xưa chúng tôi hằng ngày đi qua, cấp sách đến trường. Căn nhà này, xưa, tôi đã ở. Bạn bè tôi xưa, những ai còn, ai mất? Người yêu tôi xưa bây giờ bao tuổi, bao già? Tôi có thể gọi tên từng đứa bạn, gọi tên từng người con gái đẹp của Hà Nội khi xưa, tôi có thể chỉ đúng căn nhà họ ở, bây giờ họ còn ở đây chăng? Ngồi trên máy bay nhìn xuống, Hà Nội giống như một khuôn mặt kiêu diễm, Tháp Rùa chẳng khác cái nốt ruồi của thành phố! Tôi biết rằng, nếu biết được tôi nghĩ như thế, ai sẽ mỉm cười. Cái cậu con trai nhảy chân sáo trên lối đi này khi xưa là tên vẫn còn ẩn núp trong tôi thật sao? Tôi mừng biết bao, khi nhận ra, vài ba mươi năm liền nghe tiếng nổ, nhìn thấy khói, ngửi mùi tử khí, tại tôi chưa điếc, mắt tôi chưa mờ, mũi tôi vẫn còn phân biệt được những mùi hương phảng phất của sương mù tháng giêng Hà Nội.

Nỗi nhớ thương Hà Nội đã choán ngập tâm trí đến độ trong khoảnh khắc tôi không còn nhận ra Hà Nội đã không còn là Hà Nội nữa.

Nước hồ vẫn xanh. Tháp Rùa vẫn như tự bao giờ giữ màu vôi cũ kỹ. Nhưng tất cả vẻ đẹp của Hà Nội, màu sắc của Hà Nội đã mất hết. Những người dân tôi nhìn thấy quanh hồ, chỉ còn là những người dân lam lũ, nghèo khổ, quần thâm, áo cánh, cầm cúi đi lại, hoặc đứng đợi những chuyến tàu điện, khăn gói vắt vai, quang gánh xếp bên lề đường, người nào cũng chỉ còn lại trên vẻ mặt một sự âm thầm, tất tưởi, gần như không còn ai có thì giờ hoặc muốn trò chuyện với ai nữa.

Ngày 18 tháng 2 chúng tôi trở về Hà Nội là ngày chủ nhật, nhưng Hà Nội không có một vẻ gì là được nghỉ ngơi cả.

Không phải chúng ta chỉ biết đo sự thịnh vượng của một quốc gia bằng những chiếc xe hơi, nhưng quả thật suốt một ngày ở Hà Nội chúng tôi chỉ nhìn thấy độ một chục chiếc xe hơi, hầu hết đều của các phái đoàn ngoại giao ở Hà Nội, còn toàn thể dân Hà Nội đều di chuyển bằng xe đạp, tàu điện hoặc đi bộ. Năm 1954, số xe hơi ở Hà Nội đâu có ít?

Những thiếu nữ yêu kiều, thướt tha của Hà Nội xưa, đã biến hết, chỉ còn lại mấy cô nữ cán bộ mặc đồng phục màu xám nhạt, hoặc những nữ công nhân quần đen bạc, áo cháo lòng. Cả thành phố không có lấy một người mặc áo dài.

Như thế, chẳng phải là nhà chuyên gia về kinh tế, người ta cũng nhận thấy ngay rằng, Hà Nội đã quá nghèo khổ mất rồi. Cả thành phố không lấy một cửa hàng mở cửa. Tất cả sinh hoạt thương mại của thủ đô tập trung ở một cửa hiệu bách hóa của nhà nước. Một nền kinh tế như thế còn lấy đâu ra cơ hội phát triển ?

Khi đi qua công viên Thống Nhất, công viên mới được nhà nước Cộng Sản Bắc Việt lấp một phần hồ Bảy Mẫu, lập nên sau 1954 và đó cũng là kiến trúc duy nhất tại Hà Nội kể từ 1954 đến giờ, chúng tôi đã nhìn thấy những em bé, trong cái rét tháng giêng ở Hà Nội, cái rét cắt thịt như vậy, nhưng các em chỉ mặc phong phanh có một chiếc áo cánh mỏng hoặc một chiếc áo len cũ, và đi chân đất.

Thấy khách lạ, các em chỉ giương những cặp mắt ngây thơ ngó nhìn, chứ không nói cũng không em nào cười, như bản tính hồn nhiên thường thấy ở các em nhỏ.

Nói chuyện với các cán bộ, sĩ quan Bắc Việt được đề cử đón tiếp phái đoàn tới quan sát và dự lễ trao đổi tù binh tại Hỏa Lò Hà Nội là một việc hết sức chán nản. Đó không phải là những lời nói chuyện. Họ chỉ muốn hỏi, hỏi những câu hỏi đã được học sẵn, vì quanh đi quẩn lại, chỉ có ngần ấy câu hỏi, chốc chốc lại được nghe một người nhắc lại.

Ở khía cạnh nào tôi cũng cảm tưởng như đời sống của người dân miền Bắc đang tự thắt lại.

Khi nỗi nhớ Hà Nội như một kỷ niệm riêng, đã tạm lắng xuống, nhìn Hà Nội như một thủ đô chính trị, đối nghịch với chúng ta, có lẽ tôi nói như vậy không được chính xác lắm đối với tâm trạng của tôi lúc đó, mà phải nói rằng, nhìn Hà Nội như một thủ đô, một căn cứ, nơi những người cầm quyền Cộng Sản đặt cái guồng máy cai trị non một nửa dân tộc chúng ta, tôi cảm thấy ón lạnh khắp người.

Tôi không biết có bao nhiêu người hiện sống ở miền Bắc thực sự tin theo chủ nghĩa Cộng Sản, nhưng nghĩ đến những người bạn, những người quen, họ hàng thân thích, năm 1954 đã không rời bỏ được Hà Nội để ra đi, vì lý do này hay lý do khác, tôi rùng mình kinh sợ.

Tôi muốn gặp và hỏi thẳng một vài người, nhưng tôi đã không làm được việc ấy. Người ta đã không cho chúng tôi ra khỏi những lộ trình đã được định trước. Mà giả thử người ta có đi được, gặp được những người mình muốn gặp, chúng tôi cũng không dám làm việc này, bởi vì, chúng tôi không thể biết liệu những người ấy có dám nói thật những điều họ nghĩ không, và nhất là sau khi chúng tôi đi khỏi, những người cầm quyền Cộng Sản sẽ làm gì họ ?

Không còn phải là những lời tuyên truyền hay đồn đãi nữa, tôi đã về tận nơi, đến tận chốn, đang đứng trên Hà Nội, nhìn Hà Nội bằng chính mắt mình, một nửa ngày ở tại Hà Nội, tôi thấy hơi thở của tôi không còn được điều hòa nữa, tôi nhận ra Hà Nội bằng mỗi đầu cảm giác của mình, bằng linh tính và trí óc của một người đã vào sinh ra tử 17, 18 năm trên khắp mọi chiến trường, chỉ huy và lăn mình vào những chốn tai họa, cạm bẫy đó, tôi có thể quả quyết rằng, Hà Nội không còn là chỗ có thể sống được nữa. Chủ nghĩa Cộng Sản bị áp đặt lên Hà Nội đã nặng hơn cả không khí người ta thở.

Hà Nội phải được giải thoát khỏi cái bầu không khí nhiễm độc đó.

Đó là một công việc gian nan, lâu dài. Hai mươi năm chưa đủ lâu dài, vậy cái thời gian cần thiết đó, độ bao lâu ? Hai mươi năm quả thật là một thời gian đáng kể đối với một đời người. Nhưng đối với lịch sử lập quốc của một dân tộc có đáng kể chăng ?

*Chính cái câu hỏi đau đớn đó đã thấp lên như một hy vọng trong cùng tận đáy hồn chúng tôi, khi chúng tôi rời bỏ Hà Nội một lần nữa, trên chiếc phi cơ trở lại Sài Gòn.*

*Tôi nhớ lại khuôn mặt những sĩ quan Cộng Sản tôi đã gặp tại Hà Nội. Họ có những cung cách đi đứng, nói năng, biểu lộ thái độ một cách tưởng chừng như họ chỉ còn là những người nộm.*

*Tôi nhớ đến Huế, đến Sài Gòn, đến cái tết Mậu Thân, đến đại lộ Kinh Hoàng, đến những sĩ quan, cán bộ cao cấp của Cộng Sản đã về hồi chánh.*

*Tôi nhớ đến nụ cười, tôi cho là nụ cười thật sự độc nhất tôi nhìn thấy trong suốt một ngày ở Hà Nội, là nụ cười của cô nữ phục dịch trong một bữa ăn của phái đoàn ở Hà Nội.*

*Có bao nhiêu nụ cười bị giam giữ trong Hà Nội như thế ?*

*Hà Nội trong thơ văn, Hà Nội trong âm nhạc, Hà Nội trong trí nhớ, một lần nữa lại làm dậy động tâm khảm tôi. Cái Hà Nội thơ mộng tuyệt vời mới chỉ trong vòng hai mươi năm đã bị người ta làm cho biến đi không còn một dấu vết nào đó, liệu còn có một ngày nào có thể sống lại ?*

*Những ý nghĩ không mạch lạc đó đã chiếm trọn đầu óc tôi trong suốt chuyến bay trở lại Sài Gòn. Tôi cho ấn hành nguyên vẹn bài phỏng vấn của các phóng viên Đài Phát Thanh Sài Gòn ngay khi tôi từ Hà Nội trở về, không sửa chữa một câu nào. Vì đó là những câu nói, câu trả lời hoàn toàn xuất phát từ những xúc động và suy nghĩ thành thật của tôi trong ngày trở lại chốn cũ. Những tấm hình in trong tập sách này, là quà tặng cho những người yêu Hà Nội, một vài hình ảnh còn sót của Hà Nội, tôi đã đem ra được khỏi Hà Nội.*

*Tôi rất muốn được ấn hành cuốn sách này đẹp đẽ và đầy đủ, xứng đáng với thành phố nay đã trở thành một biểu tượng của những người đã bỏ Hà Nội, và vì họ đã bỏ Hà Nội cho nên Hà Nội không còn là Hà Nội nữa, cái Hà Nội của họ, họ đã mang theo trong lòng, -- đúng như ý muốn của các anh Mai Thảo, Phạm Duy, và Văn Quang đã nói với tôi.*

*Nhưng cuốn sách này không phải là một tác phẩm văn chương, nó chỉ nhằm đưa đến tay bạn đọc những tin tức và hình ảnh xác thực về một thành phố, một thủ đô chính trị, đã gây ra không biết bao nhiêu đau thương tang tóc trên đất nước, sau hai mươi năm bị che kín lần đầu tiên được vén mở lên, chúng tôi nghĩ rằng, những tin tức và hình ảnh ấy chỉ cần được đưa đến tay người đọc một cách nhanh chóng.*

*Thành phố Hà Nội đẹp, thời tiết Hà Nội đẹp, người Hà Nội đẹp, đẹp cho đến nỗi, hầu như tất cả các văn nghệ sĩ của chúng ta, đã sống ở Hà Nội hay có dịp nhìn thấy Hà Nội, đều không ít thì nhiều không tiếc lời ca ngợi Hà Nội.*

*Chúng tôi đã xin phép được nhiều vị để trích dẫn một vài điều quý vị ấy viết về Hà Nội, nhân đây chúng tôi cũng xin ngỏ lời xin phép chung quý vị có tác phẩm trích dẫn trong tập sách này mà chúng tôi đã nhiều lần tìm gặp không gặp được, hoặc vì đường xá xa xôi, hoặc vì có người đã mất như thi sĩ Đinh Hùng, chúng tôi tin rằng quý vị cũng vui lòng lượng thứ và cho phép chúng tôi làm công việc này, vì cái ý nghĩa mất, còn của Hà Nội.*

*Riêng đối với bạn đọc, chúng tôi xin xác định, phần thứ hai của tập sách này là phần văn chương, nghệ thuật nói về Hà Nội, chúng tôi rất tiếc vì khuôn khổ của cuốn sách chúng tôi không thể trích dẫn nhiều hơn các tác phẩm của nhiều tác giả khác nữa. Nhưng bấy nhiêu đây thiết tưởng cũng đủ để quý vị so sánh một Hà Nội xưa và nay.*

*Sau cùng tôi xin cảm ơn nhà văn Nguyễn Đình Toàn và nhiếp ảnh gia Nguyễn Cao Đàm hết sức giúp tôi hoàn thành cuốn sách này.*

*Sài Gòn, ngày 20 - 2 - 1973*

**Phạm Huấn**

\*\*\*

Thiếu tá Phạm Huấn, thiếu tá Đinh Công Chất, thiếu úy Dương Phục, 3 sĩ quan QLVNCH đầu tiên, thành viên của ban liên hợp quân sự 4 bên đã đi Hà Nội để quan sát vụ trao trả tù binh Mỹ ngày 18-2-1973. Ba sĩ quan trên là những người đã ở Hà Nội nhiều năm, và nay trở lại Hà Nội để thấy sự tiêu điều, buồn thảm của Hà Nội. Thành phố Hà Nội còn nguyên vẹn, nhưng gần 20 năm dưới chế độ Cộng Sản, Hà Nội 36 phố phường của những ngày trước năm 1954 không còn nữa; hay nói cách khác Hà Nội của chúng ta, của những người không Cộng Sản, đã chết thật.

Thiếu tá Phạm Huấn và thiếu úy Dương Phục trong hơn một giờ đồng hồ đã cho biết rất nhiều hình ảnh của Hà Nội ngày nay trong cuộc mạn đàm với các văn nghệ sĩ. Chương trình này được đài Saigon truyền đi tối thứ hai 19-2-1973. Dưới đây là các chi tiết trong chuyến trở lại Hà Nội của ba người Việt Nam tự do đầu tiên trong cuộc hành trình đặc biệt.

Hà Nội bài hát của Hoàng Dương là Hà Nội 20 năm trước, Hà Nội của một triệu người rời bỏ vào năm 1954, Hà Nội với những tà áo màu tung gió, với những tiếng guốc reo vui. Hà Nội mà những người đứt ruột bỏ đi, đã nuôi nấng một mong ước, giữ chặt một niềm tin, Hoàng Dương đã nói trong bài hát của ông : “hãy tin ngày ấy anh về”. Hà Nội 36 phố phường, Hà Nội mà nhạc sĩ Trần Văn Nhơn của chúng ta đã gọi là “Trái tim của Việt Nam”, Hà Nội mà với mùa thu cuối cùng ta bỏ đi xanh xao như mất máu đó, Hà Nội bây giờ ra sao ? Trong hai mươi năm chiến tranh tàn phá, trong hai mươi năm người Hà Nội bỏ đi, hai mươi năm Hà Nội sống dưới chế độ Cộng Sản cái trái tim của Việt Nam đó đã đập như thế nào, những Hàng Ngang, Hàng Đào, Hàng Bông, Hàng Gai, Hồ Gươm, Hồ Trúc Bạch, Hồ Bảy Mẫu có những gì thay đổi. Người Hà Nội bây giờ sinh sống ra sao, trong phóng sự này chúng tôi xin mời quý vị độc giả trở lại Hà Nội, nhìn lại Hà Nội qua những tiết lộ của thiếu tá Phạm Huấn và thiếu úy Dương Phục, hai trong số ba sĩ quan VNCH đầu tiên đã đáp máy bay ra Hà Nội dự cuộc phóng thích tù binh ngày 18-2-1973.

*Hỏi : Thưa anh Phạm Huấn, hôm chúa nhật vừa qua, anh là một trong những người Việt Nam tự do đầu tiên đã ở Hà Nội, trở lại Hà Nội, xin anh cho biết cuộc hành trình từ Saigon đi Hà Nội như thế nào và anh đã ghé những đâu ở Hà Nội?*

Đáp : Trước hết, tôi phải nói ngay với các anh, đối với những người khác thì chuyến đi vừa qua người ta có thể nói là ra Bắc hay ra Hà Nội, nhưng đối với tôi một người từng sống ở Hà Nội nhiều năm, thì tôi gọi đó là một chuyến trở về Hà Nội. Tôi được lệnh đi vào lúc 10 giờ sáng ngày 17-2-1973, sau khi sửa soạn cũng như thông báo cho một số bạn bè thân của tôi, dù biết trước giờ khởi hành là 5 giờ sáng 18-2-1973, nhưng tôi đã vào căn cứ Tân Sơn Nhất lúc 10 giờ đêm để ngủ tại đó. Khoảng thời gian từ 10 giờ đêm đến 5 giờ sáng tôi chỉ chợp mắt được hơn một tiếng đồng hồ, còn lúc nào cũng trần trọc nghĩ đến chuyến trở về Hà Nội của mình. Cũng nói thật với các anh đây là chuyến đi đặc biệt, bất ngờ và kỳ thú nhất trong cuộc đời của tôi. 5 giờ sáng thì các phái đoàn tới Tân Sơn Nhất, và đúng 5g30 máy bay cất cánh.

Chúng tôi trở về Hà Nội bằng chiếc C130 của không lực Hoa Kỳ, sau 3 giờ rưỡi bay thì tới phi trường Gia Lâm của Hà Nội. Đây là một chuyến đi rất sớm cho nên những người khác thì đều ngủ, nhưng tôi và hai sĩ quan Việt Nam khác thì hầu như không có phút nào chúng tôi nhắm mắt được, bởi vì, lòng lúc nào cũng bồi hồi xúc động và chỉ mong cho sớm đến Hà Nội.

Chúng tôi đến phi trường Gia Lâm lúc 9 giờ sáng. 9 giờ trong Nam tức là 8 giờ ở ngoài Bắc.

*- Khi anh tới phi trường Gia Lâm, anh có thấy phi trường và nhà cửa chung quanh bị hư hại nhiều không ?*

- Phi trường Gia Lâm bây giờ, sau những trận mưa bom của HK trước đây, nhà ga chính bị sập một góc cũng như phi đạo đầy những vết bom mới được sửa chữa tạm. Tôi nhìn thấy ở một góc phi trường có vài ba cái máy bay tương tự như loại DC3, tức là C<sub>47</sub> của quân đội mình, các máy bay dân sự hầu như không có một cái nào hết. Chúng tôi ở đó khoảng một giờ đồng hồ và đến buổi chiều khi trở lại Gia Lâm dự lễ phóng thích tù binh, cũng không có một máy bay nào khác hơn mấy cái máy bay của Hoa Kỳ, trong đó có một chiếc C141 đón tù binh.

*- Từ Gia Lâm anh về Hà Nội bằng xe gì ?*

- Chúng tôi di chuyển bằng loại xe bus nhỏ, tương tự như xe Air Việt Nam để chở các phi công và nữ tiếp viên của mình ở Saigon.

*- Tôi xin lỗi được cắt ngang câu trả lời của anh để hỏi thêm anh về hình ảnh của thị trấn Gia Lâm tức khu vực mà anh từ phi trường Gia Lâm qua đó lên cầu Long Biên về Hà Nội đó ?*

- Thị trấn Gia Lâm hiện bị ảnh hưởng rất nặng sau các vụ không tập phi trường Gia Lâm trước kia, khu vực này hoang tàn sụp đổ. Những thửa ruộng hai bên đường từ thị trấn Gia Lâm về tới Sông Hồng đầy những hố bom, các cơ sở quân sự, theo tôi biết, đã bị tàn phá rất nặng.

*- Ở ngay cuối thị trấn Gia Lâm tức là cái dốc nối liền cầu Long Biên, ngày xưa có một nhà máy rượu, thời kỳ người Pháp ở Việt Nam, họ dùng đó làm trụ sở phòng Nhì. Bây giờ nhà máy rượu đó họ làm rượu trở lại hay vẫn là cơ quan Quân Sự và có bị oanh lạc không ?*

- Thưa anh, tôi không có nhận rõ, nhưng các sĩ quan Bắc Việt chỉ cho tôi một số cơ sở, họ nói cơ sở dột, có thể họ nói khác đi chăng (?). Nhưng hầu hết các cơ sở quân sự ở khu vực này đều bị hủy diệt.

*- Thưa anh, họ đưa phái đoàn quân sự của mình về Hà Nội thì họ đưa tới đâu ?*

- Tôi kể tiếp chặng đường từ Gia Lâm về Hà Nội. Chúng tôi di chuyển bằng loại xe buýt nhỏ, khi tới sông Hồng thì cầu Long Biên ngày xưa của mình đã bị máy bay dội bom sập mất ba, bốn nhịp rồi. Bây giờ có một vài đoạn đã được sửa chữa, tôi thấy những đoạn rất dài vẫn chưa sửa xong. Thành thử ngang sông Hồng Hà \_ các anh nhớ sông Hồng rất rộng, bề ngang tới non hai cây số \_ họ làm hai cái cầu nổi, cũng như cầu dã chiến của công binh QLVNCH làm để vượt sông trong các cuộc hành quân, một cái đi về Hà Nội và một cái ngược lại. Ngày xưa mỗi lần đi từ Gia Lâm về Hà Nội, chúng mình di chuyển mất mười phút xe chạy, bây giờ thì mất khoảng độ nửa giờ; và con đường từ ở bên kia sông vào thành phố cho đến khi tôi nhìn thấy nhà Bác Cổ, đây là một con đường rất nhỏ, bụi mù và bần thỉu.

*- Như vậy, họ đưa các anh về nơi trú ngụ bằng đường bờ Sông chứ không phải dốc hàng Đậu ?*

- Không phải chúng tôi ra Hà Nội để được đi chơi hay được cư ngụ tại đâu hết. Đây là một chuyến công tác hãn hoi và chúng tôi chỉ đến địa điểm chính tại Hà Nội tức là Gia Lâm (nơi trao trả tù binh Mỹ) và Hòa Lò mà chính quyền Hà Nội đặt là khách sạn Hilton của Mỹ để nhốt tù binh tại Hà Nội. Chỉ có 2 địa điểm thôi, nhưng vì tôi, như các anh đều biết, chúng mình ở Hà Nội quá lâu thành thử những con đường, những danh lam thắng cảnh của Hà Nội mình đều nhớ tất cả. Cho nên tôi cũng lợi dụng lúc đi chuyển từ Gia Lâm về Hòa Lò quan sát để biết rõ Hà Nội ngày nay.

*- Thế anh đi bằng con đường đó, cây cột Đồng Hồ ở đường bờ sông có còn không ?*

- Chỗ đó tôi không được đi qua. Tôi có thể nói ngay với các anh là trung tâm thành phố Hà Nội, ngoài tòa tổng lãnh sự Pháp ở đường Trần Hưng Đạo (Gambetta cũ) là bị sập, còn những đường phố chính mà trước kia mình biết rất sang trọng như đường Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Gia Long, Tràng Tiền, chung quanh hồ Hoàn Kiếm v.v... thì còn nguyên vẹn. Nhưng rất tiếc tôi không hiểu tại sao, thủ đô Hà Nội sau 19 năm dưới chế độ Cộng Sản, bây giờ tiêu điều và xơ xác quá. Không có một kiến trúc nào đặc biệt tại Hà Nội so với trước năm 1954. Tôi tưởng Hà Nội tiêu điều nhưng không ngờ đến quá sức tưởng tượng như tôi nghĩ. Khu trung tâm thành phố như Gia Long, Lý Thường Kiệt, Tràng Tiền ... nhà cửa trông rất là cũ kỹ, không có sửa sang quét vôi gì hết. Tôi có cảm tưởng như đã 10, 15 năm nay không được quét vôi lại. Những con đường đó đi đường nhìn thấy dân chúng phơi quần áo, tôi xin lỗi được tả chân, phơi cả những cái quần đen, những áo màu cháo lòng trên cửa sổ thì còn gì là phố xá, nhà cửa của Hà Nội ?

*- Anh có đi ngang qua căn nhà mà anh ở khi xưa không ?*

- Tôi có được đi ngang qua căn nhà trước khi di cư vào Nam tôi trọ học, tôi xúc động lắm, muốn khóc được. Còn y hệt nhưng tiêu điều xơ xác hơn nhiều.

*- Nói như vậy Hà Nội của ba mươi sáu phố phường thuở xưa bây giờ không còn nữa ?*

- Hà Nội thuở xưa bây giờ không còn nữa, so sánh Hà Nội trước năm 1954 với bây giờ, nghĩa là sau 19 năm, sinh hoạt của Hà Nội, quang cảnh của Hà Nội – dù là khu trung tâm thành phố - không bị phá hủy bằng bom đạn, nhưng hiện nay trông tiêu điều và so với trước tôi nghĩ chỉ bằng 2 phần 10. Các anh tưởng tượng một ngày ở Hà Nội, khoảng năm, sáu giờ đồng hồ đi ngoài phố, tôi chỉ đếm được mười hai, mười ba cái xe du lịch loại nhỏ, và theo các sĩ quan Bắc Việt, thì hầu hết là xe của chính quyền Hà Nội. Và tôi cũng không nhìn thấy một thiếu nữ nào mặc áo dài, thiếu nữ duy nhất của miền Bắc mặc áo dài mà tôi nhìn thấy trong ngày công tác ở Hà Nội là cô nữ ký giả gặp ở Gia Lâm. Còn tất cả là quần đen, áo cánh vải thô màu xám, hoặc màu trắng cháo lòng. Cũng như phương tiện di chuyển “văn minh” của Hà Nội bây giờ là những chiếc xe đạp cũ kỹ.

*- Những tàu điện thuở xưa có còn hay không ?*

- Có, khi đi ngang hồ Hoàn Kiếm tôi chụp được hình 2 cái tàu điện. Đây, các anh có thể nhìn quang cảnh tàu điện. Trời lạnh các anh biết đầu năm miền Bắc của mình “rét tháng ba bà già còn chết rét”, thế mà ngày đầu năm có người đi chân không, mặc áo mỏng manh.

*- Cái hình anh chụp đây ở đường Bờ Hồ còn thấy rõ cả nhà Bưu Điện và hình như còn xích lô đạp nữa, chéch sang đây là nhà Godard này, như thế vẫn còn cả, anh chụp bức hình này vào lúc nào mà hình như tôi thấy ở trên hồ Hoàn Kiếm có sương mù nữa.*

- Thừa anh, tôi được đi qua hồ Hoàn Kiếm, có lẽ nhờ sự khéo léo của chúng tôi và sự may mắn của 3 sĩ quan QLVNCH sinh trưởng tại miền Bắc muốn được thấy lại hồ Hoàn Kiếm thân yêu của mình ngày xưa. Cho nên khi ăn bữa trưa chung với các phái đoàn, tôi có gặp với một ông trung tá của BV, tôi nói nịnh ông ta : “Trung tá đáng lẽ phải là một nhà ngoại giao mới đúng”. Tại vì ông ta nói rất nhiều, từ lúc chúng tôi rời Saigon cho đến khi tới Gia Lâm, rồi Hỏa Lò trong các phái đoàn chỉ có một mình ông ấy nói nhiều nhất mà thôi. Tôi nói : “Trung tá là một sĩ quan cao cấp của BV không đúng, trung tá phải là một nhà ngoại giao và một nhà ngoại giao rất giỏi mới phải”. Vì thế, mà ông ta ra lệnh cho xe đi một vòng Hồ Gươm. Xe chạy với một tốc độ rất mau nhưng nhờ ngồi sát cửa sổ, mấy bức hình tôi chụp được thấy rõ cả Tháp Rùa, đền Ngọc Sơn, cầu Thê Húc. Và khi thấy tàu điện ở đầu hồ mừng quá, tôi bấm hình liền, anh thấy mấy tấm hình bị hư đó.

*- Đó là xe điện chạy từ phía chợ Hôm lên không phải hàng Đào xuống ?*

- Vâng đúng như vậy, nhìn hình ảnh hai chiếc xe điện và đồng bào miền Bắc bây giờ các anh thấy có đau xót không. Giữa trung tâm thủ đô Hà Nội, đồng bào toàn quần đen, áo xám chân đất, mong manh, đội nón đi xe đạp. Hà Nội không bao giờ kẹt đường hết, tại vì xe đạp bây giờ vẫn như hồi trước bọn mình đi học; trước mình đi hàng ba, bây giờ họ đi hàng bốn, hàng năm, vì đường xá đâu có xe cộ gì. Chẳng hạn như khi chúng tôi đi qua khách sạn Métropole hồi trước, bây giờ họ gọi là khách sạn Hòa Bình, những con đường rất lớn, như đường Lý Thường Kiệt, đường Ngô Quyền, bây giờ trống trơn, như các anh nhìn mấy bức hình, tôi có chụp bức hình tôi đứng ở giữa ngã tư hai đường đó.

*- Đúng như bức hình này, đây là kế cận với khách sạn Phú Gia nếu tôi không lầm, Pharmacie Vũ Đổ Long, Vũ Đổ Thìn ngày xưa đó, tức là trước nhà của nhiếp ảnh gia Nguyễn Cao Đàm, bây giờ anh đi ngang đó anh có thấy cái cầu Thê Húc thay đổi ? Đền Ngọc Sơn vẫn như thế, cái cầu có còn sơn màu đỏ không ?*

- Nó không có màu gì cả, nó xám theo với thời gian, cũ kỹ ... và không là màu gì hết. Tôi đã quan sát kỹ lưỡng cầu Thê Húc, đền Ngọc Sơn nhưng cái nổi bật nhất ở hồ Hoàn Kiếm bây giờ, nói ra thì các anh buồn, nhưng sự thật cái nổi bật nhất ở hồ Hoàn Kiếm bây giờ không phải là Tháp Rùa, mà là cái khẩu hiệu tuyên truyền của nhà nước Cộng Sản, họ làm một cái bảng rất lớn sơn màu đỏ chót viết khẩu hiệu tuyên truyền. Và tại đền Ngọc Sơn cũng thật vắng vẻ, hôm chúng tôi ra là 16 tháng giêng mà không thấy các bà mẹ, các cô gái đi lễ đầu năm như trước kia.

*- Thừa anh có lẽ anh chú ý về phía mặt hồ quá, phía tay trái phía rạp xi nê Philharmonique có còn không ?*

- Còn nguyên, tôi đã nói với các anh cả khu trung tâm thành phố Hà Nội trừ tòa tổng lãnh sự Pháp, và theo các sĩ quan Bắc Việt, phía sau chợ Hôm, khu Khâm Thiên, các phi trường Bạch Mai, Gia Lâm bị bom mà thôi. Hà Nội vẫn còn đây nhưng buồn nản, Hồ Gươm với những ghề đá từ mấy chục năm về trước nhưng không có một ai ngồi cả.

Trước khi tôi tới Hà Nội, tôi chờ đợi và bị xúc động đến cùng cực khi biết được Hà Nội của mình tiêu điều. Tất nhiên tình cảm của mình để trong lòng, mình thấy đau đớn, cái đau đớn riêng tư của những người đã xa Hà Nội 19, 20 năm, trở về mà thấy thành phố yêu dấu ngày xưa bây giờ tiêu điều xơ xác, rách nát như vậy. Khi trả lời các cán bộ Cộng Sản khi họ đề cao Hà Nội, họ nói : “Một ngày về Hà Nội của các anh, một ngày về Hà Nội huy hoàng. Đây công viên Thống Nhất đẹp như thế này, hy vọng lần sau vợ anh sẽ được ra, anh sẽ dắt vợ con anh trong những buổi sáng chủ nhật hay là những ngày nghỉ ra đây để tâm sự hàn huyên ...” Tôi

thấy đó là cả một sự tuyên truyền rỗng tuếch không thể nghe được, tất cả Hà Nội bây giờ nói ra càng thêm đau lòng, vì ngay cả cái công viên Thống Nhất trong một sáng chủ nhật đầu năm cũng vắng hoe rất ít người tới.

*- Anh đi qua đường phố có còn thấy các cô gái má hồng nữa không ?*

- Hết rồi, các anh ạ. Hồi trước không biết các anh học ở trường nào. Tôi học ở trường Chu Văn An, có những buổi “bát” một vài giờ để đi đón các cô nữ sinh Trưng Vương. Bây giờ ngay cả các nữ sinh của hai trường nổi tiếng nhất của Hà Nội ngày trước là trường trung học Trưng Vương, Tây Sơn, theo các sĩ quan Bắc Việt cho biết, Trưng Vương không còn đồng phục áo dài màu lam, và các cô Tây Sơn cũng không còn thướt tha áo dài trắng nữa. Tất cả quần đen, áo cánh.

Trước kia, khi chưa được trở lại Hà Nội tôi tưởng phụ nữ miền Bắc ăn mặc như phụ nữ Trung Cộng đều mặc áo cổ cao hoặc áo ngắn đồng màu. Tôi nghĩ như vậy coi còn gọn ghẽ trông được, ai ngờ bây giờ học mặc quần đen áo cánh màu cháo lòng, hoặc màu xám nhạt vải Nam Định.

*- Theo như hình ảnh công viên này thì trước năm 1954 không có, hoặc một công viên khác được sửa đổi đi phải không ?*

- Đúng, công viên này là công viên được kiến tạo sau này, với một phần của hồ Bảy Mẫu, nhưng các anh thấy vắng hoe không có ai hết, chỉ có số cán bộ của họ.

*- Trong dịp anh đi ra ngoài đó anh có dịp tiếp xúc với người dân nào hay không ?*

- Tôi lạc vào rừng cán bộ của họ từ Gia Lâm cũng như ở Hòa Lò, lúc nào tôi cũng bị họ vây lấy.

Họ hỏi và đặc biệt nhất là ai cũng hỏi tôi những câu hỏi giống nhau hệt như đã học thuộc lòng trước. Tôi cảnh giác tránh được những chuyện họ gài bẫy tuyên truyền. Cũng như các anh em phóng viên ở Saigon mỗi người có một cái cassette; nhưng họ thì không thẳng thắn như mấy anh em phóng viên đài Saigon đâu. Máy thu bande họ giấu trong áo lạnh, trong áo mưa mặc ngoài. Micrô họ rút túi khi nào bất thành linh mở ra, để thâu lén. Nhưng khi tôi trả lời họ thì với tư cách một người ở Hà Nội, sống ở Hà Nội rất lâu, tôi trả lời họ một cách cởi mở, còn chuyện họ gài tôi để tuyên truyền, để mua chuộc thì tôi đã có chuẩn bị trước, tôi hóa giải ngay. Cũng có thể với cái nghệ thuật cắt xén, các phóng viên đài Hà Nội có thể làm được một vài điều. Chẳng hạn như câu tôi nói : “tôi cũng như nhiều người khác mơ ước được thấy lại Hà Nội, nhưng trở lại đây, thấy thành phố tiêu điều tôi lẻ loi cô độc, và thương Hà Nội ngày xưa của tôi nhiều quá”. Tôi nói với một phóng viên của đài Hà Nội như vậy và tôi hy vọng họ không cắt câu này ra làm hai.

Tôi cũng đã nhiều lần bảo họ đừng tuyên truyền tôi vô ích. Tôi ở trong quân đội 17, 18 năm rồi, tôi biết họ là cán bộ chìm, là những phóng viên của đài Hà Nội, đây là một bộ máy tuyên truyền rất là ngược ngạo (tôi nói nguyên văn với họ như vậy); trong những cuộc hành quân ở Hạ Lào, hỏi đánh nhau lớn ngoài Quảng Trị tôi thỉnh thoảng có vặn đài Hà Nội nghe, để thấy sự thật họ tuyên truyền như thế nào ? Nghe riết rồi chúng tôi muốn đập bể cái máy thu thanh ra.

Các anh nghĩ xem họ tuyên truyền tôi như thế nào ? Họ nói nguyên văn thế này : “Anh có biết sở thú đất nước chúng ta bây giờ có thêm một con thú mới chưa ?”. Tôi chưa hiểu họ định nói gì nhưng vẫn bảo “các anh cứ nói đi”. Họ tiếp : “Đó là xác một chiếc B<sub>52</sub> bị bắn rớt ở Hà Nội”. Ai chẳng biết có B<sub>52</sub> bị bắn rơi ở Hà Nội, không phải một cái mà là mười mấy cái, nhưng các anh

thử tưởng tượng họ nói phi lý như thế này : “B<sub>52</sub> đối với dân Hà Nội chẳng ăn thua gì, có khi B<sub>52</sub> thả cách nhà tôi 50 thước, và cả nửa giờ liền mà tôi không sao hết”. Tôi buồn cười quá và trả lời : “Thôi các anh im đi, mình nói chuyện khác, đừng nói chuyện B<sub>52</sub> hay là nói chuyện để tuyên truyền. Tôi ở trong quân đội 17, 18 năm, ít nhất cũng biết tầm ảnh hưởng của bom B<sub>52</sub> cả 1, 2 cây số. Tôi đã gặp các sĩ quan tù binh Bắc Việt ở An Lộc, Tây Nguyên, Hạ Lào, Quảng Trị tôi biết họ sợ B<sub>52</sub> như thế nào rồi, ở xa cả cây số còn muốn ói máu nữa huống là ... “

*- Đó là những câu chuyện mà anh tiếp xúc với các cán bộ của họ, trong dịp ở Hà Nội anh có dịp tiếp xúc với một người dân nào hay không ?*

- Đây cũng có thể nói là chuyện đau buồn nhất của tôi. Ngoài những câu chuyện với cán bộ Cộng Sản hay là cách đối chọi của tôi với những lời tuyên truyền trắng trợn của họ, thú thực với anh khi đi ngang qua các đường phố, gặp đồng bào miền Bắc của mình, tôi rất vui mừng và biểu lộ sự vui mừng để có một sự thông cảm với họ. Nhưng tất cả những người dân Hà Nội đều cúi gằm mặt xuống khi đoàn xe của chúng tôi đi ngang, mặc dù đoàn xe của chúng tôi là một đoàn xe rất đặc biệt nhất là trong một ngày chủ nhật ở Hà Nội. Trên lộ trình đi tới Hỏa Lò, có một số trẻ em và các thiếu nữ lam lũ, nếu tôi nói đó là các thiếu nữ đáng yêu nhất của Hà Nội thì sợ các anh buồn, thì họ cũng reo hò, la hét khi thấy đoàn xe đi ngang. Tôi có đủ thông minh để hiểu chuyện này, tôi cũng muốn chờ đợi phản ứng của dân chúng, một nửa hình như họ muốn biểu lộ sự vui mừng khi thấy những người khách lạ tới Hà Nội, một nửa hầu như đã được huấn luyện học tập phải làm như vậy. Họ la hét vậy thôi, tôi cũng không thấy họ có một hành động gì hết, về sau các ông “cóm” chìm của Bắc Việt giải thích rằng đó là dân chúng phần uất người Mỹ đã ném bom Bắc Việt nhưng họ cũng chỉ biểu lộ bằng thái độ ôn hòa.

Họ luôn luôn cố gài về vụ đồng bào ta biểu tình chống họ ở Ban Mê Thuột, Huế, v.v... Tôi đã trả lời là chính phủ Việt Nam Cộng Hòa rất tiếc các vụ đó xảy ra và đã làm mọi cách để ngăn cản các vụ tương tự. Tôi cũng cho họ biết vụ Ban Mê Thuột do các đồng bào di cư chủ xướng, đó là những người từng phải bỏ cả sản nghiệp vào Nam năm 1954 và rồi khi vừa gầy dựng được một chút của cải; nhà cửa, làng mạc của họ lại bị chính các đồng chí của các anh thiêu hủy và tàn phá mặc dầu lệnh ngưng bắn lúc đó đã có hiệu lực.

*- Như vậy, rốt cuộc trong chuyến đi đó anh không được nghe một lời nói nào không có tính cách chính trị ?*

- Trong một ngày của tôi ở Hà Nội, không được nghe một lời nói chân thật nào của người dân ở đó, nhưng tôi hiểu được một lời nói, được diễn tả bằng một nụ cười của người thiếu nữ chừng 17, 18 tuổi. Trong bữa ăn trưa tôi được gặp cô đó, gọi là nữ phục dịch hay nữ phục vụ gì đó, khi nghe ông sĩ quan Bắc Việt gọi tên và cấp bậc tôi, vô tình tôi ngừng đầu lên thì tôi thấy cô ấy mỉm cười với tôi bằng một nụ cười chân thật

*- Anh có nói anh có gặp một nữ ký giả, người mặc áo dài duy nhất ở Hà Nội khi đến phi trường Gia Lâm, cô ấy nói chuyện gì với anh không ?*

- Người nữ ký giả áo dài thì không, nhưng một nữ ký giả khác tôi gặp ở Hỏa Lò, cô này mặc áo cánh, và đã nói chuyện với tôi ở Hỏa Lò. Buổi chiều ở phi trường Gia Lâm, cô ta lại hỏi tôi : “trước anh học ở đâu ?”, nghĩa là những câu hỏi y hệt những người khác đã hỏi tôi, cô ta cho biết là làm ở đài phát thanh Hà Nội. Tôi đã trả lời tôi học Chu Văn An. Cô ta hỏi tiếp : “Anh có còn nhớ các thầy cũ ở đây không ?” Tôi đã trả lời : “May quá, thầy của tôi hồi đó là cụ Vũ Ngô Sán, hiệu trưởng trường Chu Văn An, sau khi di cư thầy tôi cũng lại vẫn làm hiệu trưởng trường Chu Văn An ở Saigon; các thầy khác như thầy Bùi Đình Tấn, Hùng Lân, Lê Trung Nhiên ... thì cũng đều ở Saigon hết, tôi đâu còn thầy nào ở Hà Nội.” Tôi nói như thế không biết cô ta

có buồn tôi không, nhưng tôi thấy mắt cô ấy quắc lên nhìn. Cô ta còn hỏi tôi là đồng bào ta ở trong Nam nghe đài Hà Nội có rõ không ? Tôi trả lời là “các sĩ quan cao cấp như chúng tôi, đôi khi đi trận cũng mở đài Hà Nội để xem các anh chị, ngoài này tuyên truyền như thế nào, nhưng riết rồi thấy các anh các chị toàn nói sai sự thật, thành thử tội tôi còn ít khi mở hướng chỉ đồng bào, sức mảy mà đồng bào thêm mở. Trong Nam đồng bào nghe đài quốc gia, đài quân đội, hay đồng bào coi truyền hình, mà đồng bào thích tân nhạc, thích cải lương chứ đồng bào không thích tuyên truyền.”

*- Anh nói tiếng “sức mảy” thành thử tôi thắc mắc về ngôn ngữ của họ ngoài đó, họ có khác chúng ta không ?*

- Ngôn ngữ của họ cũng không có gì khác nhưng có một số từ ngữ họ sửa đổi, chẳng hạn như thăm viếng thì họ gọi là đi tham quan, khai triển vấn đề thì họ gọi là triển khai, đồng ý thì gọi là nhất trí hoặc là, xin lỗi các anh nghe không được ...” đồng tình”.

*- Nãy giờ anh nói nhiều về quang cảnh trong thành phố, về những nơi mà anh đi qua, anh chưa nói đến Hỏa Lò nơi giam tù binh ?*

- Đúng ra thì tôi không được phép nói vấn đề này với các anh, nhưng với tư cách người về từ Hà Nội, biết gì nói cái đó, mạn đàm với các anh cũng không có tính cách chính trị hay tuyên truyền gì hết, tôi cũng không đề cao một bên nào thành thử tôi cũng có thể kể chuyện Hỏa Lò cho các anh nghe. Khi chúng tôi vượt qua nhữn “ông” lính Bắc Việt “lỏi tì” chừng 15, 16 tuổi gác cổng. Cửa Hỏa Lò mở ra và gặp một ông “cai ngục”, đúng ra phải gọi là ông đại úy chỉ huy trưởng Hỏa Lò. Mặt rất là dữ, ông ta toàn gọi các anh em tù binh Mỹ bằng “chúng nó”, “những thằng tù” hay “những tên tù” chứ không khi nào gọi là tù binh. Ngoài đó họ gọi Hỏa Lò là “khách sạn Hilton” (Hilton là tên hệ thống khách sạn sang trọng nhất của nước Mỹ, tiền phòng mỗi ngày hạng chót 30 đô la)

(Vào lúc này thiếu úy Dương Phục mở cửa bước vào và được mọi người tiếp đón ân cần. Thiếu tá Phạm Huân ngừng lại vài giây chờ đợi.)

Thiếu tá Phạm Huân nói tiếp : “có nhiều chuyện bịp lố bịch ở Hỏa Lò, chẳng hạn như sau khi các phái đoàn tới, đại diện Bắc Việt cho biết là 20 tù binh Mỹ được phóng thích hôm nay không chịu về vì lý do họ không muốn phòng thích trước các đồng đội của họ đã bị giam lâu ngày hơn”. Các sĩ quan Mỹ trong ban liên hợp quân sự rất lo lắng, nhưng tôi và thiếu tá Chất nghi ngờ lại có một chút tiểu xảo gì đây, nhưng tôi tin chắc là vào giai đoạn này Bắc Việt không còn dám lật lọng với Mỹ. Cuộc thương thuyết diễn ra trong 1 tiếng 15 phút, và rồi thì 20 tù binh Mỹ đã được thuyết phục.

Tù binh ở Hỏa Lò bị mang ra trình diễn theo lệnh của các sĩ quan Bắc Việt, họ cứ làm như không có sửa soạn gì trước; khi phái đoàn vào thấy cảnh một số tù binh đang tắm trường, một người cạo râu, một vài người khác đang được lính Bắc Việt hớt tóc. Đây là những cảnh họ trình diễn ai cũng hiểu như vậy cả. Khi phái đoàn vào, viên trung tá Bắc Việt hướng dẫn làm bộ la ông đại úy : “hôm nay phái đoàn đến tại sao không cho chúng nó sửa soạn gì cả?”. Nói như thế rồi ông ta lại tự trả lời ngay : “ừ mà thôi cứ kệ chúng nó, để chúng nó tự nhiên”.

Tù binh Mỹ có một cái gì lo sợ ghê gớm, chắc là sự hành hạ tinh thần và thể xác mà nhà cầm quyền Bắc Việt đã dày vò họ trong những năm tháng địa ngục ở Hà Nội. Qua mắt cáo lưới sắt, khi tôi vào và chào các tù binh, trong một thoáng rất nhanh, tất cả anh em tù binh mắt như có ngấn lệ. Nhưng rồi họ lại cúi gầm xuống ngay. Một sĩ quan trong ủy ban quốc tế có hỏi một sĩ quan tù binh là anh ta được đưa về “Hilton Hà Nội” này từ bao lâu ? Trả lời 2 ngày. Viên cai

ngục trừng mắt nhìn người tù binh. Sĩ quan ủy ban quốc tế yêu cầu lặp lại câu trả lời nhưng người tù binh Mỹ không dám lặp lại. Khi trở ra, đi ngang chỗ mấy người tù binh đang tắm khỏa thân gần một hồ nước, tôi đã nghiêm trang nói với họ : “Các anh là những anh hùng của nước Mỹ, các anh đã hy sinh cho sự đứng vững của VNCH và cả thế giới tự do nữa”. Người tù binh Mỹ đang xát xà bông đã đứng nghiêm chào tôi theo quân cách, những giây phút này muôn vàn xúc động.

*- Tôi muốn đặt câu hỏi này với anh Dương Phục, anh đi qua những đường phố của Hà Nội anh có thấy một sạp báo nào ở đó không và anh có thấy báo chí được bày bán không ?*

- Tôi xin nói ngay là tôi không thấy một sạp báo nào hết trên tất cả những con đường mà tôi đi qua. Về vấn đề báo chí thì qua các cuộc tiếp xúc với những phóng viên nhà nước ở Hà Nội, tôi được biết ngoài đó chỉ có một vài tờ báo chính thức của nhà nước mà thôi.

*- Khi anh tiếp xúc với họ anh có đề cập tới những người làm văn học nghệ thuật ở ngoài Bắc không. Những người thuộc lớp cũ như Hoàng Giác, Đoàn Chuẩn, Ngọc Giao ... các ca sĩ lớp trước ở đài Hà Nội như Ngọc Bảo, Minh Đỗ, Thanh Hiếu, Thanh Hằng còn không ?*

- Chính họ đã hỏi tôi rất nhiều, vì họ cũng biết tôi là phóng viên và đi theo phái đoàn với tư cách sĩ quan báo chí. Tôi đã được nói chuyện với một phóng viên của đài phát thanh Hà Nội, chúng tôi đã nhận ra nhau sau một hồi nói chuyện và biết rằng cùng một nghề. Chúng tôi đã bàn chuyện báo chí, văn học nghệ thuật. Họ có nói rằng họ theo dõi chương trình phát thanh của chúng tôi rất là xít xao, họ biết rõ cả những chương trình nào hay dở, ăn khách ... tên ca sĩ và tên các chương trình nổi tiếng của mình. Họ cũng biết tên tuổi một số các nhà văn, nhà báo đang nổi tiếng ở trong Nam, họ cũng hỏi đến một số các nhà văn cũ, những nghệ sĩ cũ như anh Phạm Duy, Chu Tử, Thanh Nam, Mai Thảo, cô Thái Thanh ... về tình trạng của những người đó bây giờ ra sao.

Tôi định hỏi họ rất nhiều nhưng họ không để tôi kịp hỏi, đến một chục ông phóng viên của đài Hà Nội đi theo phái đoàn đã vây kín tôi để “truy” liên miên. Họ phỏng vấn tôi đến không kịp trả lời và họ khai thác toàn là vấn đề chính trị. Họ đã thâm băng một cách không đứng đắn, nghĩa là tôi không đồng ý. Nhưng họ đã thu lén, trồi lạnh họ dấu máy trong áo mưa, micro dấu dưới áo hay trong túi, cùng nghề tôi nhận ra ngay và tôi bảo họ không nên làm như vậy.

Mới đầu họ rất hòa nhã, hỏi chuyện tôi về vấn đề thân thế, gia đình vợ con, nghe giọng Bắc thì họ hỏi chắc là cũng di cư. Họ hỏi và họ ghi chép đàng hoàng. Mới đầu gặp một người tôi tưởng họ hòa nhã hỏi thăm, nhưng về sau cả chục người khác lại cũng chỉ hỏi tôi những câu hỏi giống nhau từng chữ một. Không thể có sự trùng hợp như thế, nghĩa là họ đã có học tập và sắp xếp.

*- Anh là người trẻ nhất trong phái đoàn trở lại Hà Nội, vậy anh có thể cho biết cảm tưởng của anh khi nhìn lại thành phố Hà Nội ?*

- Tôi rời xa đất Bắc khi còn quá nhỏ (10 tuổi) cho nên tôi không có nhiều kỷ niệm ở Hà Nội hoặc những kỷ niệm rất là mù mờ tôi không có dịp so sánh chính xác Hà Nội xưa và nay. Nhưng chúng tôi cũng được đọc, được nghe các đàn anh nói về Hà Nội, vì thế khi mà trở về Hà Nội cũng có một nỗi xúc động rất lớn lao; chúng tôi được nghe, được tả một Hà Nội rất óng ả và thơ mộng, thế nhưng mà chúng tôi không nhìn thấy những hình ảnh như vậy, tôi cố ý nhìn mà không thấy một cô gái nào mặc áo dài đi trên đường phố, toàn là quần áo cán bộ hoặc là quần áo cánh.

*- Các anh phóng viên đài Hà Nội mà anh tiếp xúc, họ ở lớp tuổi nào ?*

- Họ phần đông lớn tuổi, có một anh tôi biết tên là Bội, mới đầu tôi hỏi tên anh ấy không nói, anh hỏi tên tôi, lẽ dĩ nhiên tôi chả có việc gì phải giấu, anh ghi chép tên tuổi tôi đoàng hoàng lắm, chỉ thiếu ... số quân thôi. Tôi hỏi tên anh ấy mấy lần anh không nói, tôi bảo nếu anh thấy có gì trở ngại thì tôi cũng không tha thiết để biết quý danh. Về sau tôi biết anh ấy là Bội, tôi nhận ra giọng anh ta, là một chuyên viên trực tiếp truyền thanh như anh Nguyễn Mạnh Tiến của đài Saigon vậy. Tôi đã từng nghe anh ta trực tiếp truyền thanh đá banh, cũng như tôi đã từng nghe một phóng sự của anh ấy tường thuật trận đánh Quảng Trị. Anh ta nói nhanh lắm.

Anh đó là cứ đi theo tôi đều đều, anh ta nói cùng nghề mình sẽ gặp nhau trong một dịp khác, anh ta hỏi đủ thứ chuyện và luôn gài vấn đề chính trị vào. Tôi có nói : "chúng ta chỉ gặp nhau trong chốc lát mà thôi, tối nay tôi về Saigon, anh vẫn còn ở Hà Nội, chỉ nên nói những chuyện mưa gió, trời Hà Nội lạnh, nắng Saigon đẹp vậy thôi."

*- Ở ngoài đó họ có đài truyền hình không ?*

- Có, họ có đài truyền hình và có gửi người tới làm việc, đó là theo như lời họ nói, nhưng vì họ gửi nhiều người quá tới vậy chúng tôi nên cũng có người hớ nói ra cho chúng tôi biết. Chúng tôi có hỏi họ đài truyền hình lập lâu chưa, có bao nhiêu máy của dân chúng. Họ nói mới thành lập và có hằng mấy vạn máy thu hình. Chúng tôi cười mới lập mà sao có nhiều máy thế. Nhưng rồi lại có ông cho biết đài phát hình một ngày có một tiếng đồng hồ và còn trong thời gian trắc nghiệm. Để biết rõ những điều đó chúng tôi quan sát trong thành phố thì chẳng thấy một cái ăng ten nào trên các nóc nhà dân chúng, nếu có máy là phải có ăng ten. Chúng tôi hỏi họ về tiết mục trong chương trình truyền hình thì họ ằm ừ không ai biết, chúng tôi hỏi máy truyền hình của dân chúng hiệu gì, Nhật Bản hay Nga Xô, họ cũng không trả lời được.

Học đã có những thái độ lấp liếm rất buồn cười, chẳng hạn như khi tôi tường thuật vào máy ghi âm quang cảnh thành phố, tôi nói chẳng thấy một bóng áo dài nào trên đường phố, toàn là quần đen áo cánh, thì ngay lúc đó một ông sĩ quan nói chõ vào micro của tôi là ở ngoài này mặc áo cánh cho dễ làm việc, mặc áo cánh nhưng không có áo rách. Thật là khôi hài.

*- Các anh có thấy các cửa hàng buôn bán, các hàng rong đặc biệt như Sáu Dằm, Phá Sa Lạc Rang của Hà Nội xưa không ?*

- Chúng tôi có đi xe phốt ngang cửa hàng bách hóa Hà Nội nhưng không vào, các cửa hàng buôn bán thì hầu như không thấy hay là rất ít, tôi có thấy một vài hàng quán nhưng chỉ kiểu các quán cóc đầu đường của mình ở Saigon. Hàng rong như ngày xưa thì tôi không thấy. Tôi có thấy một vài quán cóc trên đường Lý Thường Kiệt, gần trường Nguyễn Trãi, nhà thủy tạ vẫn còn nguyên.

*- Hồi này anh Phạm Huân có nói về chuyến đi thăm anh em tù binh Mỹ ở Hỏa Lò tôi thắc mắc là ở đó có anh em quân đội mình bị bắt giữ hay không ?*

- Tôi không thấy bóng dáng một chiến hữu nào của ta bị họ giam giữ ở đó cả.

*- Trong ngày trở lại Hà Nội, anh cho biết về thành phố Hà Nội như thế cũng quá đủ, khi lên phi cơ nhìn lại thành phố Hà Nội lần cuối cùng anh nghĩ gì. Đây cũng là câu hỏi chót của chúng tôi.*

- Đây là một câu hỏi cũng có ý nghĩa tương tự như các cán bộ CSBV hỏi tôi. Tôi cũng thành thực trả lời với họ rằng tôi chờ đợi sự trở về Hà Nội từ mười mấy năm nay. Khi tôi biết được sẽ đi Hà Nội tôi đã trần trọc suốt đêm không ngủ, cũng như suốt ba tiếng rưỡi đồng hồ trời gần

sáng trên máy bay, tôi vẫn từng phút từng phút mong đợi được đến Hà Nội để thấy lại thủ đô yêu dấu khi trước của mình. Nơi tôi đã lớn lên và sống những chuỗi ngày tươi đẹp nhất hồi 17, 18 tuổi. Khi thấy phi trường Gia Lâm đổ nát, tôi vẫn an ủi đây là khu vực quân sự là những mục tiêu oanh tạc, thành thử hoang tàn đổ nát thì cũng không ngạc nhiên, và không thất vọng.

Nhưng thú thực với các anh sau 5, 6 tiếng đồng hồ di chuyển trong thành phố, nhất là xem những phong cảnh mà mình yêu thích ngày xưa tôi thấy đau buồn và cô đơn vô cùng. Trước khi tới Hà Nội đã nhiều lần tôi muốn khóc. Tới Hà Nội như các anh biết, nhiệm vụ và vai trò tôi đã được ấn định rõ ràng, dù có xúc động có thương nhớ Hà Nội ngày xưa của mình tôi vẫn phải che dấu tình cảm đi. Nhưng sau một ngày về Hà Nội nhìn thấy cảnh tiêu điều của thành phố xưa, nhiều lúc vào trong phòng rửa mặt, tôi đã nấc lên để cố dần những giọt nước mắt trào ra. Tôi nghĩ rằng nếu về Hà Nội để mà nhìn thấy những cảnh tiêu điều xơ xác, những cảnh sống cùng cực của người dân bây giờ, mà tôi thừa với các anh, còn kém những người dân ở Cao Nguyên miền Nam Việt Nam như ở Phú Bổn, Kontum, tôi có nói với họ\_câu này cũng để trả lời anh luôn\_với nhiệm vụ một quân nhân nếu được chỉ định thì đương nhiên tôi thi hành công tác; còn nếu không, không bao giờ tôi trở về Hà Nội một mình như vậy nữa. Tôi đã trả lời thể và lời nói này đã được các phóng viên đài Hà Nội ghi âm.

“Hà Nội, cái phần thân thể đó của đất nước chúng ta, sau gần hai mươi năm chiến tranh, xa cách, tưởng chừng đã đứt rời khỏi tổ quốc.

Nhưng cuộc trở về Hà Nội của ba sĩ quan QLVNCH như một lời nhắc nhở bàng hoàng rằng Hà Nội vẫn còn, Hà Nội chỉ bị chìm ngập trong bóng tối chứ Hà Nội không mất.

\*\*\*

Hà Nội còn đó, nhưng Hà Nội ra sao ?

Những hình ảnh của Hà Nội, được mang ra khỏi Hà Nội mới nhất, những bức ảnh chụp Hồ Gươm vào ngày 18 tháng 2 năm 1973 vừa qua, cho thấy rằng Hà Nội còn đó, nhưng Hà Nội đã làm chảy nước mắt tất cả những người nhìn thấy lại Hà Nội.

Hà Nội nghèo, nhưng người ta không thể tưởng tượng Hà Nội có thể nghèo đến thế !

Hà Nội già, nhưng người ta không thể tưởng tượng Hà Nội có thể già đến thế !

Người ta đã làm gì Hà Nội sau gần hai mươi năm đóng kín cửa Hà Nội, để khi chúng ta đẩy được cái cánh cửa quá khứ ra, Hà Nội chỉ còn như một cái xác không hồn như thế ?

Tất cả những lời khoa trương, dối trá cho Hà Nội, không còn che dấu được cho Hà Nội nữa. Bởi vì Hà Nội đã được nhìn tận mắt của một người yêu Hà Nội, muốn biết những sự thật về Hà Nội. Sự thực là Hà Nội vẫn còn nguyên vẹn, nhưng từ mỗi góc phố, mỗi con đường người ta chừng đều nghe thấy, nhìn thấy, tiếng thở than ngậm ngùi, vẻ điêu linh bạc nhược của Hà Nội.

Những tiên nga Hoàng Dương nói đến trong nhạc của ông hai mươi năm trước đâu ?

Những thanh niên đẹp trai đã khiến Xuân Diệu xưa cả quyết rằng “không gì đẹp bằng đẹp trai” đâu ? Hơn một trăm bức hình Hà Nội, được mang ra khỏi Hà Nội, không ghi được của Hà Nội một nụ cười !

Người ta nhìn thấy gì trên các khuôn mặt của những người dân đi trên đường phố Hà Nội ?

Cái điều người ta đọc được đầu tiên và cũng làm cho người ta đứt ruột đau đớn là hình như người dân Hà Nội không còn ai có cá tính nữa. Họ cùng mang trên nét mặt một vẻ lạnh lẽo, âm thầm. Không một cô gái nào có nổi một chiếc áo dài. Cũng không một thiếu nữ nào có nổi một đôi giày. Họ đều mặc quần thẫm, áo cánh, áo cánh nâu, áo cánh xám, áo cánh trắng màu cháo lòng, đi dép, thứ dép được cắt bằng lốp xe hơi cũ, quai bằng cao su và thứ dép bằng plastic màu ngà, hoặc đi chân đất. Đàn ông thì hầu hết mặc quần áo đại quân, hay đồng phục cán bộ màu xám. Riêng các thiếu nhi, các em đều phong phanh những chiếc áo vải mỏng, áo len cũ kỹ, dù ai cũng biết rằng, cái rét ở Hà Nội vào tháng giêng còn là cái rét cắt da, cắt thịt, các em phần lớn đi đất, và đất ở miền Bắc vào những ngày chưa hết tết này, phải được ví như những tảng nước đá.

Hà Nội quả thật đã kiệt quệ, đã hết màu sắc, dấu hiệu đầu tiên của những xã hội vui tươi, sung túc.

Các sĩ quan có dịp trở lại cố đô của chúng ta, nói rằng, hai mươi năm mà Hà Nội không có được một kiến trúc nào mới, ngoại trừ một cái công viên, đó là công viên Thống Nhất. Họ đã đi qua nhiều khu phố chính của Hà Nội, nhưng không hề thấy một cửa hàng nào mở cửa, không trông thấy một sạp bán sách báo nào ngoài đường.

Hai mươi sáu năm trước đây, nhạc sĩ Trần Văn Nhơn, từng đảm nhiệm chức vụ nhạc trưởng đài phát thanh Hà Nội, đã phác họa cảnh Hồ Gươm trong một nhạc phẩm của ông, bản Hà Nội 49, không ngờ đó lại cũng là bức chân dung của Hà Nội, của Hồ Gươm năm 1973 nữa :

*Khấp chôn nay điêu tàn nhà xiêu đổ một cảnh nát tan  
Hồ xanh nay vẫn xanh nhưng liễu xưa hồ đâu tá  
Tôi đứng im lặng nhìn, nhìn tháp cũ bóng soi hồ Gươm  
Tháp kia sao lạnh lùng như dấu muôn e thẹn căm hờn.*

Ba người của Hà Nội ngày trước vừa trở lại Hà Nội, chẳng khác những giọt máu vừa chạy lại được về tim.

Ba giọt máu không đủ làm tươi lại trái tim khô héo, nhưng dù sao cũng đem lại một hy vọng !

Hai mươi năm với những núi xương, sông máu, những người có trách nhiệm với Hà Nội, đã không làm được cho Hà Nội lớn lên, lại làm cho Hà Nội trở thành èo uột, giống như một thành phố hấp hối như thế, đối với bất cứ một người Việt Nam đứng ở đâu đi chẳng nữa vẫn là có tội.

Ôi ! “Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm” câu thơ ấy của Quang Dũng đã trở thành mũi dao đâm vào chính trái tim Hà Nội !

Hết rồi Hà Nội gót son. Hết rồi Hà Nội, chân trắng ra về lối đẹp hơn của Văn Cao.

Hết rồi Hà Nội bay đến bên em điểm tô quầng mắt. Em tôi ngập ngừng trong tấm áo nhung của Đoàn Chuẩn.

Hà Nội bây giờ là Hà Nội quần thẫm áo cháo lòng, Hà Nội chân đất, chân dép nhựa, Hà Nội còng lưng đạp xe đạp.

Hà Nội đã chết !

## Thiếu tá Phạm Huấn Nguyễn Đạt Thịnh

Tôi sống rất gần và rất lâu với Phạm Huấn; sống trong quân ngũ, sống trên chiến trường, trên trường văn trận bút, và cả trên bờ biển Hawaii thơ mộng nữa. Tôi có thể viết về Huấn như nhắc nhở đến một người bạn thân, nhưng tôi chọn góc cạnh quân ngũ để viết về anh. Đó là góc cạnh tôi biết anh rõ nhất, và, theo quan điểm của tôi, đó cũng là góc cạnh đẹp nhất của anh.

Trong hệ thống quân sự, Huấn là sĩ quan phụ tá giúp tôi thực hiện việc biên tập hai tờ báo của quân đội, tờ Tiền Phong, dành cho sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hòa, và tờ Chiến Sĩ Cộng Hòa, dành cho binh sĩ.

Tôi là chủ bút và Huấn giúp tôi trong mọi địa hạt biên tập, nhưng trên thực tế cả hai chúng tôi là 2 phóng viên chiến trường. Thời gian chúng tôi có mặt ngoài tiền tuyến, bên các đơn vị đưng trận với địch, nhiều hơn thời gian chúng tôi ngồi ở văn phòng.

Đa số những bài phóng sự mô tả các trận giao tranh, chúng tôi viết trên những chuyến bay C47, C119, hay C130 chuyên chở thương binh về hậu cứ hay đưa thi hài tử sĩ về nguyên quán. “Chúng mình thấy nhiều người chết trận hơn đa số anh em quân nhân khác,” Huấn thường nói với tôi.

Điều này cũng dễ hiểu: Mỗi đơn vị trưởng chỉ nhìn thấy số tử sĩ của đơn vị mình và số tử thi của địch bị sát hại trước hàng rào phòng thủ hay trong trận giao tranh với đơn vị.

Huấn và tôi thấy nhiều trận giao tranh của nhiều đơn vị, mà trận Lam Sơn 719 là một.

Lam Sơn 719 là một trong những trận giao tranh lớn mà hai anh em chúng tôi có nhiều kỷ niệm. Đây là trận quân ta hành quân sang Hạ Lào.

Huấn theo cánh quân của Sư Đoàn 1 Bộ Binh tiến trên đường số 9 để vào Tchepone, căn cứ chỉ huy tiếp vận của địch; tôi theo cánh quân của Sư Đoàn Nhảy Dù xuất phát từ Khe Sanh.

Lam Sơn 719 là cuộc hành quân đầu tiên do QLVNCH hoàn toàn thực hiện, từ thảo hoạch chiến thuật tới yểm trợ hành quân, từ kế hoạch “khóa vòi nước” Bắc Việt không cho chúng đưa quân vào tăng viện cho bọn Việt Cộng trong Nam, tới mục tiêu cắt đứt hệ thống đường mòn Hồ Chí Minh, đặt các toán biệt kích mai phục, ngăn cấm không cho địch sử dụng con đường tiếp vận quan trọng này nữa.

Nhưng vì LS 719 là cuộc hành quân độc lập đầu tiên của QLVNCH không phối hợp với Mỹ nữa nên anh đồng minh khổng lồ của chúng ta cũng giả ngơ để chúng ta tự lực cánh sinh, với những phương tiện trợ chiến và tiếp vận bằng không lực còn rất yếu kém của chúng ta.

Từ Saigon ra, chúng tôi đáp tại phi trường Phú Bài. Trong lúc các tiểu đoàn trưởng tổng trừ bị kiểm điểm quân số, vũ khí và trang cụ của đơn vị, Huấn lại tìm tôi.

“Anh nghe đài Hà Nội chưa?” Huấn hỏi tôi, rồi mở cái máy thu thanh nhỏ anh vừa mượn của một quân nhân nhảy dù cho tôi nghe: Hà Nội đang chỉ trích VNCH đem quân sang “xâm chiếm” Vương Quốc Ai Lao.

Chúng tôi lo lắng, vì địa điểm hành quân là một yếu tố mật, chính chúng tôi và các tiểu đoàn trưởng tham dự hành quân cũng vẫn chưa được thông báo, mà Hà Nội đã biết rồi. Bí mật đã bị tiết lộ.

Nhưng ai bật mí? Chúng tôi không biết; nhưng chắc chắn từ trung tướng Dư Quốc Đống tư lệnh Sư Đoàn Nhảy Dù trở xuống không một quân nhân nào phản trắc, hoặc có hoàn cảnh và điều kiện để làm công việc thông đồng với địch, phản quốc.

Chỉ có bộ Tổng Tham Mưu, Dinh Độc Lập, và Tòa Đại Sứ Mỹ có điều kiện để thông báo cho địch.

Không biết nguồn gốc phản phúc, nhưng chúng tôi biết chắc chắn một điều: Địch đã biết trước, và biết rõ hơn chúng tôi biết về cuộc hành quân chúng tôi đang tham dự, đã bố trí, và các đơn vị QLVNCH sẽ phải trả một giá rất đắt.

Điều chúng tôi lo sợ trở thành sự thật; đồi 31, căn cứ Hồng Hà 2, quốc lộ 9 trở thành những trận địa pháo Việt Cộng chờ sẵn.

Trời Hạ Lào xấu, nhiều trần mây chạm đỉnh đồi, không quân Việt Nam chỉ có khả năng trợ chiến trực tiếp: Tấn công vào những mục tiêu nhìn thấy được bằng mắt thường, nhưng không có dụng cụ đánh đêm, mà cũng chưa được huấn luyện để yểm trợ tác chiến bằng phi cơ, nên gần như không giúp đỡ gì được cho người bạn bộ binh bên dưới đang lọt vào phục kích và trận địa pháo của địch.

Không yểm Hoa Kỳ = 0

Tình thế nguy hiểm thấy rõ, tôi chia công việc với Huấn: Anh ở lại theo dõi Hạ Lào, tôi trở về Saigon hy vọng tìm một lối thoát, giúp tái lập không yểm Hoa Kỳ.

Lối thoát là nghị sĩ Trần Văn Hương, người đã nhiều lần yểm trợ chúng tôi trong những chương trình giúp đỡ cô nhi quả phụ.

Không lùi bước trước bất cứ khó khăn nào để giúp người lính tác chiến, nhà ái quốc trọng tuổi Trần Văn Hương đứng ra triệu tập một cuộc họp báo, tố cáo thái độ không trợ chiến của không quân Hoa Kỳ.

Ngay ngày hôm sau không yểm được tái lập. Huấn vào Tchepone với Trung Đoàn 1 Bộ Binh, chứng kiến tổn thất khiếp đảm của những đơn vị tham chiến và trở về Saigon với kế hoạch “Đại Hội Nhạc Trẻ Sân Hoa Lư.”

Anh gọi thợ mời những người lính trẻ Hoa Kỳ thích đàn hát tham dự chương trình nhạc sống ngoài trời, bán vé lấy tiền để giúp cô nhi, quả phụ Hạ Lào.

Số tiền thu được gần 3 triệu bạc trong thời điểm lương sĩ quan trung cấp của chúng tôi chỉ trên dưới \$40,000. Huấn trao số tiền này cho bộ tư lệnh Sư Đoàn Nhảy Dù.

TUẦN BÁO ĐIỀU HẬU là tờ báo thứ ba chúng tôi làm trong cùng một lúc. Hai tờ báo chính thức của quân đội chúng tôi phụ trách không giúp chúng tôi nêu lên những vấn đề thiết thực của quân đội, và không nói lên tiếng nói uất nghẹn của người lính VNCH.

Một thí dụ: Chúng tôi không thể tố cáo trên mặt tờ báo chính thức của quân đội tình trạng người lính không được mua đủ khẩu phần quân tiếp vụ của họ, vì nhiều lon dầu ăn, lon paté gan của quân tiếp vụ bị nhảy dù ra khỏi kho, và đem bày bán trên lề đường Saigon. Chúng tôi lại càng không thể đề cập đến nhiều hành động tham nhũng của hàng tướng lãnh Việt Nam.

Huấn bàn với tôi việc xuất bản tờ tuần báo Điều Hậu như tiếng nói trung thực của người lính.

Hai anh em rốc túi được trên \$100,000, và đó là số vốn đầu tư mua được cho chúng tôi nhiều phút tranh đấu hào hứng đến đứng tim.

Chúng tôi giúp anh em quân nhân giải quyết nhiều bất công thông thường, nhưng lại đứng khựng trước một vụ tham nhũng khổng lồ, lạm dụng quá đáng và vô cùng quy mô: Vụ quỹ Tương Trợ Tiết Kiệm (TTTTK).

Quỹ TTTK trực tiếp trừ lương mỗi người lính \$100 mỗi tháng, một triệu lính \$100 triệu; mỗi năm 1 tỷ 2.

Lương tháng của chúng tôi khoảng \$40,000-400 tờ giấy trăm. Số tiền mang chất tiền lính, tính liền, nên có thiếu một tờ cũng không để ý lắm, nó chỉ bằng một quarter bây giờ.

Nhưng 4 năm sau, khi số tiền tiết kiệm lên đến 5 tỉ bạc, thì nó đủ lớn để làm tối mắt nhiều viên chức chính phủ và tướng lãnh quân đội. Họ lập Kỹ Thương Ngân Hàng, tài trợ cho hai giới kỹ nghệ gia và thương gia trong công việc doanh thương, họ mua hãng RMK của Mỹ để làm xa lộ, làm đường sá, họ mua công ty Cogido để làm giấy in sách báo, họ dự trữ khui giếng dầu Hồng Hà 2 ngoài thềm lục địa Việt Nam, và làm nhiều dự án vô cùng lớn lao khác nữa.

“Tiền tiết kiệm của lính, mà mọi người xúm lại sử dụng vung vít quá,” Huấn bảo tôi. Anh viết bài đặt vấn đề quản trị và trách nhiệm về tài sản tiết kiệm của lính.

Trung tướng Đồng Văn Khuyên, một viên chức trong hội đồng quản trị quỹ TTTK, viết bài trả lời chúng tôi.

Ông hỏi chúng tôi những việc làm xa lộ, khui giếng dầu, sản xuất giấy để in sách báo không phải là phục vụ cho nền kinh tế quốc gia hay sao.

Chúng tôi đăng nguyên văn thơ và chân dung ông lên báo, rồi viết trả lời ông là tất cả những việc quỹ TTTK làm đều đúng, trừ một điều: Sử dụng số tiền tiết kiệm của chúng tôi. Chúng tôi là trái chủ của trương mục TTTK này, và chúng tôi, người lính VNCH, phải có ưu tiên vay mượn trước mọi người khác.

Vay mượn để làm gì? Chúng tôi vạch rõ tình trạng mỗi người lính, với số lương còm cõi, phải đài thọ việc nuôi dưỡng một đại gia đình gồm 5, 7 người thân nhân đến tá túc trong trại gia binh, chung sống với gia đình người lính, vì tình trạng thiếu an ninh tại nông thôn. Do đó số nhân lực thặng dư, cần việc làm trong trại gia binh rất nhiều, và sẽ trở thành đắc dụng nếu quân đội có kế hoạch sử dụng họ và sử dụng số tiền tiết kiệm của những người lính thân nhân họ, cho lính vay lại số tiền tiết kiệm.

Huấn và tôi lấy Sư Đoàn 18 ra làm điển hình để cụ thể thảo luận với hội đồng quản trị quỹ TTTK trên mặt báo Điều Hâu. Sư Đoàn đóng tại Long Khánh vùng đất đỏ màu mỡ rất tốt cho việc làm rẫy trồng đậu nành.

Nếu sư đoàn tổ chức hợp tác xã dầu ăn, mua máy cày về cày mướn cho những người lính thành viên hợp tác xã, và cho họ mượn vốn mua hạt đậu nành giống, mua phân, mua máy bơm nước để khai thác một hai mẫu đậu nành cấp cho họ thì hợp tác xã đã sử dụng hai phần ba số bà con lính sống thất nghiệp trong trại gia binh, và với tối thiểu 5,000 thành viên, trong số 10,000 quân nhân của sư đoàn, mỗi mùa hợp tác xã đã có thể mua lại hoa màu của 10,000 mẫu đậu nành, số lượng có thể ép thành hàng chục triệu lít dầu ăn.

Lúc đó khẩu phần quân tiếp vụ của binh sĩ là mỗi gia đình được mua 2 lít dầu mỗi tháng. Hợp tác xã sư đoàn 18 không những có khả năng hủy bỏ giới hạn mua dầu ăn, mà còn có khả năng cung cấp thêm cho thị trường bên ngoài.

Máy ép dầu? Kỹ sư dầu ăn? Mua dụng cụ và mướn người ngoại quốc nếu chúng ta chưa có đủ chuyên viên.

Chúng tôi chọn thêm hai sư đoàn 5 và 25 để thảo luận về việc sản xuất một nhu yếu phẩm khác: Đường. Hai sư đoàn này đóng ở Củ Chi và Đức Hòa, vùng trồng mía.

Chúng tôi cũng đề nghị sử dụng nhân công thân nhân binh sĩ, sử dụng vốn trong quỹ TTTK để tạo ra hợp tác xã sản xuất đường.

Hội đồng quản trị quỹ TTTK đang thảo luận với tuần báo Điều Hâu thì bên trong nội bộ của hội đồng tiết lộ ra nhiều tài liệu tố giác tham nhũng trong việc điều hành quỹ.

Cuộc thảo luận về nguyên tắc sử dụng đứng đắn đồng tiền tiết kiệm của người lính biến thành cuộc điều tra của Phủ Phó Tổng Thống đặc trách bài trừ tham nhũng.

Trung tướng Nguyễn Văn Vỹ, tổng trưởng quốc phòng và chủ tịch quỹ TTTK bị cất chức, và quỹ bị giải tán.

Mỗi người lính chúng tôi được lãnh lại 60 tờ giấy trăm, một số tiền khác cũng mang tính chất tiền lính để bị tính liền trong một bữa ăn cuối tuần.

Trong cuộc đấu tranh này tôi nhận ra được bản tính vô cùng can đảm của Huấn trong nhiều đụng chạm với những quân nhân cao cấp và nhiều quyền hạn.

Tôi ca ngợi Huấn, anh chỉ cười dễ dãi, rồi huyệch hoặc bảo tôi, “mó để ngựa, tôi cũng teo lúm.” Kỷ niệm buồn thắm thía giữa Huấn và tôi, mà cả hai chúng tôi cùng không dám nhắc lại là ly rượu chúng tôi uống trong một buổi chiều sơn cước.

Sáng hôm đó tôi theo trung đoàn 45 từ đèo Hàm Rồng về Ban Mê Thuật chứng kiến cảnh Đại tá Quang đưa quân về tiếp cứu trung tá Ân đang tử thủ tại phi trường Phụng Dực.

Tôi chứng kiến sức chiến đấu can trường và dũng mãnh của người lính bộ binh chống với đoàn chiến xa của Việt Cộng.

Chiều hôm đó tôi trở về Pleiku; Huấn đón tôi tại sân trực thăng Quân Đoàn 2. Anh không còn là một phóng viên như tôi nữa, mà đã trở thành sĩ quan báo chí của Quân Đoàn.

Anh không chở tôi vào bộ Tư Lệnh để tiếp tục làm việc với những tin tức cuối cùng của Phòng Nhì và Trung Tâm Hành Quân, mà cũng không đưa tôi về cư xá sĩ quan cho tôi nghỉ ngơi trước bữa cơm chiều, mà lái xe thẳng ra phố.

Chúng tôi vào một tiệm cơm Tây của Pleiku do một cặp vợ chồng Tây thật làm chủ. Huấn gọi hai ly rượu mạnh. Ông Tây già bưng rượu và một đĩa thịt nguội nhỏ ra bảo chúng tôi, “amuse gueul,” (món vui miệng).

Thường khi chúng tôi cũng xô tiếng Tây ra đấu với ông, nhưng lần này Huấn chỉ “merci” một tiếng rồi cụng ly với tôi.

Nhìn gương mặt lầm lì của Huấn tôi hỏi, “tình hình tệ lắm hả?”

“Lát Thiếu Tướng Phú sẽ nói chuyện với anh,” Huấn nói.

Nửa đêm hôm đó quân đội VNCH bỏ cao nguyên, với nhiều uẩn khúc Huấn, tôi và nhiều người khác đã viết lại.

Cuộc triệt thoái này đưa người Miền Nam đến chỗ mất nước. Tôi gặp lại Huấn tại San Jose, làm chủ một tiệm cơm Tây lớn hơn nhà hàng chúng tôi ăn lần chót tại Pleiku, và chị Hà, bà xã Huấn, nướng steak cũng ngon hơn ông Tây già Pleiku. Huấn rót cho tôi một ly Cordon Bleu, thứ rượu chúng tôi uống tại Pleiku chiều cuối cùng. Tôi uống cạn, không nhìn Huấn.

Huấn ra đi ngày 29, tháng Mười, 2005. Tôi đến thăm Huấn nhiều lần trong những ngày anh dưỡng bệnh và chứng kiến sự chăm sóc chan chứa yêu thương của chị Hà bên giường bệnh. Với tư cách một quân nhân, tôi ngả nón kính phục những nỗ lực tối đa của anh trên đường phục vụ tổ quốc.

## Mặt trận Ban Mê Thuột



*Thiếu Tướng Phạm Văn Phú*

Ngày 9 tháng 3, 1975.

Đó là một ngày Chúa Nhật. Sau bốn ngày tại mặt trận Bình Định, mãi tới mịt hôm trước chúng tôi mới về tới Nha Trang. Và chúng tôi vừa chết hụt khi chiếc trực thăng hầu như mất thăng bằng trong những cơn lốc xoáy, lúc bay ngang qua Vũng Rô gần Tuy Hòa.

Khi chuông điện thoại reo lên, nhìn đồng hồ mới 8 giờ sáng, mắt tôi cay xè và thật khó chịu. Giọng nói quen thuộc của Tân, một Sĩ quan Tùy viên khác ở Nha Trang, và cũng là em vợ Tướng Phú vang lên từ đầu giây bên kia:

- Ông Tướng mời anh vào bay gấp!

Ngừng lại một giây, Tân nói tiếp:

- Nhưng ông ấy mới chuẩn bị ăn sáng. Chờng 15 phút nữa anh ra thẳng phi trường, tôi lái xe về cho. Ông Tướng bay C-47, tàu bay đậu ở khu VIP bên dân sự!

Và Tân cúp máy.

Tôi linh cảm thấy một chuyện gì quan trọng sắp sửa xảy ra. Tình hình quân sự tại chiến trường

Cao nguyên sau khi Phước Long mất thật nghiêm trọng. Các quốc lộ huyết mạch 19, 21 nối liền Cao nguyên và Duyên hải đã bị cắt nhiều đoạn. Tỉnh Quảng Đức đang bị đe dọa nặng. Tại mặt trận Bình Định, các đơn vị của Sư đoàn 22 Bộ binh gần như quần thảo hàng ngày với Sư đoàn 3 Sao Vàng của Công Sản Bắc Việt. Mặt trận Nam Pleiku, Bộ Tư lệnh Hành quân của Sư đoàn 23 Bộ binh bị pháo liên miên.

Nghe tiếng sóng biển, nhìn qua cửa sổ của chiếc trailer, tôi thấy chận trời xa tít, và nắng lên thật đẹp. Tôi bước ra ngoài. Trước khi lái xe ra phi trường, tôi đã để ra giây phút nhìn cái trailer nằm sát biển Nha Trang, vì tự nhiên linh cảm rằng sẽ chẳng bao giờ trở lại đây nữa. Cái trailer, hay đúng hơn là nơi nghỉ mát của một viên cố vấn Mỹ trước kia, ông Tướng Tư lệnh phó đặc trách bình định phát triển, ông Tỉnh trưởng Khánh Hòa đều muốn nhận làm của riêng mình. Nhưng Tướng Phú đã cho tôi "mượn" dùng làm nơi tạm trú mỗi lần ghé Nha Trang.

8 giờ 40 sáng, chiếc C-47 từ bãi đậu VIP phía dân sự phi trường Nha Trang tiến ra phi đạo. Đây là chiếc máy bay chỉ huy của Đại tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hoà. Mỗi năm cứ mùa mưa đến, ông cho biệt phái chiếc Dakota 2 động cơ này lên cho Tư lệnh Quân đoàn II sử dụng. Bởi vì chiến trường Quân khu II gồm 2 mặt trận cao nguyên và duyên hải; thời tiết luôn xấu và sương mù. Những khi khẩn cấp nếu sử dụng trực thăng hoặc phi cơ nhỏ trên những chặng đường dài Pleiku, Phan Thiết, Bình Định phải bay rất lâu và nguy hiểm.

Lúc phi cơ sắp sửa cất cánh, Tướng Phú nói với tôi:

- Hôm nay mình lên Ban Mê Thuột. Quận Đức Lập, Quảng Đức hiện đang bị pháo rất nặng, có thể bị mất ...

Và ông hỏi Hóa, Sĩ quan Tùy viên, về cái lệnh mời Chuẩn tướng Lê Trung Tường, Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, hiện là Tư lệnh mặt trận nam Pleiku, và Đại tá Nghìn, Tỉnh trưởng Quảng Đức và Ban Mê Thuột họp sáng nay.

Nhìn vẻ mặt đăm chiêu, nghiêm trọng của Tướng Phú, tôi biết rằng Ban Mê Thuột sẽ vô cùng nguy ngập, nếu Đức Lập và Quảng Đức mất.

Tháng trước trong một buổi họp với Tư lệnh mặt trận nam Pleiku, sau khi xếp đặt ưu tiên cho từng mặt trận, Tướng Phú đã ra lệnh cho Đại tá Vũ Thế Quang, Tư lệnh phó Sư đoàn 23 Bộ binh về Ban Mê Thuột chỉ huy, và tăng cường thêm cho Ban Mê Thuột một đơn vị pháo binh 155 ly.

9 giờ 45 phút Tướng Phú tới phi trường Phụng Dực.

Sau những cái bắt tay vội vã, ông cùng với Chuẩn tướng Lê Trung Tường và Đại tá Nguyễn Công Luật, Tỉnh trưởng Ban Mê Thuột về Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh.

Khi đoàn xe đi ngang qua dinh Tỉnh trưởng, thấy một số sĩ quan mặc đồ trắng đánh tennis, Tướng Phú tỏ vẻ khó chịu, và ngay lập tức ra lệnh cấm trại 100%. Tới Bộ Tư lệnh Sư đoàn, ông hối hả bước vào Trung tâm Hành quân.

Tình hình Đức Lập vô cùng nguy ngập. Các đồn phụ đã bị "bứt". Chi khu bị pháo từ 6 giờ sáng, và quân chính qui Cộng sản Bắc Việt đánh "trận địa chiến", và đánh ban ngày. Tiểu đoàn Địa phương quân đóng tại Núi Lửa cách Đức Lập 9 cây số bị địch tràn ngập sau một trận đánh đẫm máu. Thiếu tá Tiểu đoàn trưởng và một số cấp chỉ huy khác bị Việt cộng sát hại.

Tướng Phú bốc máy liên hợp và liên lạc thẳng với Trung tá Nguyễn Cao Vực, Quận trưởng quận Đức Lập. Ông được báo cáo Trung tá Quận trưởng đã bị thương, hiện ở ngoài chỉ huy và điều khiển nhưng khẩu đại bác 105 ly bắn trực xạ vào Cộng quân.

Đúng 10 giờ 30 phút sáng, quận Đức Lập biến thành biển lửa. Từ 12 giờ trưa đến 5 giờ chiều ngày 9 tháng 3, 1975, Tướng Phú họp với Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, các Tiểu khu trưởng Ban Mê Thuột và Quảng Đức để duyệt xét tình hình các mặt trận.

Sau khi chấp nhận những đề nghị của các giới chức liên hệ và cho những chỉ thị cần thiết, ông ra lệnh cho Đại tá Nghìn, Tỉnh trưởng Quảng Đức bay về trước. Tại Ban Mê Thuột, để cho có sự thống nhất chỉ huy, Tướng Phú bổ nhiệm Đại tá Quang, Tư lệnh phó Sư đoàn 23 làm Tư lệnh chiến trường Ban Mê Thuột.

Các Tư lệnh mặt trận phải ra lệnh đôn đốc các đơn vị chuẩn bị và sẵn sàng chiến đấu trong 2, 3 tháng liên tiếp; tổ chức những cuộc hành quân xa ngoài thị xã và vị trí phòng thủ.

Kho xăng, kho đạn phải được phân tán, đề phòng đặc công Cộng sản Bắc Việt đánh phá. Lệnh thiết quân luật mỗi nơi được ủy nhiệm cho các Tư lệnh mặt trận toàn quyền định đoạt.

Hai quyết định quan trọng khác của Tướng Phú:

1. Tư lệnh mặt trận Ban Mê Thuột tùy theo tình hình, nếu cần cho phá hủy cầu 14 trên đường Quảng Đức-Ban Mê Thuột để làm chậm sức tiến của chiến xa địch.
2. Tư lệnh mặt trận Kontum tăng phái một Liên đoàn Biệt động quân cho mặt trận Ban Mê Thuột. Và Liên đoàn Biệt động quân này phải được đổ xuống Buôn Hồ ngay chiều nay.

Sự có mặt của Tướng Phú tại Ban Mê Thuột ngày hôm nay, 9 tháng 3, 1975 với những quyết định có tính cách quan trọng và cấp bách ông vừa ban hành là cái "bén nhảy" của một tướng mặt trận, một vị Tư lệnh có kinh nghiệm chiến trường.

Ông làm việc liên miên ngay từ khi tới Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh. Khi quyết định tăng phái cho Ban Mê Thuột một Liên đoàn Biệt động quân, vừa cầm đĩa cơm trên tay, vừa gọi máy ra lệnh cho Tư lệnh mặt trận Kontum cho các Tiểu đoàn Chiến đấu của Liên đoàn Biệt động quân được tăng phái, chuẩn bị di chuyển trong 2 giờ sắp tới.

Sau đó, ông cũng đích thân liên lạc với Tướng Sang, Tư lệnh Sư đoàn 6 Không quân ở Pleiku, để vận dụng tất cả trực thăng cho cuộc đổ quân được hoàn tất thật nhanh. Vì thế, đợt đổ quân đầu tiên của Liên đoàn 2 Biệt động quân xuống Buôn Hồ đã được thực hiện ngay chiều ngày 9 tháng 3, 1975.

6 giờ chiều ngày 9 tháng 3, 1975 rời Ban Mê Thuột, Tướng Phú ra lệnh bay thẳng lên Pleiku, thay vì trở lại Nha Trang nghỉ dưỡng sức. Và ngay buổi tối, ông vào làm việc, ở luông trong chiếc "bunker", chiếc hầm nổi chống pháo kích của Tư lệnh Quân đoàn còn đang làm dở dang, sát với Trung tâm Hành quân. Lệnh cấm trại 100% được ban hành.

Từ lúc trở lại Pleiku, Tướng Phú có vẻ bồn chồn lo nghĩ. Ông hút thuốc lá liên miên. 9 giờ tối, khi được báo cáo Liên đoàn 21 Biệt động quân tăng cường cho mặt trận Ban Mê Thuột đã được trực thăng bốc từ bắc Kontum thả xuống Buôn Hồ, Tướng Phú thở phào nhẹ nhõm, và nói một mình:

- May ra thì ... còn kịp!

Rồi quay sang phía tôi:

- Này, "ông nhà báo", mình làm một tẩy mặt chược, khánh thành chiếc "bunker" mới!

Tiếp đó, ông ra lệnh cho Thiếu tá Hóa, Sĩ quan Tùy viên:

- Hóa! Chú mày điện thoại mời Đại tá Tham mưu trưởng và gọi Vinh. Bảo tụi nhỏ kiểm cái bàn vuông, bàn "dã chiến" cũng được.

Hóa có vẻ ngần ngại:

- Hôm nay Thiếu tướng bay từ sáng sớm, và giờ khuya rồi, tôi sợ Thiếu tướng mệt.

- Ô! ăn thua gì, hôm nay tôi muốn thức khuya, chú mày đừng làm ta xui xẻo!

Hóa không nói thêm nữa, lẳng lặng gọi điện thoại mời Đại tá Lý và Thiếu tá Vinh, Chánh Văn phòng Tư lệnh Quân đoàn. Hóa là Sĩ quan Tùy viên của Tướng Phú từ hồi còn ở Sư đoàn 1; người miền Trung, ít nói, tính lầm lì và rất chịu khó làm việc.

Tướng Phú là người sống bình dị, khắc khổ, không uống rượu, ăn chơi. Cái thú duy nhất của ông là hút thuốc lá và thỉnh thoảng được xoa vài tầy mặt chườm, "ăn thua" tượng trưng. Đây là môn "thể thao" vừa giải trí, vừa đấu trí! Canh mặt chườm đêm 9 tháng 3, 1975 kéo dài khoảng hai giờ đồng hồ.

Và đó cũng là lần cuối cùng Tướng Phú được hưởng cái thú tiêu khiển này. Ông bị thua, thua cả ... 3 người!

Gần 1 giờ sáng, Tướng Phú gọi ra lệnh cho Đại tá Phạm Duy Tất, Tư lệnh mặt trận bắc Kontum:

- Anh nhớ theo dõi "thằng con" anh mới rời Kontum anh chiều nay. Bắt nó phải "bung" ra hoạt động ngay. Ngày mai tôi sẽ ra lệnh Đại tá Quang, Tư lệnh phó Sư đoàn 23 mang bộ chỉ huy hành quân lên đó ...

- ...

- Tôi nghe nói "thằng cha Dậu" là con gà chết. Nếu anh thấy hắn ta chỉ huy không được thì nên thay thế ngay. Đừng che chở, kéo hồng việc hết!

- Tôi xin tuân lệnh Thiếu tướng!

Đại tá Phạm Duy Tất, Tư lệnh mặt trận bắc Kontum và cũng là chỉ huy trưởng Lực lượng Biệt động quân, Quân khu II. Trung tá Dậu, Liên đoàn trưởng Liên đoàn 21 Biệt động quân vừa được thả xuống Buôn Hô, đông bắc Ban Mê Thuột, và mới nắm quyền chỉ huy Liên đoàn Biệt động quân hơn 1 tháng nay!



*30 ngày trước khi Cộng quân tấn công Ban Mê Thuột, khi chưa bị rối loạn, chưa ban hành quyết định rút Cao nguyên, bỏ Huế; Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã đi khắp 4 Vùng Chiến thuật để ăn tát niên ngoài tiền tuyến với binh sĩ. Tại mặt trận bắc Kontum, vùng biên giới Lào-Việt, Tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Chiến trường Cao nguyên, hướng dẫn Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa tới thăm một đơn vị Biệt động quân trên tuyến đầu.*

## "Người Lính Kèn" của Trường Võ Bị Đà Lạt

10 giờ 30 phút sáng ngày 9 tháng 3, 1975, quận Đức Lập tỉnh Quảng Đức biến thành biển lửa. Trước đó, hai viên đại bác 82 ly không giật của Bắc quân bắn trúng đài chỉ huy chi khu.

Đài chỉ huy sập. Người Sĩ quan An ninh tử trận tại chỗ. Trung tá Nguyễn Cao Vực, Quận trưởng bị thương, nhúng đầu vào lu nước, thoát ra ngoài. Ông Quận trưởng đích thân chỉ huy và điều khiển hai khẩu đại bác 105 ly, bắn trực xạ, ngăn chặn những đợt xung phong biển người của quân Cộng sản Bắc Việt.

Bốn ngày trước, 5 tháng 3, 1975 một cuộc phục kích tại phía đông Buôn Dak Gang cách bắc Đức Lập 10 cây số. Lực lượng chi khu đã bắt được một tù binh thuộc Sư đoàn F10 Cộng sản Bắc Việt, và tài liệu tiết lộ Bắc quân sẽ đại tấn công Quảng Đức và Ban Mê Thuột, mở đầu chiến dịch Tây Nguyên 1975. Nhưng nguồn tin này, cũng như nguồn tin tình báo tương tự của tiểu khu Ban Mê Thuột, khi khai thác một sĩ quan tù binh Cộng sản Bắc Việt trong toán tiền thám của Sư đoàn 320 Điện Biên Phủ tại Bắc Ban Mê Thuột (tù binh Bắc Việt bị bắt ngày 7 tháng 3, 1975), đã không được Bộ Tư Lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh và Quân đoàn II "xếp hạng" là những nguồn tin quan trọng.

Hôm nay Sư đoàn F10 Cộng sản Bắc Việt nhất định san bằng quận Đức Lập để tiến quân về Ban Mê Thuột. Các công sự phòng thủ trên mặt đất sập hết, nhưng Quận trưởng Nguyễn Cao Vực và các chiến hữu của mình vẫn cầm cự chiến đấu dai dẳng ở các giao thông hào.

Nguyễn Cao Vực, người "pháo thủ" của các chiến trường Chiến khu D 1960, Bu Prang 1968, Kontum 1972, cũng lính là "anh lính kèn người Thượng" với cái tên "Cai Sơn" của sinh viên sĩ quan khóa 13 trường Võ Bị Đà Lạt. Hạ sĩ Sơn, anh lính kèn là người đã mang đến cho các sinh viên sĩ quan những giây phút vui buồn đáng nhớ mỗi ngày. Từ điệu kèn báo thức, tập hợp đi ăn, cũng như mặc đồ trận, đeo ba lô buổi tối trình diện dã chiến khi bị phạt ... Nguyễn Cao Vực là người có sắc diện như một cái cột nhà cháy, nên được bạn bè đặt cho cái tên là "Cai Sơn". Và anh rất thích cái tên đó.

Tôi có khá nhiều kỷ niệm với Vực, vì cùng một trung đội trong hai năm học tại trường. Đầu năm 1960, khi tôi hướng dẫn Dickey Chapel - người nữ Phóng viên kỳ tài của thế giới, đã từng nhảy dù theo một lực lượng Mỹ xuống Okinawa trong trận Thế chiến II - đi hành quân tại chiến khu D, với một đơn vị nổi danh của Quân đội Việt Nam Cộng Hòa thời đó là Trung đoàn 8 thuộc Sư đoàn 5 Bộ binh, thì Vực là Pháo đội trưởng Pháo đội 105 ly, tăng cường cho đơn vị này.

Thiếu tá Nguyễn Văn Tư, Trung đoàn trưởng đã giới thiệu với chúng tôi hai quân nhân thiện chiến và "chì" nhất của Trung đoàn. Đó là Trung úy Bác sĩ Lê Đình Kỳ và Pháo đội trưởng Nguyễn Cao Vực. Bác sĩ Kỳ là người không thích hành nghề chuyên môn mà chỉ thích truyện trận mạc. Còn Vực được mệnh danh là một Pháo đội trưởng lì lợm, thiện xạ, bắn đầu trúng đó.

Một tuần lễ đi hành quân với Trung đoàn 8 Bộ binh trong Chiến khu D, Dickey Chapel và tôi thương ăn và ngủ chung với Bộ Chỉ huy của Trung đoàn, gồm Thiếu tá Tư, Bác sĩ Kỳ, Trung úy Vực, và Hiền. Hiền là Sĩ quan Hành quân của Trung đoàn và cũng tốt nghiệp khóa 13 Võ bị Đà Lạt.

Trong sáu người chúng tôi, lần lượt Đại úy Hiền, Đại tá Tư đều tử trận. Họ đã hy sinh tại vùng đất và đơn vị mà họ đã chiến đấu, phục vụ nhiều năm. Dickey Chapel, người mà tôi kính trọng như một người chị trong nghề phóng viên chiến tranh, cũng vĩnh viễn ở lại Việt Nam trên "dây

phổ buồn thiu" ngoài chiến trường miền Trung.

Hôm nay đến lượt Nguyễn Cao Vực. Anh là một Quận trưởng bất đắc dĩ. Anh đã bị thả xuống Đức Lập, và trở thành Quận trưởng dù muốn hay không, giữa năm Mùa Hè Đỏ Lửa 1972.

Và có thể đây là trận chót trong đời binh nghiệp người pháo thủ tài ba của Sư đoàn 5 Bộ binh, của chiến trường Cao nguyên, đã lại có dịp thi thố cái khả năng chuyên môn của mình. Hai khẩu đại bác 105 ly bắn trực xạ vào các đơn vị tiền phong Sư đoàn F10 Cộng sản Bắc Việt chắc chắn đã có một sự đánh đổi cân xứng trước khi và các chiến hữu của mình vui ngập trong biển lửa.

Tôi tự hỏi, nếu Vực không thoát được trong trận này, còn lại Bác sĩ Lê Đình Kỳ và tôi, ai sẽ là người sống sót sau cùng, sau 20 năm chiến tranh dài của một đời người?

### Các "Dũng Sĩ" Trung đoàn 53 Bộ binh tại mặt trận phi trường Phụng Dực

(Xem thêm "Trận đánh phi trường Phụng Dực, Ban Mê Thuột và những khúc bi tráng cuối đời chiến binh" phía dưới – Trang 40)

Ngày 10 tháng 3, 1975

Những trận mưa pháo vào Ban Mê Thuột từ 2 giờ đến 4 giờ sáng rạng ngày 10 tháng 3, 1975 đã gây kinh hoàng cho mấy chục ngàn quân cũng như dân, hiện đang có mặt tại thị xã này.

Sau đó là những chiến xa đủ loại, băng rừng, nghiền nát các ngã đường, để các lực lượng của những Sư đoàn 320, 316 Cộng sản Bắc Việt ào ạt tiến vào.

Nhưng, những người kinh hoàng và đau đớn nhất là hai cấp chỉ huy có trách nhiệm phòng thủ Ban Mê Thuột: Đại tá Vũ Thế Quang và Đại tá Vũ Công Luật!

Đại tá Luật, Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Ban Mê Thuột là một Sĩ quan Thiết giáp kỳ cựu của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn I Thiết kỵ trong cuộc hành quân sang Lào 1971, người mà báo chí Việt Nam và ngoại quốc gọi là "Patton Việt Nam". Patton là danh tướng Thiết giáp của Mỹ trong Thế Chiến II. Đại tá Luật đã từng chỉ huy một Lực lượng Thiết giáp quan trọng và tối tân nhất của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, với những Thiết đoàn M48, M41 chiến xa trong cuộc tiến quân này.

Đêm nay Bắc quân đánh trận địa chiến với chiến xa nặng, với chiến thuật biến người, thì trong tay ông vốn vẹn có được hai Chi đội Thiết vận xa M113 và những xe bọc sắt tuần tiểu của Địa phương quân. Một thứ "đồ chơi con nít" nếu so sánh với loại Thiết giáp tối tân T54 của Nga Sô mà Cộng sản Bắc Việt hiện đang sử dụng!

Đại tá Vũ Thế Quang, Tư lệnh phó Sư đoàn 23 Bộ binh và Tư lệnh mặt trận Ban Mê Thuột khi nghe những tiếng đạn bay xé không gian, nổ tại phi trường L19, trước tiểu khu, bộ Tư lệnh Sư đoàn, đã thấy ngay cái giá mà lực lượng phòng thủ phải trả. Bởi vì những khẩu đại bác 122 ly, 130 ly của Bắc quân đã kéo sát tới thị xã!

Những tiếng đại pháo của địch nổ tại Ban Mê Thuột cũng đã làm cho các tướng lãnh nắm vận mạng Đất Nước bưng tỉnh. Họ tạm quên đi những hận thù, những tranh giành quyền hạn, phe phái. Tất cả đều hướng về mặt trận này!

Lệnh của Đại tướng Cao Văn Viên từ Bộ Tổng Tham Mưu Quân lực Việt Nam Cộng Hòa được truyền đi lúc 7 giờ sáng. Của Tướng Trần Thiện Khiêm, Thủ tướng Chính phủ gọi từ Đà Lạt lúc 8 giờ 40 phút. Của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu gọi từ Dinh Độc Lập lúc 10 giờ 10 phút, và 19 giờ tối.

Trận đánh quyết định giữa hai miền Nam-Bắc đã xảy ra. Nhưng lực lượng giữa hai bên quá ư chênh lệch, như trứng chọi với đá nếu so sánh cả về quân số, vũ khí, chiến cụ. Địch đã ở thế thượng phong ngay từ lúc đầu!

Tuy nhiên, trong ngày đầu tinh thần chiến đấu của các dũng sĩ Trung đoàn 53 Bộ binh, sự gan dạ của những phi công anh hùng A37, của những chiến sĩ Địa phương quân tiểu khu Darlac, đã làm cho Bắc quân kinh ngạc, nể vì. Những tin tức phấn khởi bay đi khắp nước ngay khi "những cánh đại bàng" xuất hiện trên vùng trời Ban Mê Thuột.

Phi tuần phản lực A37 đầu tiên đã bắn cháy hai chiến xa, và hai cỗ đại bác phòng không của Cộng sản Bắc Việt ngay trong thị xã lúc 11 giờ 30 phút. Hai chiến xa khác cũng do không quân đánh bom trúng tại 2 cây số tây bắc Ban Mê Thuột. Lực lượng Địa phương quân Darlac đã tạo một bất ngờ lúc 11 giờ trưa khi bắn cháy một T54 trước bộ Chỉ huy Tiểu khu ngay trên đường Thống Nhất!

Trận "thử sức" của các trung đoàn tiền phong quân chính quy thuộc Sư đoàn 320 Điện Biên Phủ và những "dũng sĩ" Trung đoàn 53 Bộ binh trên phòng tuyến quanh phi trường Phụng Dực xảy ra lúc 14 giờ.

Mở đầu là những trận mưa pháo, cày nát sân bay. Từng đoàn chiến xa của Bắc quân gầm thét, di chuyển theo đội hình từ khắp ngả tiến vào.

Nhưng tinh thần các chiến sĩ ta không hề nao núng. Đây cũng không phải là "trận thư hùng" đầu tiên của các đơn vị tinh nhuệ của ta và địch.

Bởi vì trước khi rút về phòng thủ phi trường Phụng Dực, Trung đoàn 53 tăng phái cho mặt trận Quảng Đức đã đụng độ với các trung đoàn chủ lực của Sư đoàn F10 rất nhiều lần trong những tháng trước, và mấy ngày mới đây với Sư đoàn 320 của Cộng sản Bắc Việt tại Đông Bắc Ban Mê Thuột.

Sau gần 2 giờ quần thảo, Trung đoàn 53 Bộ binh đã đẩy lui 3 đợt xung phong biến người của địch. 15 giờ 30, Bắc quân chém về, để lại trên 200 xác và 50 vũ khí đủ loại, 4 chiến xa Cộng sản Bắc Việt bị bắn cháy.

Báo cáo chiến thắng về Trung tâm Hành quân Quân đoàn II bằng hệ thống điện thoại viễn liên từ phi trường Phụng Dực, "người lính số 1" của Trung đoàn 53 Bộ binh, một trong những anh hùng của mặt trận Ban Mê Thuột, Trung tá Võ Ân, Trung đoàn trưởng nói với Tướng Phú:  
- Trình "Mặt Trời", những "đứa con" của tôi sứt mẻ chút ít, nhưng tinh thần rất cao. Trận đánh vừa kết thúc. Hơn 200 xác Việt cộng còn để nguyên ngoài chiến trường. Vũ khí tịch thu tôi đã cho kéo về phòng danh dự của phi cảng để "triển lãm"! Trong đó có cả 3 đại bác phòng không và 4 hỏa tiễn SA7 còn mới nguyên.

Tướng Phú vui mừng lộ trên nét mặt. Ông khen ngợi và ra lệnh cho Ân bằng một giọng hết sức thân mật:

- "Chú mày" giỏi lắm! Chuyển lời khen của tôi đến anh em. Ráng lên! Sau trận này mỗi người lên một cấp. Nhưng không được khinh thường địch quân! Phải chuẩn bị và đề phòng tối đa

ngay! Rõ chưa?

- Trình "Mặt Trời", tôi nhận rõ!

Tướng Phú cúp máy. Trung tá Võ Ân trở ra chiến hào phòng thủ cùng với các chiến hữu của mình.

Tuy nhiên chiến thắng trên đây chỉ là một may mắn đặc biệt, một chiến thắng sau cùng của Trung đoàn 5e Bộ binh trong trận đánh quyết định giữa hai miền Nam-Bắc năm 1975.

Ngày 10 tháng 3, 1975 là một ngày cực kỳ sôi động trên chiến trường Cao nguyên. Trong lịch sử 30 năm chiến tranh Việt Nam kể từ hồi còn quân đội Pháp, chưa bao giờ có những trận đánh đồng loạt, dồn dập như vậy.

Ngoài mặt trận chính Ban Mê Thuột, Cộng quân tấn công khắp nơi. Các trận bắc Kontum, nam Pleiku, bắc Bình Định, Quảng Đức và trên 2 quốc lộ 19, 21 đều bị áp lực nặng nề.

Tiểu khu Ban Mê Thuột bị mất liên lạc lúc 12 giờ trưa. Những đoàn xe chở quân của Bắc Việt vẫn tiếp tục tiến về Ban Mê Thuột. Lệnh phá cầu 14 trên quốc lộ nối liền Quảng Đức-Ban Mê Thuột được ban hành. Những trận pháo kích, đưng độ nặng nề quanh Căn cứ 93 phía nam Pleiku kéo dài suốt ngày.

15 giờ 15 phút, phi trường Cù Hanh, Pleiku bị pháo. Một trực thăng và một dãy nhà bị cháy, một Dakota bị hư hại.

18 giờ 20 phút, Cộng quân pháo trúng Bộ Tư lệnh Quân đoàn, khu cầu lạc bộ sĩ quan và Bộ Chỉ huy Không trợ II. Thị xã Pleiku thiết quân luật 9 giờ tối.

Tại mặt trận Bình Định, Trung đoàn 42 và 47 giao tranh suốt ngày với các đơn vị Cộng sản Bắc Việt và hạ 200 tên tại thung lũng Vĩnh Thạnh. Sư đoàn 22 Bộ binh hiện đã trực diện với Sư đoàn 3 Sao Vàng, các trung đoàn biệt lập của Bắc Việt tại Quân khu 5.

Một tin chấn động khác, 17 chiến xa Cộng sản Bắc Việt xuất hiện gần Phù Cát, Bình Định lúc 5 giờ 30 chiều.

Tổng kết tại mặt trận Ban Mê Thuột trong ngày đầu cùng với chiến thắng của Trung đoàn 53 Bộ binh, thêm 100 Cộng quân khác bị hạ trước tiểu khu, trước khi tiểu khu Darlac bị mất liên lạc, và trước dinh Tỉnh trưởng, gần sát với Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh. 12 chiến xa Cộng sản Bắc Việt bị bắn cháy, trong số đó có 11 cái do Không quân đánh bom trúng.

Những lệnh cuối cùng trong ngày Tướng Phú chỉ thị cho Tướng Lê Trung Tường, Tư lệnh mặt trận nam Pleiku và Tỉnh trưởng không được lùi khỏi Căn cứ 93 trên tuyến phòng thủ Bộ Tư lệnh Quân đoàn và thị xã này. Liên Đoàn 21 Biệt động quân đã từ Buôn Hồ di chuyển về gần tới Ban Mê Thuột bằng mọi giá phải tái chiếm bộ chỉ huy tiểu khu và kho đạn Ban Mê Thuột.

19 giờ tối, Tổng Thống Thiệu từ Saigon gọi lên chỉ thị cho Tư lệnh Quân đoàn II giải quyết chiến trường Ban Mê Thuột mau lẹ (?)

### **Giây Phút Cuối Cùng của Tư Lệnh Mặt Trận Ban Mê Thuột**

Ngày 11 tháng 3, 1975.

Trận đánh đẫm máu thứ 2 giữa Trung đoàn 53 Bộ binh và một lực lượng quân chính qui Cộng

sản Bắc Việt đã được tăng cường đông hơn gấp 10 lần, xảy ra lúc 5 giờ sáng. Đó cũng là lần xuất trận đầu tiên của Sư đoàn 316, sư đoàn tổng trừ bị của Bắc Việt tại mặt trận phi trường Phụng Dực trên chiến trường Cao nguyên.

Sư đoàn 316 tổng trừ bị Cộng sản Bắc Việt vừa di chuyển từ miền Bắc vào, và mới tới trận địa hồi đêm. Những báo cáo tiên khởi trong 2 giờ đầu cho biết Trung đoàn 53 Bộ binh bị thiệt hại quá nặng.

7 giờ 45 phút sáng, đích thân Tư lệnh mặt trận Ban Mê Thuột, Đại tá Vũ Thế Quang gọi lên Trung tâm Hành quân Quân đoàn II cho biết tình hình vô cùng nguy ngập. 10 chiến xa Cộng sản Bắc Việt đang bắn trực xạ vào Bộ Tư lệnh Sư đoàn.

Người sử dụng máy siêu tần số lúc đó là Trung tá Không quân Nguyễn Văn Giang, Giám đốc Không trợ II. Bằng những cuộc đàm thoại, ông cho biết đoàn phản lực cơ cất cánh từ Nha Trang đang trên đường, và sắp tới vùng trời Ban Mê Thuột.

7 giờ 55 phút, hai chiếc phản lực cơ A37 lao xuống mục tiêu, những chiến xa Cộng sản Bắc Việt, và đánh vô cùng chính xác. Nhưng chỉ mấy phút sau, bỗng nghe Đại tá Quang hét lên trong máy truyền tin:

- O'!... "nó" đánh trúng tôi!!!

8 giờ. Đó là giờ phút của "định mệnh". Hai trái bom đã thả trúng hầm Chỉ huy và Truyền tin của Tư lệnh mặt trận Ban Mê Thuột. Và Trung tâm Hành quân Quân đoàn II mất liên lạc với Ban Mê Thuột từ lúc đó.

Nghe câu nói sau cùng của Quang, tự nhiên tôi thấy đau lòng và đưa mắt nhìn Giang. Quang, Giang và tôi đều là bạn.

Quang với biệt danh "Quang dù", là người lính của chiến trường và thành phố trong 2 thập niên 1955-1975. Trước năm 1960 khi chiến tranh còn ở cấp tiểu đoàn, một số sĩ quan trong các binh chủng Không quân, Nhảy Dù rất nổi tiếng trong cả hai lãnh vực: ăn chơi và đánh giặc. Tên tuổi họ trở thành những nhân vật trong tiểu thuyết, các phóng sự với những biệt danh riêng. Chẳng hạn như: Cương "khênh", Hoi "voi", Quang "dù", Hùng "sùi", Giang "nám" ...

Thời gian ở Nhảy Dù, Quang là một Tiểu đoàn trưởng trung bình, nhưng là người có một "nghệ thuật sống" siêu đẳng. Anh luôn luôn tự chế và thích nghi với mọi hoàn cảnh. Cuối năm 1963, Tiểu đoàn 6 Nhảy Dù đang được tái huấn luyện tại Trung tâm Vạn Kiếp, mới được tạm thời giữ chức vụ Tiểu đoàn trưởng, anh đã liền lĩnh mang tiểu đoàn về Saigon tham gia đảo chánh. Nhưng công trạng của anh chỉ được biết đến khi Tướng Nguyễn Cao Kỳ được bổ nhiệm làm Tư lệnh Không quân.

Rồi sau đó, khi trở thành Thủ tướng, ông Kỳ đã đề cử Quang chỉ huy Liên đoàn An ninh Danh dự. Đường hoạn lộ chim bay từ đó!

Nhưng phải nói anh là người đàng hoàng, trung trực. Khi ông Kỳ bị ông Thiệu hất cẳng, cho "ngồi chơi soi nước", một bất ngờ, anh được ông Thiệu cho đi làm Thị trưởng Cam Ranh. Anh vào Tân Sơn Nhất hỏi ý kiến ông Kỳ. Không may cho anh, trong một canh mát chược dở dang, ông Kỳ rất thờ ơ lạnh lùng. Vì vậy, anh thất vọng bỏ đi. Từ đó, anh trở lại cương vị của một người quân nhân "nhà nghề". Tuy nhiên, bạn bè vẫn nghi ngờ và chế diễu anh là một "petit ... Lên Nguyên Khang" (!) Mỗi khi có chiến thắng Việt Cộng, tay phải cầm khẩu AK47 tặng Trung tướng Thiệu, tay trái trao khẩu CKC cho Thiếu tướng Kỳ. Cũng như Trung tướng Khang, luôn luôn đu giây giữa "cánh phải và cánh trái" dinh Độc Lập với câu nói đầu môi: "ông Kỳ là bạn,

ông Thiệu là thầy, tôi chỉ biết phục vụ cho quyền lợi của Tổ quốc và Quân đội"!!!

Sau khi rời chức vụ Thị trưởng Cam Ranh với thâm niên cấp bậc, Quang được bổ nhiệm làm Tư lệnh Phó Sư đoàn 23 Bộ binh.

Chiều ngày 9 tháng 3, 1975, Tướng Phú rất khó khăn và cân nhắc mãi mới chọn lựa anh làm Tư lệnh chiến trường Ban Mê Thuột, vì Đại tá Luật, Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Darlac chức vụ nhỏ hơn, nhưng trận mạc và cấp bậc thâm niên hơn.

Tôi nhớ khi rời phi trường Phụng Dực, Tướng Phú bắt tay Quang và nói:

- Cố gắng và ráng cẩn thận nghe Quang! Đừng để lỡ dịp lên tướng kỳ này. Mình ... Nhảy Dù mà !

Quang đứng nghiêm chào Tướng Phú:

- Thiếu Tướng yên tâm, tôi sẽ làm tất cả những gì có thể làm được. Và tôi sẽ chết tại đây trước khi Ban Mê Thuột mất!

Sau khi Trung tâm Hành quân, hầm Chỉ huy và Truyền tin của Tư lệnh Chiến trường bị sập, mọi người đều lo lắng cho số phận Ban Mê Thuột.

Đại tá Tham mưu trưởng Quân đoàn được lệnh thành lập bộ Chỉ huy Hành quân trên không để chỉ huy mặt trận Ban Mê Thuột. Cả hai chiếc C47 và U17 của Tư lệnh Quân đoàn đều được sử dụng. Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Hành quân nhẹ cũng được thành lập gấp rút ở Buôn Hồ.

11 giờ 50 phút, sau gần 4 giờ chờ đợi, Trung tâm Hành quân Quân đoàn II ghi nhận mất liên lạc hoàn toàn với Tư lệnh chiến trường Ban Mê Thuột và Đại tá Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng tiểu khu Darlac.

15 giờ 30, Đại tướng Cao Văn Viên gọi cho Tướng Phú gay gắt ra lệnh "bốc" Chuẩn tướng Lê Trung Tường, Tư lệnh Sư đoàn 23 từ mặt trận nam Pleiku thả xuống Ban Mê Thuột chỉ huy.

17 giờ và 23 giờ đêm, những lệnh của Tổng Thống Thiệu và Thủ tướng Chính phủ Trần Thiện Khiêm:

- Linh động trong mọi trường hợp. Cẩn thận không nên dồn hết quân trong mặt trận này.

- Tư lệnh Quân đoàn toàn quyền quyết định, có thể bỏ Ban Mê Thuột. Tránh sa lầy, vì có thể còn hai, ba mặt trận lớn nữa tại Quân khu II.

- Tường trình chính xác các sư đoàn Cộng sản Bắc Việt hiện tham chiến trên trận địa Ban Mê Thuột.

- Tỉnh trưởng Ban Mê Thuột coi như đã mất tích. Chấp thuận thả một Tỉnh trưởng khác xuống chỉ huy nơi có dân và quân tập trung nhiều. Lập tòa Hành chánh và bộ Chỉ huy tiểu khu Ban Mê Thuột lưu động.

Giây phút cuối cùng của Tư lệnh chiến trường Ban Mê Thuột sau này được ghi nhận với những dữ kiện đặc biệt. Buổi sáng khi 2 trái bom 500 cân Anh của Không quân đánh sập một đầu hầm Trung tâm Hành quân của Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, một số sĩ quan trong bộ tham mưu đã thoát lên được. Trên một thiết vận xa M113, Đại tá Vũ Thế Quang sử dụng máy truyền tin liên lạc với chiếc máy bay chỉ huy, cho lệnh các phản lực cơ trút bom xuống bộ Tư lệnh Sư đoàn hiện đang bị địch quân tràn ngập. Và cho biết sẽ rút về phía Trung đoàn 53 Bộ binh tại phi trường Phụng Dực để tiếp tục chỉ huy.

Đại tá Nguyễn Công Luật cùng với Phó Tỉnh trưởng Hành chánh Nguyễn Ngọc Vy đi theo một hướng khác. Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau, chiếc thiết vận xa chỉ huy bị bắn cháy, Đại tá

Quanh thoát chết trong gang tấc. Cộng quân lúc này đầy khắp các ngã đường trong thành phố cùng với những đoàn xe tăng của chúng.

Cũng thời gian này, trên Quốc lộ 14, khoảng đường từ Đức Lập về Ban Mê Thuột, bộ Chỉ huy Hành quân nhẹ của Trung đoàn 53 Bộ binh cùng với một tiểu đoàn, được lệnh rút từ vùng hành quân phía đông bắc quận Đức Lập về tiếp cứu Ban Mê Thuột, cũng bị Việt cộng phục kích chặn đánh. Trung tá Trung đoàn Phó Trung đoàn 53 và hầu hết các sĩ quan đều bị tử trận hoặc bị địch bắt. Cánh quân này coi như bị tan rã trước khi tới được trận địa Ban Mê Thuột.

Đến xế trưa ngày 11 tháng 3, bên cạnh Đại tá Quang chỉ còn có người Thiếu úy, Sĩ quan Tuy viên và một người lính. Không thể đi tới được phi trường Phụng Dực và cũng không còn phương tiện truyền tin để liên lạc, ba người đã ẩn tránh trong một vườn cà phê mấy tiếng đồng hồ, đợi đêm tối nhắm hướng nam đi về phía Quảng Đức.

2 giờ sáng ngày 12 tháng 3, đi được khoảng 6 cây số đường rừng ngay khi vừa tới sát một làng Thương, thì bị Việt cộng nổ súng, xông ra vây bắt. Thấy Đại tá Quang vẫn còn mang cấp bậc trên cổ áo và xưng danh là Tư lệnh Phó Sư đoàn 23 Bộ binh, chúng đã trói lại, lột giày và liệng xuống hố. Chừng một giờ sau, chúng được lệnh dẫn Đại tá Quang đi suốt đêm. Tới chiều hôm sau, ngày 13 tháng 3, được cởi trói, cho đi giày vào và chở đi bằng xe Molotova sang Cam Bốt để khai thác. Vùng rừng núi này, chắc chắn là nơi đặt bản doanh bộ Tư lệnh chiến trường Tây nguyên 1975 của 2 Tướng Cộng sản Bắc Việt Văn Tiến Dũng và Hoàng Minh Thảo.

Trong suốt thời gian bị điều tra, Đại tá Quang bị Việt cộng khùng bố tinh thần, cùm giữ hai chân trong hai thân cây lớn được khoét lỗ sẵn. Đó có thể cũng là kết quả đưa đến những lời cung khai của Tư lệnh Phó Sư đoàn 23 Bộ binh, như Văn Tiến Dũng đã viết trong cuốn Đại Thắng Mùa Xuân.

Nhưng với cuộc tấn chiếm Ban Mê Thuột bằng một lực lượng chính qui Cộng sản Bắc Việt đông hơn gấp 10 lần, có chiến xa, pháo binh yểm trợ, do chính Văn Tiến Dũng, Tổng Tư lệnh quân đội Bắc Việt trực tiếp chỉ huy, việc giữ được Ban Mê Thuột 48 giờ đã là một sự kiện hết sức đặc biệt. Vì Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh không có hệ thống phòng thủ để chiến đấu. Lực lượng chính yếu là Trung đoàn 53 Bộ binh thì trấn đóng tại phi trường Phụng Dực, cách Ban Mê Thuột 5 cây số. Trong thị xã, ngoài các đơn vị Địa phương quân, chỉ có những thành phần quân nhân lo về tiếp liệu, phòng giữ hậu cứ của các Trung đoàn Bộ binh, hậu cứ các đơn vị Thiết giáp, Pháo binh, Truyền tin, Quân cụ, Công binh.

### **Một Huyền Thoại trong Chiến Tranh Việt Nam**

4 giờ sáng ngày 10 tháng 3, 1975.

Sau những trận mưa pháo suốt 2 tiếng đồng hồ, Cộng quân với chiến xa và biển người, tấn chiếm Ban Mê Thuột. Và với một lực lượng đông gấp 10 lần, địch đã làm chủ tình hình ngay từ phút đầu.

Sự chống trả mãnh liệt của những đơn vị phòng vệ thị xã cùng với sự yểm trợ hữu hiệu gan dạ của các phi công anh hùng, đã chặn bớt được sức tiến của quân thù.

Nhưng ngày hôm sau, khi Cộng sản Bắc Việt tung thêm Sư đoàn tổng trừ bị 316 mới ở miền Bắc vào, thì lực lượng hai bên giữa ta và địch quá ư chênh lệch, cả về quân số, chiến xa lẫn vũ khí nặng!

12 giờ trưa ngày 10 tháng 3, 1975 tiểu khu Ban Mê Thuột mất!

8 giờ sáng hôm sau 11 tháng 3, 1975, 10 chiến xa T54 của Cộng sản Bắc Việt bắn trực xạ vào bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh. Vì Tư lệnh chiến trường chấp nhận rủi ro, nguy hiểm, yêu cầu Không quân đánh bom thẳng vào những xe tăng địch. Những phản lực cơ A37 lao xuống. Ba chiếc T54 bốc cháy, nhưng rồi 2 trái bom khác rơi trúng sập một đầu hầm của Trung tâm Hành quân Sư đoàn 23 Bộ binh. Hệ thống truyền tin giữa Ban Mê Thuột-Pleiku bị hư hại hoàn toàn, mất liên lạc với Tư lệnh Chiến trường và Tỉnh trưởng Ban Mê Thuột từ đó.

8 giờ sáng ngày 11 tháng 3, 1975, giờ phút của định mệnh, và cũng là khởi đầu ngày thứ hai trong trận đánh quyết định giữa hai miền Nam-Bắc 1975. Chiến trường Ban Mê Thuột coi như kết thúc với sự tràn ngập của Bắc quân.

Nhưng tại phi trường Phụng Dực, cách Ban Mê Thuột khoảng 8 cây số về phía đông, một trung đoàn (-) của Sư đoàn 23, với 2 Tiểu đoàn của Trung đoàn 53 Bộ binh, một Chi đoàn Thiết vận xa M113, một Pháo đội đại bác 105 ly vẫn tiếp tục chiến đấu thêm một tuần lễ nữa. Chiến đấu dũng mãnh, dai dẳng, phi thường cho đến những người lính cuối cùng và những viên đạn cuối cùng được bắn đi!

Đó là một huyền thoại trong một cuộc chiến đấu chống Cộng thần thánh nhất của quân dân miền Nam Việt Nam. Đó cũng là biểu tượng tinh thần gang thép, sắt đá của người chiến sĩ Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

Trận thử sức dò dẫm của 2 trung đoàn Cộng sản Bắc Việt và các lực lượng phòng thủ mặt trận phi trường Phụng Dực đầu tiên xảy ra lúc 14 giờ trưa ngày 10 tháng 3, 1975, với kết quả địch bỏ lại chiến trường trên 200 xác chết!

Nhưng chưa đầy một ngày sau, 5 giờ sáng 11 tháng 3, 1975 khi những chiến xa T54 Bắc Việt nghiền nát những đường phố Ban Mê Thuột, tiến thẳng vào bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, cũng là lúc địch quân rửa hận cho đồng bọn chúng tại mặt trận phi trường Phụng Dực.

Sư đoàn 316 tổng trừ bị của Cộng sản Bắc Việt lần đầu tiên được sử dụng trên Chiến trường Cao nguyên và miền Nam Việt Nam. Từ xa lộ đất Hồ Chí Minh, sư đoàn này bất chấp mọi thiệt hại, di chuyển ngày đêm để tới trận địa đêm 10 tháng 3, 1975. Và ngay sáng hôm sau, dốc toàn lực lượng tấn công Trung đoàn 53 Bộ binh.

45 phút khởi đầu là những cơn mưa đạn đại bác khiến chiến sĩ ta chìm ngập trong giao thông hào. Sau đó, Bắc quân với những tên lính trẻ xuất trận lần đầu, hung hăng, hò hét ... xung phong. Từng lớp, từng lớp gục xuống, nhưng chúng vẫn hô, vẫn tiến.

Trận thư hùng thứ hai ngày 11 tháng 3, 1975 này kéo dài 2 giờ 40 phút. Gần 200 người anh hùng của chiến trường miền núi vĩnh viễn buông súng, ở lại Cao nguyên Việt Nam!

Nhưng những người còn lại vẫn tiếp tục chiến đấu. Chiến đấu không yểm trợ, không tiếp tế, không tân thương, không tắm gội, 24 giờ trên 24 giờ ngoài chiến hào phòng thủ!

Quá nửa lực lượng bị thiệt hại từ khi ở mặt trận Quảng Đức rút về. Trung đoàn 53 Bộ binh hiện còn hơn một tiểu đoàn với khoảng 500 tay súng. Và họ đã chiến đấu đơn độc sang ngày thứ ba 12 tháng 3, ngày thứ tư 13 tháng 3, ngày thứ năm 14 tháng 3, ngày thứ sáu 15 tháng 3, ngày thứ bảy 16 tháng 3. Và hôm nay, ngày thứ tám 17 tháng 3, 1975!

Thật anh hùng! Thật vĩ đại! Thật phi thường! Không còn từ ngữ nào khác hơn để ca ngợi, vinh

danh họ. Và đó cũng là một huyền thoại độc đáo nhất của chiến tranh Việt Nam trong trận đánh sau cùng trên Chiến trường Cao nguyên!

Bay trên đầu những người anh hùng của mặt trận phi trường Phụng Dực trưa ngày 12 tháng 3, 1975, Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Chiến trường Cao nguyên đã nói chuyện với 2 người quân nhân lớn nhất và nhỏ nhất của Trung đoàn 53 Bộ binh.

"Người anh hùng Võ Ân", Trung tá Trung đoàn trưởng:

- Trình Mặt Trời, lực lượng địch quá mạnh. (Mặt Trời là danh hiệu ngày hôm nay của Tướng Phú, Tư lệnh Quân đoàn II).
- Chú mày chịu nổi không? Tinh thần anh em ra sao?
- Bị sút mẻ kha khá ngày hôm qua, nhưng chưa sao. Mặt Trời yên tâm!
- Chú mày muốn gì đặc biệt không?
- Dạ không! Nhưng sao Mặt Trời không bay trực thăng hôm nay?
- Tại qua muốn ở chơi với chú mày và những anh em khác lâu lâu một chút. Mà tại sao chú mày hỏi như vậy?
- Tại vì tôi muốn Mặt Trời đáp xuống coi kho vũ khí Việt cộng ở phòng danh dự phi cảng cho anh em lên tinh thần.

Tướng Phú cười:

- Ý kiến hay đấy! Thôi ... để lần sau vậy!
- ...

"Người anh hùng Nguyễn Văn Bảy", Binh nhì xạ thủ súng cối 81 ly:

- Em tên gì? Bao nhiêu tuổi?
- Dạ ... Binh nhì Nguyễn Văn Bảy, 18 tuổi!
- Em thấy Việt cộng chết nhiều không?
- Nhiều, nhiều lắm ... Thiếu tướng!
- Em muốn xin Thiếu tướng gì nào?
- xin thuốc hút và ... lựu đạn.
- Gì nữa?
- Thôi!
- Thiếu tướng thăng cấp cho em lên Binh nhất! Chịu không?
- ...

Một giọng cười khúc khích trong máy:

- Ông Thầy! Ông Tướng tặng tôi cái "cánh gà" chiến bợ!
- Không được ... tao phản đối!
- ...

Cái "cánh gà", chữ V, là hình dáng của chiếc lon Binh Nhất. Ông Thầy là tiếng gọi thân mật vị Trung tá Trung đoàn trưởng mà người "Binh Nhất vừa được tân thăng" Nguyễn Văn Bảy thường hay sử dụng.

Mẫu đối thoại trên cho thấy tình chiến hữu, anh em của những người lính Trung đoàn 53 Bộ binh. Đó cũng là một cách để chứng minh, tại sao trong những ngày cuối cùng họ vẫn sống chết bên nhau? Họ đã chia nhau từng viên đạn, từng dùm gạo sậy, từng hớp nước, từng hơi thuốc ...

Theo thời gian, 7 ngày đêm chiến đấu dài hơn 7 năm tại mặt trận phi trường Phụng Dực. Đã ba ngày rồi, từ khi lệnh triệt thoái cao nguyên được ban hành, Trung đoàn 53 không còn nhận

được bất cứ một tiếp tế, liên lạc nào với Quân đoàn. Họ đã phải sử dụng cả súng đạn tịch thu được của quân thù trong trận đánh đầu tiên, để bắn lại chúng!

Nhưng hôm nay, ngày 17 tháng 3, 1975 là ngày dài nhất trong cuộc đời lính chiến của họ!

7 giờ 40 phút sáng, khi rừng núi cao nguyên vẫn còn ngủ yên với những lớp sương mù phủ kín, hàng trăm hàng ngàn viện đại bác Bắc quân nã vào những chiến hào của Trung đoàn 53 Bộ binh. Cỏ cây rạp xuống. Những cột đất đỏ từng cụm, từng khóm tung cao!

Trận địa pháo kéo dài một tiếng đồng hồ. Tiếp theo sau là tiếng loa kêu gọi đầu hàng. Tiếng hò reo "sóng vỡ" của biển người. Và rồi tiếng gầm thét của hàng đoàn chiến xa T54 trên khắp ngã tiến vào, cày nát phi đạo phi trường Phụng Dực Ban Mê Thuột!

Hôm nay là ngày đầu của cuộc rút quân của Quân đoàn II. Sư đoàn 316 Cộng sản Bắc Việt quyết khai tử Trung đoàn 53 Bộ binh, quyết nhổ đi "cái gai" cuối cùng của mặt trận Ban Mê Thuột, của Chiến trường Cao nguyên để tiến về duyên hải.

8 giờ 30 sáng, Đại tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, vị Tư lệnh lớn nhất của Quân đội gọi yêu cầu được tường trình đặc biệt về mặt trận phi trường Phụng Dực và các chiến sĩ Trung đoàn 53 Bộ binh.

Đây cũng là một vinh dự, một hãnh diện cuối cùng dành cho những dũng sĩ tại mặt trận này! Nhưng Đại tướng Viên chỉ được báo cáo qua nguồn tin không chính xác (!) của bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 hành quân ở Phước An: Trung đoàn 53 Bộ binh đang bị đánh rất nặng, Bắc quân đã tràn ngập vị trí phòng thủ!

Đạn hết, lương thực hết, không còn cấp chỉ huy, không còn được yểm trợ, không còn máy móc liên lạc để ... kêu cứu. Những chiến sĩ Trung đoàn 53 Bộ binh gục ngã từng người, từng tổ, từng ... tiểu đội ... trong những chiến hào ...

11 giờ 30 sáng, tiếng súng im bật. Bắc quân cắm ngọn cờ đỏ trên đài kiểm soát của phi trường Phụng Dực, và thu dọn chiến trường.

Không có tù binh, không có cả những người lính bị thương. Những dũng sĩ Trung đoàn 53 Bộ binh không còn chiến đấu nữa. Họ đã tan ra, đã nát ra ... từng mảnh vụn, và lẫn trong đất đỏ của miền cao nguyên hùng vĩ!

Ngày 17 tháng 3, 1975 Trung đoàn 53 Bộ binh bị Bắc quân xóa tên. Đó cũng là một ngày đau buồn! Lần đầu tiên trong 21 năm chiến đấu chống cộng, giữ nước, bộ Tư lệnh Quân đoàn II triệt thoái khỏi cao nguyên!

Nhưng không, đó vẫn chưa phải là những dòng chữ cuối cùng viết về các dũng sĩ Trung đoàn 53 Bộ binh! Bởi vì ... vẫn còn những anh hùng của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa mang phù hiệu của Trung đoàn 53 ... trên vai áo.

Hai ngày sau, khi Bắc quân tràn ngập phi trường Phụng Dực, Ban Mê Thuột, một nhóm 16 quân nhân của đơn vị này đã về được Phước An và tiếp tục chiến đấu tại mặt trận Quốc lộ 21.

Một tuần lễ sau nữa, ngày 24 tháng 3, 1975 ba người anh hùng khác, sau 7 ngày 7 đêm, đi trên mấy chục cây số đường rừng núi, sống với cỏ cây thiên nhiên, từ Ban Mê Thuột đã lên tới buôn Thượng Dam Rong, Đà Lạt!

Họ là những quân nhân bất tử của Trung đoàn 53 Bộ binh! Họ thật vĩ đại, thật phi thường! Và đó cũng là một huyền thoại của chiến tranh Việt Nam trong trận chiến Nam-Bắc sau cùng 1975.

### **Liên tỉnh lộ 7 Pleiku-Phú Bôn-Phú Yên**

Ngày thứ nhất 17 tháng 3, 1975.

Ngày đầu tiên của cuộc rút quân. Trời mây mù, ảm đạm. Trong 21 năm chiến đấu chống Cộng giữ nước của quân dân miền Nam, kể từ sau Hiệp định Genève, đây là một ngày đau buồn nhất xảy ra trên Chiến trường Cao nguyên Việt Nam.

Thành phố Pleime nằm trên một ngọn đồi cao, nơi đặt bản doanh của bộ Tư lệnh Quân đoàn II hôm nay không còn vẻ uy nghiêm, hùng vĩ nữa. Cây cột cờ mà mấy ngày trước địch pháo gần trúng, đứng trơ trọi như một thân cây trụi lá. Không còn lá cờ vàng ba sọc đỏ thân yêu, không còn lá cờ tướng với những ngôi sao trắng được kéo lên, như mỗi ngày trước đây!

Con đường từ bộ Tư lệnh Quân đoàn về Pleiku kéo dài mấy cây số, và từ những ngã đường khác đổ xô về, người và xe cộ nối đuôi, dồn, lấn, kẹt cứng.

Tin Quân đoàn "di tản" đã không còn là một tin "tối mật" như các giới chức quân sự mong muốn. Từ hai ngày nay, mọi người dân Pleiku, mọi gia đình quân nhân, và chắc chắn cả ... địch nữa, đều biết. Hỗn loạn, cướp bóc, bắn phá xảy ra nhiều nơi, trong và ngoài thị xã.

8 giờ 40 phút, cắt đứt mọi liên lạc bằng điện thoại với bộ Tư lệnh Quân đoàn II ở Pleiku. Đoàn xe di chuyển, khoảng 4000 quân xa đủ loại và những xe dân sự.

9 giờ 15 phút, Tướng Lê Văn Thân, Phụ tá Quân khu II và Trưởng phòng 3 Quân đoàn bay trên C47, bộ Chỉ huy Hành quân trên không, để quan sát đoàn xe. Thêm một máy bay bay quan sát được lệnh liên lạc thường trực với Tướng Phạm Duy Tất, chỉ huy cuộc rút quân.

Danh hiệu của các cấp chỉ huy trong cuộc triệt thoái Quân đoàn II ngày 17 tháng 3, 1975:

Tư lệnh Quân đoàn - Hiệp Tình

Tướng Phạm Duy Tất - Trường An

Tướng Trần Văn Cẩm - Phi Bảo

Đại tá Lê Khắc Lý, Tham mưu trưởng Quân đoàn - Công Danh

Đoàn xe - Công Bình

Trực thăng - Nam Hiền

9 giờ 30, Tướng Trần Đình Thọ, Trưởng phòng 3 bộ Tổng tham mưu gọi ra ghi nhận một lần nữa những rối loạn và tình hình xảy ra thật sự tại Pleiku ngày 16 tháng 3, 1975 để trình thượng cấp.

Theo báo cáo của Đại tá Lý gọi thẳng về Saigon, tình hình Pleiku ngày 16 tháng 3, 1975 cực kỳ hỗn loạn. Phi trường Cù Hanh, dân chúng, binh sĩ và gia đình tràn vào. Lực lượng an ninh không giữ được trật tự. Cướp của, hãm hiếp đã xảy ra.

Một báo cáo khác của Đại tá Hoàng Thọ Nhu, Tỉnh trưởng Pleiku gọi về Nha Trang trình với Tướng Phú thì, tình hình có rối loạn nhưng không ở mức độ trầm trọng. Bởi vì nếu "cực kỳ hỗn loạn" thì Tướng Tất và bộ Tư lệnh Quân đoàn đã không sắp xếp và tổ chức được đội hình của đoàn xe, hơn 4000 cái di chuyển ngày hôm nay. "Tiếng nói" của Đại tá Nhu coi như là tiếng nói chính thức, đại diện cho Tướng Tất, người thay Tướng Phú chỉ huy cuộc rút quân!

Tướng Phú giận lắm, nhưng chỉ trình bày với Tướng Thọ, vì Đại tá Lý mất bình tĩnh nên báo cáo không đúng sự thật!!!

Đại tá Lê Khắc Lý, Tham mưu trưởng Quân đoàn II là một sĩ quan rất giỏi về tham mưu và tổ chức. Nhưng vụ Tướng Phú gắn sao cho Đại tá Tất làm ông bất mãn và chán nản. Với sự thông minh và khôn ngoan, ông nhìn thấy trước sự thất bại của Quân đoàn kỳ này trong cuộc rút quân. Do đó, việc Tướng Phú hứa hẹn cho ông lên Tướng chỉ là một lời hứa viên vông, không bao giờ thành sự thật.

Cũng vì vậy, ngay khi Tướng Phú rời Pleiku, ông đã bất chấp mọi lệnh của Tướng Trần Văn Cẩm, Phụ tá Hành quân Tư lệnh Quân đoàn, và Tướng Phạm Duy Tất, chỉ huy cuộc rút quân.

Tướng Phú được thông báo về sự việc này, nên khi nghe Đại tá Lý báo cáo thẳng về Saigon những rối loạn, cướp bóc, hãm hiếp xảy ra tại Pleiku đêm 16 tháng 3, 1975 lại cho rằng Đại tá Lý bất mãn, nên phá hoại. Sự thật những điều Đại tá Lý trình cho Tướng Thọ đều đúng! Ghi nhận sự kiện này ra đây để nói lên sự đổ vỡ tồi tệ của hệ thống chỉ huy Quân đoàn II. Vì sự đổ vỡ, bất mãn, bất lực và vô kỷ luật của cả những sĩ quan cao cấp và có trách nhiệm nhất, đưa đến sự thảm bại nặng nề trong cuộc rút quân khỏi Cao Nguyên.

10 giờ phi trường Cù Hanh chính thức đóng cửa.

10 giờ 15 phút, liên lạc lần cuối cùng giữa Tư lệnh Quân đoàn II và Tướng Cẩm tại Pleiku bằng STS-106. Xác nhận về việc ra lệnh cho Tỉnh trưởng Pleiku phòng thủ tỉnh này. Nghi ngờ hệ thống truyền tin bị địch phá.

10 giờ 45 phút, Đại tá Trần Cửu Thiên bay đi Phú Bổn cùng với các chuyên viên truyền tin, thiết lập hệ thống liên lạc để tường trình tình hình đoàn xe từng giờ về Nha Trang, Saigon.

10 giờ 50 phút, Tổng Thống Thiệu gọi ra lệnh giải tỏa gấp rút mặt trận Khánh Dương và Quốc lộ 21 bằng mọi giá. Chấp thuận cho Đại tá Nguyễn Văn Đức làm Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh.

Chặng đầu của cuộc rút quân Pleiku-Phú Bổn sáng ngày 17 tháng 3, 1975 diễn ra tốt đẹp. Hệ thống liên lạc siêu tần số từ Nha Trang và đoàn quân triệt thoái bị gián đoạn trong 2 giờ đầu. Nhưng sau đó, từ 12 giờ 20 phút, mọi liên lạc và báo cáo đều rõ ràng.

13 giờ, đoàn xe về gần tới Phú Bổn. Một số xe bị ứ đọng. Nhưng lệnh cần thiết được ban hành. Các Tướng Cẩm và Tất đích thân chỉ huy, điều động. Các đơn vị vào vị trí phòng thủ.

Liên đoàn 6 Công binh Chiến đấu và những đơn vị Biệt động quân tiếp tục mở và dọn đường cho chặng kế tiếp. Lữ đoàn II Thiết giáp và các Liên đoàn Biệt động quân khác đi sau cùng bảo vệ đoàn quân và chiến cụ, đề phòng bị địch đánh tập hậu.

13 giờ 40 phút, Tướng Thọ, Trưởng phòng 3 Tổng Tham mưu gọi ra từ Saigon cho biết, Tổng Thống, Hội đồng Nội các, và các Tướng lãnh khen ngợi Tư lệnh và bộ Tư lệnh Quân đoàn II về cuộc rút quân.

Nhưng đây chỉ là chặng đầu trên Liên tỉnh lộ 7. Con đường chôn vùi hàng nghìn xác đồng bào và trẻ thơ vô tội. Chôn vùi tên tuổi tất cả các Tướng lãnh đạo Đất Nước trong những năm sau cùng. Và cũng chính là con đường đưa đến sự sụp đổ mau chóng của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, để rồi miền Nam Việt Nam mất vào tay Cộng sản sau đó.

18 giờ 15 phút, Đại tá Tham Mưu trưởng báo cáo về tình hình Phú Bản. Đã tổ chức, phân loại xe quân đội và dân sự. Ra lệnh các đơn vị không được tự ý tách rời đoàn xe đi riêng.

Một sự việc xảy ra vào buổi tối. Lính Thương nổi loạn, đốt nhà, ăn cướp, nhưng chỉ là một nhóm nhỏ. Tỉnh trưởng Phú Bản đã giải quyết và chặn đứng.

### **Mặt trận Phước An**

Bộ Tư lệnh Quân đoàn II, các Lực lượng Thiết giáp, Không quân, Pháo binh và Chủ lực quân đã rút khỏi Kontum, Pleiku. Trong 2 ngày nữa, nếu đoàn xe không về tới Phú Bản như dự định, thì mặt trận Phước An sẽ vô cùng nguy ngập. Bởi vì địch chỉ cần sử dụng một phần lực lượng tại trận địa Ban Mê Thuột hiện nay, với chiến xa và trọng pháo yểm trợ, sẽ dứt Phước An dễ dàng. Và sau đó là Khánh Dương.

Kiểm điểm lại quân số của sư đoàn và những đơn vị tăng cường hiện đang ở mặt trận Phước An, Đại tá Đức, tân Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh vô cùng lo ngại.

Lực lượng chính yếu của sư đoàn là Trung đoàn 45 Bộ binh. Đơn vị với tinh thần cao độ, đã tình nguyện nhảy xuống Phước An trong đoàn quân tăng viện ngày 12 và 13 tháng 3, thì hôm nay đã tan hàng, trở thành dân sự già nửa quân số.

Buổi sáng, trong đợt di dân mới từ Ban Mê Thuột, khoảng 5000 người đã băng rừng đi về phía Phước An và nam Khánh Dương. Một số lớn là vợ con anh em binh sĩ Trung đoàn 45. Do đó, họ tự động bỏ súng, "chạy loạn" với gia đình.

Trung đoàn 45 còn lại đúng 200. Trung đoàn 44 với một Tiểu đoàn Chiến đấu và một Đại đội Trinh sát chưa sút mẻ, khoảng 300.

Liên đoàn 21 Biệt động quân, 110 người. Bộ Tư lệnh Sư đoàn tại Chu Cúc, 42. Hậu trạm tại Khánh Dương, 6.

Khoảng 700 tay súng, không chiến xa và có 4 khẩu đại bác 105 ly. Đó là thực lực của mặt trận lớn nhất hiện nay tại Quân khu II. Một trận đánh lớn nếu xảy ra, chắc chắn lực lượng này phải đương đầu với Sư đoàn F10 Cộng sản Bắc Việt từ Ban Mê Thuột kéo về, với quân số 7, 8 ngàn và có chiến xa, đại pháo yểm trợ !

"Người lính già" của chiến trường với 25 năm quân ngũ, Tư lệnh phó Biệt khu 44 của Tướng Phú năm 1969, chờ đợi giây phút này từ lâu. Và hôm nay ... đã đến. Tổng Thống Thiệu, Đại tướng Viên cùng chấp thuận việc bổ nhiệm ông là Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh!

Đại tá Đức khẽ mỉm cười, và tiến lại phía các chiến hữu của mình đang phòng thủ để quan sát.

17 giờ, phi cơ quan sát phát hiện khoảng 10 chiến xa địch gần Chu Cúc, xin đánh bom tối đa.

5 phi tuần khu trục từ Phan Rang lên. Điều động trễ 15 phút. Phi tuần 1 lên tới vùng mục tiêu lúc 17 giờ 40 phút. Trời mù, không nhìn rõ, các khu trục cơ phải quay về. Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh vẫn tiếp tục xin Không quân đánh tiếp.

Thêm 2 xe tăng Cộng sản Bắc Việt di chuyển ở phía bắc cây số 62, mặt trận Khánh Dương. Và tin tình báo mới nhất thu thập được qua một tù binh Bắc Việt bắt được ngày 16 tháng 3, 1975,

hai Trung đoàn 64 và 48 Cộng sản Bắc Việt đã di chuyển tới tây bắc Khánh Dương khoảng 20 cây số. Lực lượng Sư đoàn 23 Bộ binh sẽ cùng phối hợp với 2 Tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 22 Bộ binh tăng cường tổ chức tuyến phòng thủ, chặn đứng cuộc tiến quân xuống Khánh Dương, Dực Mỹ của địch.

Nhưng cũng chỉ là trứng chọi đá! Quả thật trong trận này, lực lượng Việt cộng và quân ta quá chênh lệch!

Một sự việc cuối cùng và đặc biệt xảy ra hôm nay mà tôi ghi nhận, đó là yêu cầu của 2 Tỉnh trưởng Kontum và Pleiku xin máy bay chở bạc về Tổng Ngân Khố, Saigon.

Bộ Tư lệnh Quân đoàn lúc đầu chấp thuận, nhưng sau lại hủy bỏ. Vì phi trường Cù Hanh, Pleiku đã đóng cửa từ lúc 10 giờ sáng. Và, số bạc khổng lồ của 2 tỉnh liền được ... đốt đi!

Đây cũng là một sự việc cực kỳ khó hiểu. Tại sao các Tỉnh trưởng Kontum, Pleiku được "ủy quyền" ở lại phòng thủ 2 thị xã này, lại xin máy bay chở bạc, và sau đó "đốt" đi hàng trăm triệu bạc, ngay cùng ngày Quân đoàn vừa di tản khỏi Pleiku?

Tôi quá mệt mỏi nên đã không tìm hiểu "lệnh đốt bạc" từ đâu tới. Từ Saigon hay từ bộ Tư lệnh Quân đoàn II?

## Phạm Huấn, nhà báo quân đội Khuyết danh

Phạm Huấn là một nhà báo quân đội và trong "Bộ Biên Tập Điều Hâu".

Thành viên Ban Liên Hợp Quân Sự 4 Bên và 2 Bên, đặc trách về Báo Chí, khi Hiệp Định Paris 1973 được ký kết. Chủ tịch Hội Phóng Viên Chiến Tranh Việt Nam, 1972-1975.

Tác giả đã theo học Trường Võ bị Đà Lạt năm 1956, Trường Đại Học Quân Sự năm 1963.

Và cả Trường Quân sự tại Hoa Kỳ: Infantry School (Fort Benning, GA, 1958), Civil Affairs School (Fort Gordon, GA) và Special Warfare School (Fort Bragg, NC, 1965)....

Trong nghề phóng viên chiến tranh, Phạm Huấn có một chỗ đứng riêng biệt, dù đi chung với những phóng viên nổi tiếng hàng đầu của thế giới như Moshe Dayan, Dickey Chapel... hay chỉ đi có một mình, bao giờ anh cũng được đón nhận nồng nhiệt của mọi chiến hữu ở ngoài mặt trận. Năm tháng sau cùng của chiến tranh Việt Nam, anh bỏ bàn hội nghị với Cộng Sản tại Saigon, theo Tướng Phạm Văn Phú lên Pleiku, chắc chắn không phải là một sự ngẫu nhiên. Những ghi mà Phạm Huấn biết được trong cái nôi của mọi khởi biến trọng đại ấy, đã là những chứng liệu quý báu, giúp chúng ta nhìn rõ hơn tình huống lúc bấy giờ.

Với tôi chỉ là một câu hỏi thừa thãi: Tại sao, bây giờ, sau nhiều năm, Phạm Huấn mới chịu công bố những sự kiện trên? Sự kiện càng đắt giá bao nhiêu, câu hỏi thừa thãi càng nở lớn bấy nhiêu. Tại sao? Tôi không chờ đợi một cây trả lời chiếu lệ, khỏa lấp. Phạm Huấn có quyền giữ cho riêng Anh những điều bí ẩn ấy.

Tác giả Phạm Huấn, trong những lời cuối của cuốn bút ký chiến trường lịch sử "Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975" đã bày tỏ: "Tôi đã viết ra tất cả những bí mật, những cái lệnh của các tướng lãnh, lãnh đạo đất nước và quân đội, và mọi diễn biến xảy ra trong "Cuộc rút bỏ Cao Nguyên tháng 3, 1975", dựa đến sự sụp đổ tinh thần, làm tan rã QLVNCH, và mất nước sau đó.

Những tiết lộ trong cuốn sách này, ngoài đoạn viết về “quyết định Cam Ranh 14.3” của năm tướng Thiệu, Khiêm, Viên, Quang, Phú; tất cả là sự thật và có chứng tích.

Về “Quyết định Cam Ranh 14.3”, tôi đã viết đi viết lại nhiều lần, và đây là lần tôi ưng ý nhất. Tôi có mặt tại “tòa Bành Dinh” Cam Rang sáng ngày 14.3.1975, nhưng tôi không được tham dự buổi họp này

Tôi viết những tiết lộ của Tướng Phú, bằng những diễn biến sau đó của cuộc rút quân, bằng sự suy diễn của một nhà báo đã nghiên cứu về Chiến Trường Cao Nguyên, và hiểu biết một phần nào “cuộc đời chính trị và quân sự” của các tướng lãnh hiện diện trong phiên họp.

Giữa năm 1986, trước khi hoàn thành cuốn sách, mới mong ước tập tài liệu đặc biệt này có một giá trị tuyệt đối, tôi đã bỏ ra một tháng trời tại miền Đông Hoa Kỳ, bằng mọi cố gắng xin gặp Đại Tướng Cao Văn Viên, cựu Tổng Tham Mưu Trường QLVNCH. Tôi muốn được nghe một “tiếng nói thứ hai” về Quyết Định Cam Ranh ngày 14.3.1975, vì Đại Tướng Viên là một nhân vật rất quan trọng trong cuộc họp lịch sử này. Lúc đầu, Đại tướng Viên từ chối không tiếp tôi, với 2 lý do:

- Đất Nước mất đã hơn 11 năm, Ông không muốn nhắc lại chuyện cũ, gây nên hiểu lầm, làm buồn lòng những anh em đã chết. Hiện tại, dù đã trên 60 tuổi, ông vẫn phải làm việc rất vất vả, cực khổ để sinh sống, và ít khi có mặt ở nhà. Tuy nhiên, với sự khẩn khoản yêu cầu của tôi, Đại Tướng Viên đồng ý cho tôi phỏng vấn trên điện thoại. Nhưng thật bất ngờ, sau đó, không biết vì lý do gì, tôi đã gọi khoảng 30 cú điện thoại viễn liên, mà không lần nào gặp ông. Tôi chỉ được nói chuyện rất nhiều lần với bà đại tướng Cao Văn Viên. Tuy vậy, tôi vẫn chưa thất vọng. Tôi tin rằng trong tương lai, có dịp được diện kiến với Tướng Viên, chắc chắn, ông sẽ nói cho tôi biết những điều đúng, những điều sai về “quyết định Cam Ranh 14.3.1975” mà tôi đã viết ra. Và nếu có những điều sai, tôi sẵn sàng viết lại thêm một lần nữa và “Quyết Định” có tính cách lịch sử này. Tôi xin chịu trách nhiệm về những điều tôi viết trong cuốn sách. Tôi cũng xin sẵn sàng chấp nhận mọi sự phê phán, mọi chuyện xảy ra, bất cứ từ đâu tới. Đây là việc làm tôi đã suy nghĩ trong một thời gian khá lâu, trước khi quyết định phổ biến mọi bí mật mà tôi biết về “Cuộc rút quân Cao Nguyên”, và những ngày cuối cùng trên Chiến Trường Quân Đoàn II. Trong cái nhục của một người quân nhân bại trận, hèn nhát trốn chạy sang đây, tôi đã muốn quên đi tất cả. Nhưng, những hình ảnh của trận chiến sau cùng luôn luôn chờn vờn, ẩn hiện trước mắt tôi. Tôi rất đau đớn và vô cùng phẫn nộ, khi phải nghe, phải đọc, hoặc ai nhắc đến câu: “Tan hàng bỏ chạy, chưa đánh đã chạy v.v.” đó là một sỉ nhục chung cả tập thể QLVNCH! Điều đó không đúng. Xin hãy kết tội, phê phán những sai lầm của các tướng lãnh, các cấp chỉ huy lãnh đạo đất nước, chỉ huy quân đội, và kết tội tôi đã làm mất nước, đã thua trận, đã hèn nhát. Nhưng hãy để yên cho những người đã chiến đấu và đã chết trong trận chiến sau cùng được yên nghỉ. Sau khi Phước Long mất, Mặt Trận Ban Mê Thuột bùng nổ đầu tiên, ngày 10.3.1975, trong trận đánh quyết định sau cùng, tinh thần chiến đấu của các đơn vị QLVNCH như thế nào, những trang sách trên đã ghi lại mọi diễn biến, và từng ngày, từng giờ xảy ra. Khi Cộng sản Bắc Việt tấn công Ban Mê Thuột, các đơn vị chủ lực của QLVNCH tại thị xã này gồm Trung Đoàn Bộ Binh, Liên Đoàn 21 Biệt Động Quân, các đơn vị Pháo Binh 105 ly, và Thiết Vận Xa M113, trong 7 ngày chiến đấu, gần như 100% lực lượng của Trung Đoàn 53 Bộ Binh, và các đơn vị Pháo Binh, Thiết Vận Xa bị thiệt hại, Liên Đoàn 21 Biệt Động quân bị tổn thất khoảng 80% quân số. Các anh hùng phi công của Không Quân Việt Nam đã chiến đấu gan dạ phi thường, để yểm trợ cho những cánh quân bạn dưới đất, và đánh những chiến xa, những dàn đại pháo của địch. Họ bị phòng không Cộng Sản Bắc Việt bắn hạ như mỗi ngày, có ngày 3 phản lực cơ A-37 và 1 trực thăng vũ trang bị bắn cháy, bị nổ tung như ngày 13.3.1975.

17 ngày sau cùng trên chiến trường Quân Khu II, kể từ 17.3.1975, song song với cuộc rút quân, các Mặt trận Phước An, Khánh Dương, Bình Định, đều đồng loạt bùng nổ. Tại khắp các Mặt

Trận, Cộng sản Bắc Việt với một lực lượng quân chính qui đông hơn gấp từ 5 tới 10 lần, có chiến xa, đại pháo yểm trợ, do đó, chúng đã làm chủ tình hình ngay từ phút đầu. Tuy nhiên, các đơn vị chủ lực còn lại của Quân Đoàn II, và Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù, chỉ buông súng khi bị tràn ngập, hoặc đã bị thiệt hại 70% quân số, và không còn được tiếp tế đạn dược, không còn liên lạc được với quân đoàn. Trước ngày 30.3.1975, 2 trung đoàn 41, 42, 47 của sư đoàn 22 Bộ Binh tại các mặt trận quốc lộ 19, và Bắc Bình Định, sau khi bị thiệt hại ở chiến trường, và trên 30 cây số đường rút quân, xuống tàu tại Quy Nhơn được khoảng 1,000 người. Bị thiệt hại trên 70%. Lữ đoàn 3 Nhảy Dù tăng phái cho Mặt trận Khánh Dương, buông súng trưa ngày 1.4.1975, sau khi vỡ tuyến, bị tràn ngập, và không còn được tiếp tế, liên lạc được với quân đoàn II. Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù bị tổn thất 70% lực lượng. Đó là thực trạng và tinh thần chiến đấu của các đơn vị chủ lực Quân Đoàn II, và Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù trong những ngày sau cùng trên chiến trường Cao Nguyên.Pleiku, Kontum, Nha Trang: Chưa đánh đã bỏ chạy! Đúng! Cuộc rút bỏ Pleiku, Kontum năm 1975 là một sai lầm nghiêm trọng, một thiệt hại lớn lao nhất trong lịch sử chiến tranh Việt Nam. Tất cả lực lượng chiến xa M48, M41, và Pháo Binh nặng, Đại bác 175 ly, 155 ly của quân Đoàn bị hủy diệt. Gần 20 ngàn quân tinh nhuệ bị... thảm sát 7 liên đoàn Biệt Động Quân, Lữ Đoàn 2 Thiết Kỳ, Liên Đoàn 6 Công Binh Chiến Đấu, các đơn vị Lôi Hồ, Thám Kịch bị thiệt hại từ 70% tới 80%. Tôi dùng chữ "Thảm Sát" ở đây, vì hầu hết bị chết bởi pháo của Cộng Sản Bắc Việt, bom đó do Không Quân thả trúng, mìn bẫy của Đồng Minh và quân ta, gài từ trước trên tỉnh lộ 7. Đó là một quyết định sai lầm về chiến lược. Tập đoàn Tướng Lãnh lãnh đạo Đất Nước và Quân Đội phải chịu trách nhiệm trước lịch sử về quyết định rút bỏ Cao Nguyên 1975, đưa đến sự sụp đổ, tan rã QLVNCH, và mất nước. Tổ chức và hệ thống chỉ huy tồi tệ của cuộc rút quân, không phối hợp, vô trách nhiệm, vô kỷ luật: Đó là trách nhiệm của các Tướng Lãnh bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH, các Tướng Tham mưu quân Đoàn II. Còn về Nha Trang bỏ chạy, đó là chuyện đương nhiên. Bởi vì, Bình Định, Phú Yên đã mất, tất cả các đơn vị chủ lực Pháo Binh, Thiết Vận Xa của Quân Đoàn II đã bị đánh bại tại 2 mặt trận Phước An và Khánh Dương. Tuyến cuối cùng của Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù trên Đèo M'Drak đã bị vỡ, bị tràn ngập. Kể từ trưa ngày 1.4.1975, Nha Trang chỉ còn được "phòng thủ" bởi các lực lượng Cộng quân không cần đánh, Nha Trang cũng mất!

Tối ngày mùng 4 Tết Ất Dậu, 2005, chúng tôi vào thăm nhà báo Phạm Huân ở đường Mission De La Casa, San Jose. Ông bị tai biến chứng về cột xương sống. Đây là hậu quả khi ông tham dự vào 1 lần tập huấn tại Trung Tâm Luyện Nhảy Dù, thời đầu thập niên 1960.

Buổi tối San Jose khá lạnh. Chúng tôi nói chuyện với ông về kỷ niệm những ngày ông đã từng đi chung với nữ kỹ giả chiến tranh Dickey Chapel ở cấp đại đội, tại chiến trường Việt Nam. Sau này bà đã thiệt mạng, trong lần thứ hai trở lại chiến trường này. Còn bây giờ, người phóng viên chiến tranh Phạm Huân đang ngồi âm thầm bên chiếc bàn nhỏ, trên đó có đĩa bánh chưng rán của người thân mang vào cho ông trong những ngày đầu năm. Ông chỉ ăn được một phần nhỏ, và ông cũng không rõ đã ăn chưa, vì chứng bệnh alzheimer...

Sáng ngày mùng 5 Tết, các nữ ca sĩ Kim Tước, Mai Hương, Quỳnh Giao cũng đã đến thăm ông. Mọi người đều buồn ngủ. Phạm Huân, phóng viên chiến tranh, tài tử của phim "Ngàn Năm Mây Bay", người chứng kiến lịch sử đoạn kết của VNCH 1975 bây giờ đang ngồi, mắt xa xăm, trong 1 dưỡng đường ở San Jose, California. Gần đó, cuối dãy, bạn ông, nhà thơ Hoàng Anh Tuấn cũng vừa nhập viện cách đây hơn một tháng...

## Trận đánh phi trường Phụng Dực, Ban Mê Thuột và những khúc bi tráng cuối đời chiến binh



### **4 giờ sáng ngày 10/03/1975.**

Sau những trận mưa pháo suốt 2 tiếng đồng hồ, Cộng quân với chiến xa và biển người tiến chiếm Ban Mê Thuột. Và với một lực lượng đông gấp 10 lần, địch đã làm chủ tình hình ngay từ phút đầu.

Sự chống trả mãnh liệt của những đơn vị phòng thủ thị xã cùng với sự yểm trợ hữu hiệu gan dạ của các phi công anh hùng đã chặn bót được sức tiến của quân thù.

Nhưng ngày hôm sau khi Cộng Sản Bắc Việt tung thêm Sư Đoàn Tổng Trừ Bị 316 mới từ miền Bắc vào, và một phần Sư Đoàn 968 từ Pleiku kéo xuống, thì lực lượng hai bên ,giữa ta và địch, trở nên quá ư chênh lệch cả về quân số, chiến xa cùng vũ khí hạng nặng các loại!

12 giờ trưa ngày 10/03/1975, Tiểu Khu Ban Mê Thuột mất!

### **8 giờ sáng hôm sau. 11/03/1975**

10 chiến xa T.54 của CSBV bắn trực xạ vào Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Vị Tư Lệnh Chiến Trường chấp nhận rủi ro nguy hiểm yêu cầu Không Quân đánh bom thẳng vào những xe tăng địch. Những phản lực cơ A.37 lao xuống. 3 chiếc T.54 bốc cháy, nhưng rồi 2 trái bom khác rơi trúng hầm chỉ huy và truyền tin của Đại Tá Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 23 BB. Cắt đứt liên lạc với Tư Lệnh Chiến Trường và Tỉnh Trưởng Ban Mê Thuột từ lúc đó.

### **8 giờ sáng ngày 11/03/1975**

Giờ phút của định mệnh, và cũng là khởi đầu ngày thứ hai, trong trận đánh quyết định giữa hai miền Nam Bắc 1975. Chiến trường Ban Mê Thuột coi như kết thúc với sự tràn ngập của Bắc quân!

Nhưng tại mặt trận phi trường Phụng Dực, cách Ban Mê Thuột khoảng 8 km về phía Đông, một Trung Đoàn của Sư Đoàn 23 BB, Trung Đoàn 53 BB vẫn tiếp tục chiến đấu thêm một tuần lễ nữa. Chiến đấu dũng mãnh, dai dẳng, phi thường... cho đến những người lính cuối cùng và những viên đạn cuối cùng được bắn đi!



Đó là một huyền thoại trong cuộc chiến đấu chống Cộng thần thánh nhất của Quân Dân miền Nam Việt Nam. Đó cũng là biểu tượng tinh thần gang thép, sắt đá của người chiến sĩ QLVNCH.

Trận thử sức dò dẫm của hai Trung Đoàn CSBV và Trung Đoàn 53 BB đầu tiên xảy ra lúc 14 giờ trưa ngày 10/03/1975 với kết quả địch bỏ lại chiến trường trên 200 xác chết!

Nhưng chưa đầy một ngày sau, 5 giờ sáng ngày 11/03 khi những chiến xa T.54 của CSBV nghiền nát những đường phố Ban Mê Thuột tiến thẳng vào Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh cũng là lúc địch quân rửa hận cho “đồng bọn” chúng tại mặt trận phi trường Phụng Dực.

Sư Đoàn 316 Tổng Trừ Bị của Cộng Sản Bắc Việt, lần đầu tiên được tung vào chiến trường Cao Nguyên và miền Nam Việt Nam. Từ “xa lộ đất” Hồ Chí Minh, Sư Đoàn này bắt chấp mọi thiệt hại di chuyển ngày đêm không nghỉ để tới trận địa đêm 10/03/1975 và ngay sáng hôm sau dốc toàn lực lượng tấn công Sư Đoàn 23 Bộ Binh!

45 phút khởi đầu là những cơn mưa pháo phủ chụp lên đầu những người lính VNCH, chiến sĩ ta “chìm ngập” trong giao thông hào. Sau đó Bắc quân với những tên lính trẻ xuất trận lần đầu hung hăng hò hét xung phong...

Từng lớp, từng lớp người đổ rạp nhưng chúng vẫn hô, vẫn tiến điên cuồng.

Trận thử hùng thứ hai ngày 11/03 này kéo dài 2 giờ 40 phút. Gần 200 người anh hùng của chiến trường miền núi vĩnh viễn buông súng gửi thân xác của Họ ở lại với vùng Cao Nguyên Việt Nam!

Nhưng những người còn lại, vẫn tiếp tục chiến đấu. Chiến đấu không yểm trợ, không tiếp tế, không tải thương, không tắm gội, 24/24 giờ ngoài chiến hào phòng thủ!

Quá 1/2 lực lượng bị thiệt hại, từ khi ở mặt trận Quảng Đức rút về. Trung Đoàn 53 Bộ Binh hiện còn hơn 1 Tiểu Đoàn với khoảng 500 “tay súng”, và Họ đã chiến đấu một cách đơn độc sang ngày thứ ba, 12/03. Ngày thứ tư, 13/3. Ngày thứ năm, 14/3. Ngày thứ sáu, 15/3, ngày thứ bảy, 16/3. Và hôm nay, ngày thứ tám ... 17/03/1975!!

Thật anh hùng! Thật vĩ đại! Thật phi thường! Không còn từ ngữ nào khác hơn để ca ngợi, vinh danh Họ, Và đó cũng là một huyền thoại bi tráng nhất của chiến tranh Việt Nam, trong trận đánh sau cùng trên chiến trường Cao Nguyên!

Bay trên đầu của những người anh hùng của phi trường Phụng Dực, trưa ngày 12/03/1975, Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, Tư Lệnh chiến trường Cao Nguyên đã nói chuyện với hai người quân nhân “lớn” nhất và “nhỏ” nhất của Trung Đoàn 53 Bộ Binh.

Người anh hùng Võ Ân, Trung Tá Trung Đoàn Trưởng.

– Buồn ngủ quá... “Mặt Trời” ơi! (Mặt Trời là danh hiệu truyền tin của Tướng Phú, Tư Lệnh Quân Đoàn II hôm nay )

– “Chú mày”... chịu nổi không? Tinh thần anh em ra sao?

– Bị... “sút mẻ” kha khá ngày hôm qua, nhưng chưa sao. “Mặt Trời” yên tâm!

– “Chú mày” muốn gì... đặc biệt không?

– Dạ không, nhưng sao “Mặt Trời” không bay trực thăng hôm nay?

– Tại “qua” muốn “ở chơi” với “chú mày” và những anh em khác lâu lâu một chút. Mà tại sao “chú mày” hỏi như vậy?

– Tại vì tôi muốn mời “Mặt Trời” đáp xuống coi “kho vũ khí Việt Cộng” ở phòng danh dự phi cảng... cho anh em lên tinh thần!

Tướng Phú cười:

– Ý kiến hay đấy! Thôi để lần sau vậy!

– ...

Người anh hùng Nguyễn Văn Bảy, Binh Nhì xạ thủ súng cối 81ly.

– Em tên gì?

– Dạ... binh nhì Nguyễn Văn Bảy, 18 tuổi!

- Em thấy Việt Cộng chết nhiều không?
- Nhiều, nhiều lắm Thiếu Tướng!
- Em muốn xin Thiếu Tướng gì nào?
- Xin thuốc hút và... lựu đạn.
- Gì nữa?
- Thôi!
- Thiếu Tướng thăng cấp cho em lên Binh Nhất! chịu không?
- ...

Một giọng cười khúc khích trong máy.

- “Ông thầy!”... Ông Tướng tặng tôi cái “cánh gà” chiến bo!
- Không được... “tao” phản đối!!
- ...

Cái “cánh gà”, chữ V, đó là hình dáng của chiếc lon Binh Nhất. “Ông Thầy” là tiếng gọi thân mật vị Trung Tá Trung Đoàn Trưởng mà người “binh nhất vừa được tân thăng” Nguyễn Văn Bảy gọi người chỉ huy của mình.

Mẫu đối thoại trên cho thấy tình chiến hữu anh em của những người lính Trung Đoàn 53 BB. Đó cũng là một cách để chứng minh, tại sao trong những ngày cuối cùng, họ vẫn sống chết cùng nhau, chia nhau từng viên đạn, từng dùm gạo sậy, từng hộp nước, từng hơi thuốc...

Theo thời gian, bảy ngày đêm chiến đấu dài hơn 7 năm tại mặt trận phi trường Phụng Dực. Đã 3 ngày kể từ khi lệnh triệt thoái Cao Nguyên được ban hành, Trung Đoàn 53 không còn nhận được bất cứ một tiếp tế, liên lạc nào với Quân Đoàn. Họ đã phải sử dụng súng đạn tịch thu được của quân thù trong trận đánh đầu tiên để bắn lại chúng!!

Nhưng hôm nay, 17/03/1975, sẽ là ngày... dài nhất trong cuộc đời lính chiến của Họ!  
7 giờ 40 sáng, khi rừng núi Cao Nguyên vẫn còn ngủ yên với những tầng sương mù phủ kín. Thì hàng trăm hàng ngàn đạn pháo của Bắc quân dội vào những chiến hào của Trung Đoàn 53 BB. Cỏ cây rạp xuống, những cột đất đỏ tung cao. Trận địa pháo kéo dài 1 tiếng đồng hồ. Tiếp theo sau là tiếng loa kêu gọi đầu hàng, tiếng hò reo như sóng vỡ của biển người. Và rồi tiếng gầm rú của hàng đoàn chiến xa T.54 trên khắp ngã tiến vào cày nát phi đạo phi trường Phụng Dực, Ban Mê Thuột!

Hôm nay là ngày đầu của cuộc rút quân của Quân Đoàn II. Sư Đoàn 316 CSBV quyết “khai tử” Trung Đoàn 53 Bộ Binh/ QLVNCH. Quyết nhổ đi “cái gai” cuối cùng của Mặt Trận Ban Mê Thuột, của Chiến Trường Cao Nguyên để mở đường tiến về Duyên Hải!

8 giờ 30 sáng, Đại Tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng QLVNCH, vị Tướng lớn nhất của Quân Đội, gọi yêu cầu được tường trình đặc biệt về Mặt Trận Phi Trường Phụng Dực, và... số phận các Chiến Sĩ Trung Đoàn 53 Bộ Binh.



Đây cũng là một vinh dự, một hãnh diện cuối cùng dành cho những "Dũng Sĩ" tại mặt trận này! Nhưng Đại Tướng Viên chỉ được báo cáo, qua nguồn tin không chính xác, của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 Hành Quân ở Phước An: Trung Đoàn 53 Bộ Binh đang bị đánh rất nặng, Bắc đã quân tràn ngập vị phòng thủ của Họ!

Đạn hết, lương thực hết. Không còn cấp chỉ huy, không còn được yểm trợ, không còn máy móc để liên lạc, để... kêu cứu. Những chiến sĩ Trung Đoàn 53 Bộ Binh gục ngã từng người, từng tổ, từng Tiểu Đội trong những chiến hào cho đến người cuối cùng!

11 giờ 30 sáng 17/03 Tiếng súng im bật. Bắc quân cắm ngọn cờ đỏ trên đài kiểm soát không lưu của phi trường Phụng Dực và thu dọn chiến trường.

Không có tù binh, không có cả những người lính bị thương. Những Dũng Sĩ của Trung Đoàn 53 Bộ Binh không còn chiến đấu nữa. Họ đã tan ra, đã nát ra... từng mảnh vụn và trộn lẫn vào đất đỏ của miền Cao Nguyên hùng vĩ!

Ngày 17/03/1975, Trung Đoàn 53 Bộ Binh/ QLVNCH bị Bắc quân xóa tên. Đó cũng là một ngày bi tráng và đau buồn! Lần đầu tiên trong 21 năm chiến đấu chống Cộng và giữ Nước, Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II triệt thoái khỏi Cao Nguyên!!

Nhưng không! đó vẫn chưa phải là những giòng chữ cuối cùng viết về các Dũng Sĩ Trung Đoàn 53 Bộ Binh! Bởi vì, vẫn còn những anh hùng của QLVNCH mang phù hiệu của Trung Đoàn 53, Sư Đoàn 23 BB trên vai áo!

Hai ngày sau, khi Bắc quân tràn ngập phi trường Phụng Dực, Ban Mê Thuột, một nhóm quân nhân của đơn vị này đã "về" được Phước An và tiếp tục chiến đấu tại mặt trận Quốc Lộ 21. Một tuần lễ sau nữa, ngày 24/03/1975, ba "người anh hùng" khác, sau 7 ngày 7 đêm vượt cả trăm cây số đường rừng núi "sống với cỏ cây, thiên nhiên", từ Ban Mê Thuột đã lên tới buôn Thượng Dam Rong, Đà Lạt! Họ là những quân nhân bất tử của Trung Đoàn 53 Bộ Binh! Họ thật vĩ đại và thật phi thường!!

Và đó là một trong những huyền thoại của chiến tranh Việt Nam, trong những trận quyết tử Nam-Bắc sau cùng 1975!

### **Trở lại những ngọn đồi vô danh**

11 giờ sáng ngày 31/03/1975 tại Bộ Tư Lệnh Hành Quân Mặt Trận Bình Định vị Tư Lệnh Sư Đoàn 22 BB nhận được lệnh "điều động" Sư Đoàn về phòng thủ Quy Nhơn.

11 giờ 30 phút trên hệ thống truyền tin chỉ huy giữa Sư Đoàn với Trung Đoàn, và sau đó Trung Đoàn – Tiểu Đoàn, các Trung Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn Trưởng đều nghẹn ngào khi nghe lệnh này. Cả 3 Trung Đoàn 41, 42, 47 lúc đó đều đang giao tranh với địch. Trung Đoàn 41 và 42 BB tại các mặt trận trên Quốc Lộ 19 cách Quy Nhơn 30 cây số, và Trung Đoàn 47 ở phía Bắc Bình Định.

Có những người quân nhân nhà nghề đã chiến đấu trong các Đại Đơn Vị này suốt 2 thập niên ngay từ khi Sư Đoàn mới thành lập. Đã trải qua bao nhiêu thăng trầm biến đổi, nếm đủ vinh quang, bi hùng trong suốt 20 năm trận mạc dòng dã. "Những người lính già của chiến trường", tưởng không bao giờ bị gục ngã. Nhưng với cái lệnh rút khỏi vùng hành quân hôm nay, họ biết ngay đây là giai đoạn chót cuối đời binh nghiệp!!!

Sư Đoàn đã từng bị đánh tan tành và tướng đã bị xóa tên trong Mùa Hè Đỏ Lửa 1972. Họ đã rút lui, đã tan hàng, đã từng mở đường máu suốt mấy chục cây số đường rừng núi để về "điểm tập trung".

Nhưng họ không sờn lòng nản chí, họ vẫn vững tinh thần tin ngày hồi sinh của Sư Đoàn!

Một cuộc rút quân khác nữa mà họ không bao giờ quên. Đó là cuộc chuyển quân thần tốc của một Trung Đoàn, TĐ 42 BB, từ Tây Nguyên trở về Bình Định tái chiếm Đèo Nhông. Đây cũng là

một chiến thắng huyền thoại nhất của Trung Đoàn 42 trong năm 1974. Trung Đoàn 42 Bộ Binh đang hành quân tại vùng Pleime, Tây Nam Pleiku, trong một buổi chiều được lệnh giải tỏa áp lực của địch tại Mặt Trận Bình Định. Cuộc chuyển quân tưởng rằng phải thực hiện trong vòng hai hay ba ngày. Nhưng ngay đêm hôm ấy toàn bộ Trung Đoàn đã về tới Bắc Phú Cát, và từ đó không nghỉ, như một bàn đạp đánh thẳng vào hậu phương địch, khiến Bắc quân trở tay không kịp, những trận kịch chiến đẫm máu dòng đã suốt hai ngày sau đó. Trung Đoàn 42 đã tiêu diệt gần trọn một Trung đoàn CSBV của Sư Đoàn 3 Sao Vàng dựng nên “Chiến Thắng Đèo Nhông”.

Trước khi mặt trận Ban Mê Thuột bùng nổ, một lần nữa Trung Đoàn 42 BB lại biến 2 ngọn đồi vô danh vùng Tây Nam quận Hoài Nhơn, Bình Định thành những “di tích” của chiến sử nói lên tinh thần chiến đấu chống Cộng phi thường của người chiến sĩ QLVNCH.

Hai ngọn đồi vô danh đó là những ngọn đồi chiến lược, được mang số trên bản đồ hành quân 82 và 147 nằm trên huyết lộ vận chuyển của cộng quân, trên trục Quảng Ngãi – Bình Định. Cũng tại hai cao điểm chiến lược này, bọn nhà báo bắt lượm ngoại quốc, sau gần 20 năm xuyên tạc chiến tranh Việt Nam đã phải ngả nón kính phục về tinh thần dũng cảm của QLVNCH. Một phái đoàn Quốc Hội Hoa Kỳ cũng được gửi tới đó để quan sát chiến trường, khi về nước đã lên tiếng bênh vực, ủng hộ Việt Nam. Nhưng... mọi chuyện đã quá muộn!

22 giờ đêm Tướng Phạm Văn Phú. Tư Lệnh cuối cùng của Quân Đoàn II và chiến trường Cao Nguyên bay trên đầu những cánh quân của Sư Đoàn 22 Bộ Binh. Với phương tiện có thể có và hải pháo yểm trợ của Hải Quân vùng II, ông hy vọng sẽ cứu được 50% lực lượng của Sư Đoàn. Tuy nhiên, điều mong ước của Ông không bao giờ đến!

Giờ phút này, trước đó và sau đó suốt 22 tiếng đồng hồ, các trung Đoàn 41, 42, 47 trên chặng đường rút quân và cũng là một trận tuyến dài hơn 30 cây số, từng đơn vị bị phục kích, bị đánh tan tác, bị chặt đứt ra từng khúc nhỏ.

Đây là cuộc trả thù man rợ nhất, tàn ác nhất trong trận chiến sau cùng của chiến tranh Việt Nam. Trên 30 cây số đường máu, chiến đấu không yểm trợ, không tiếp tế, không tản thương vì “hậu phương” rã ngũ, bỏ súng!

Trước mắt là địch, sau lưng cũng là địch!

Đối thủ tuy vẫn là Sư Đoàn 3 Sao Vàng và những Tiểu Đoàn Đặc Công Cộng Sản Bắc Việt. Nhưng Bắc quân ở thế thượng phong. Có pháo nặng, chiến xa yểm trợ và một “hậu phương lớn nổi dậy”. Những người Cộng Sản đã không cần biết đến quy luật của chiến tranh. Chúng thắng tay tàn sát kẻ thù mà trước đây đã từng gây cho chúng những tổn thất lớn lao, những thất bại đau đớn.

Trên 30 cây số đường máu các chiến sĩ Sư Đoàn 22 Bộ Binh đã chiến đấu trong tình trạng tuyệt vọng nhưng dũng cảm anh hùng. Họ đã bắn đến viên đạn cuối cùng rồi gục xuống, Đã có những hành động hào hùng, phi thường, bi tráng xảy ra ở đây ngay trên chiến trận này!

Một cấp chỉ huy Trung Đoàn 47 đã quỳ xuống, ôm lấy người lính bị thương rồi bật khóc. Người lính hấp hối, thoi thóp nhưng ngón tay vẫn để trên cò súng. Ông đau đớn, Ông đứng dậy bỏ đi. Nhưng rồi lặng lẽ quay trở lại ông rút súng kết liễu đời đưa em thân yêu và thật bình tĩnh để súng lên mòng tang tự bắn vào đầu mình!

Có một “người Anh Lớn” khác sau khi tiễn các chiến hữu của mình lên tàu hết, rồi lững thững quay trở lại. trời bừng sáng nhưng anh đã không chọn hướng đi về phía ánh mặt trời. Anh trở lại con đường cũ, trở lại phía có những “Ngọn Đồi Vô Danh”. Nơi đó Anh sẽ gặp Dũng Sĩ Mai Hồng Bướm, người Bình Nhất Trung Đội Trưởng Anh Hùng của Sư Đoàn 22 BB – người Trung Đội Trưởng thứ... sáu của Trung Đội đã chỉ huy đơn vị đánh bật kẻ thù khỏi đỉnh Du Tụ, Hoài Ân trước khi gục ngã. Và gặp lại rất nhiều những anh hùng vô danh khác của Sư Đoàn, những Người đã lấy máu mình tô thắm cho màu cờ Đơn Vị, trong những năm tháng sau cùng!!!

Ngày thứ 7 của cuộc rút quân và sau hai tuần lễ Cộng Sản Bắc Việt tấn chiếm Ban Mê Thuột. 2/3 Chủ Lực quân của Quân Đoàn II tan tành. Đó là Sư Đoàn 23 BB và 7 Liên Đoàn Biệt Động Quân, những Đơn Vị này đã bị thiệt hại từ 60~70% quân số.

Lực Lượng Pháo Binh nặng 175ly, 155ly, các Thiết Đoàn Chiến Xa coi như “bất khiển dụng” 90%. Gánh nặng đè xuống cho các đơn vị còn lại: Sư Đoàn 22 BB và Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù. Lữ Đoàn 3 Dù được tăng phái phòng thủ tuyến đèo M'Drak, mặt trận Khánh Dương.

Niềm hy vọng cuối cùng và cũng là đại đơn vị duy nhất còn lại của Quân Khu II – Sư Đoàn 22 Bộ Binh – được trải dài, bao vùng cả 3 mặt trận. Các trung Đoàn 41, 42 và 47 trấn giữ Quốc Lộ 19 và mặt trận Bình Định. Hàng ngày “đối diện” với Sư Đoàn 3 Sao Vàng cùng các đơn vị trọng pháo, chiến xa của CSBV. 2/3 quân số Trung Đoàn BB và Bộ Chỉ huy TĐ tăng cường cho mặt trận Khánh Dương. Tư Lệnh Phó SĐ Bộ Tham Mưu Nhẹ được lệnh tới “cố vấn” đánh chốt tại Phú Yên, và bảo vệ Đèo Cả trên Quốc Lộ 1 giữa đường Phú Yên Nha Trang.

Sư Đoàn 22 BB được xem như một biểu tượng, một uy dũng, một kỳ diệu cho tinh thần chiến đấu tuyệt vời, thần thánh của QLVNCH. Sư Đoàn với danh hiệu “Tam Hắc Sơn, Bạch Nhị Hà, Trấn Sơn – Bình Hải” này đã từng đại bại, tan hàng tưởng như bị Bắc quân xóa tên từ nhiều năm trước. Nhưng rồi vẫn oai hùng trở lại phong độ, chiến đấu dũng mãnh cho tới ngày cuối cùng.

Trận đánh lớn đầu tiên của chiến tranh Việt Nam xảy ra tại Cao Nguyên năm 1961. Gần một Trung Đoàn BB bị thiệt hại Vị Tư Lệnh Sư Đoàn 22 BB trong thời gian này là Trung tá Nguyễn Bảo Trị.

Hồi đó vùng trách nhiệm của Sư Đoàn còn kéo dài theo biên giới trên Quốc Lộ 14: Từ Dakto, Banhet qua Dak Sut, Dak Pek và lên tới Dakrotah . Sau trận này tôi đã có dịp lên sống trên một ngọn đồi gần Toumorong 40 ngày để nghiên cứu viết về mặt trận B3 của địch và... để chia sẻ những đau đớn tủi nhục của một đoàn quân bại trận!!

Một lần nữa , tháng 4/1972, Sư Đoàn tan hàng tại Tân Cảnh (Dakto, Komtum). Tư Lệnh Sư Đoàn, Bộ Tham Mưu, Trung Đoàn Trưởng 42 mất tích. Hai Trung Đoàn 42 và 47 “về” được Pleiku 50 người. Trung Đoàn 47 khoảng 300. Tại mặt trận Bắc Bình Định, sau những trận bị tấn kích tại Bồng Sơn và khi địch chiếm Tam Quan, Hoài Ân, Hoài Nhơn rồi, Trung Đoàn 40 “chạy” được tới Phú Bài, Quy Nhơn gần 100 người!

Thời gian này, Sư Đoàn 22 Bộ Binh xuống còn 1 Trung Đoàn và cần được bổ xung thêm quân số!

Nhưng rồi như một phép nhiệm màu, với chính sách “tam cùng”: cùng ăn, cùng ngủ, cùng sống chết có nhau. Sư Đoàn đã hồi sinh mau lẹ. Đúng 4 tháng sau, Sư Đoàn 22 BB đã chiếm lại tất cả những phần đất mà chính mình đã để mất vào tay giặc, vùng Bắc Bình Định.

Những trận đánh ròn rã suốt mấy tháng trời tại Bắc Bình Định, Trung Đoàn 21 CSBV của Sư Đoàn 3 Sao Vàng bị khai tử hoàn toàn. Một Trung Đoàn Chủ Lực khác của địch, trung Đoàn 141 ngoài Quảng Ngãi được chuyển vào thay thế.

Một thời gian sau các chiến sĩ Sư Đoàn 22 Bộ Binh một lần nữa trở lại Tây Nguyên. Đây cũng là dịp để người anh hùng “Trấn Sơn Bình Hải” này trả được cái hận cũ: Hận “tan hàng” tháng 4/1972.

Trung Đoàn 40 lên Bắc Komtum cùng với các chiến sĩ Biệt Động Quân, đương đầu với Sư Đoàn F10 CSBV. Trung Đoàn 42 tăng cường trấn giữ mặt trận Tây Nam Pleiku, với sự hiện diện thường trực của Sư Đoàn 320 CSBV.

Và “cái hận cũ” đã được trả. Những lực lượng của SĐ 22 BB đã chặn đứng, phá vỡ được cuộc hành quân quan trọng của Sư Đoàn 320 CSBV trong ý đồ tấn chiếm căn cứ Pleime, và sau đó mở trực tiếp vận từ căn cứ này tới Quốc Lộ 19. Trong một cuộc phản kích tuyệt vời gần

Pleime, Trung Đoàn 42 BB đã tiêu diệt gọn gần 2 Tiểu Đoàn thuộc Trung Đoàn 64 VC. Trung Đoàn 40, Sư Đoàn 22 BB hôm nay gặp lại đối thủ cũ: Sư Đoàn F10 CSBV tại mặt trận Bắc Komtum khi trước. Ấu đó cũng là... định mệnh!!!

### **Đoàn quân Mũ Đỏ**

20 giờ 20 ngày 29/03/1975. Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II nhận được báo cáo từ mặt trận Khánh Dương. Quốc Lộ 21: Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù đang bị tấn công nặng.

Lực lượng Mũ Đỏ bây giờ là linh hồn của Mặt trận Khánh Dương Quân Khu II. Tuyến Dù vỡ, Nha Trang không bị đánh cũng vào tay giặc. Và Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn sẽ lại di tản lần thứ hai!

Đà Nẵng mất, Tướng Phạm Văn Phú, Tư Lệnh Quân Đoàn II, vừa đau buồn, vừa lóe lên một tia hy vọng. Chiều mai 30/03/1975 hay chậm lắm là hai ngày nữa. Mặt trận Khánh Dương, Nha Trang sẽ được tăng cường bởi Đoàn Quân Mũ Xanh Thủy Quân Lục Chiến.

Tướng phú dùng máy STS liên lạc với Trung Tá Lê Văn Phát, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù, hiện đang là Tư Lệnh Mặt Trận Khánh Dương. Ông ra lệnh, Ông yêu cầu anh em Dù ráng chống đỡ đêm nay. Ngày mai sẽ có 2 Tiểu Đoàn Biệt Động Quân, và sau đó một Tiểu Đoàn Thủy Quân Lục Chiến từ Đà Nẵng về cùng lên chiến đấu tại Mặt Trận này!

Vị Tư Lệnh Chiến Trường, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 3 Dù, ra lệnh cho các đơn vị lập phòng tuyến thép, không lùi!

Nhưng đêm nay. Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù sau những thiệt hại tại Quân Đoàn I, và hơn 1 tuần lễ tại Mặt Trận Khánh Dương, quân số chỉ còn hơn 1000... Không chiến xa, không Pháo Binh nặng làm sao họ đương đầu được với 3 Sư Đoàn chủ lực quân CSBV F10, 320, 316 đông hơn gấp 10 lần, và với những Trung Đoàn Pháo, Trung Đoàn Chiến Xa T-54 đã tiến sát cận kề?

Tuyến đầu tiên của Lữ Đoàn 3, Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù bị CQ vây kín 4 mặt, bị đánh trợn chấu, biển người.

Tiểu Đoàn 5 ND là Đơn Vị tôi có khá nhiều kỷ niệm. Tôi đã ôm dù nhảy tập, nhảy hành quân theo họ nhiều lần. Tôi có “những người anh em” từ cấp Binh Nhì đến Tiểu Đoàn Trưởng ngay từ cuối thập niên 1950. Như NQT, Ngô Lê Tĩnh, Hà Huyền Chi, Nguyễn Chí Hiếu, Bùi Quyền và nhiều nữa.

Nhưng hai người mà tôi nhớ nhất, đó là một “chú em nhỏ” Binh Nhì 17 tuổi, đã bắn hạ Chiến Xa Bắc Việt tại An Lộc trong Mùa Hè đỏ Lửa 1972. Chú em này sau trở thành con đỡ đầu của cụ Trần Văn Hương, Phó Tổng Thống VNCH. Và “người phóng viên già” Nguyễn Đạt Thịnh, Đã quyết định in hình người anh hùng Mũ Đỏ trẻ tuổi này lên trang bìa một tờ báo quân đội thay vì in hình Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và Tướng Vanuxem “xuống” An Lộc ngày 7/7/1972!!

Một người nữa là Bùi Quyền. Anh là một Tiểu Đoàn Trưởng có tư cách, một anh hùng, người Tham Mưu Trưởng tài ba của Lữ Đoàn và... nghèo nhất nước. Anh biết chia sẻ những nguy hiểm, và những thiếu thốn với những anh em binh sĩ. Khi anh làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 5 ND, vợ của ông Tiểu Đoàn Trưởng, của các sĩ quan cũng như những bà vợ của anh em binh sĩ đều sống trong những dãy nhà tôn của trại gia binh, và chia nhau đồng đều quyền lợi của Đơn Vị.

Đó cũng là người niên trưởng “hắc búa” nhất, thần tượng của nhà văn Phan Nhật Nam ngoài chiến trường, cũng như khi còn học ở trường Võ Bị Đà Lạt!

Hơn một tuần lễ Lữ Đoàn 3 ND tới trấn đóng đèo M'Drak, chúng tôi mới gặp nhau một lần. Đêm nay Bùi Quyền và những người anh em khác của tôi đang “ngập chìm” giữa vòng vây địch. Đường Nha Trang – Khánh Dương 20 phút bay! Tôi muốn được đến gần họ ngay bây giờ. Dù chỉ để nghe tiếng họ kêu vang và để biết rằng Họ vẫn còn đang chiến đấu!

19 năm trước khi còn “tuổi trẻ hân hoan đợi gói trong cò”, tôi được đào tạo thành một quân nhân nhà nghề. Tôi được gửi đi học lớp Đại Đội Trưởng tại một trường bộ binh Hoa Kỳ. học đánh nhau theo kiểu Mỹ!

Có lần trong phần kết thúc của một bài học về tác chiến, người sĩ quan huấn luyện viên nói một câu, tôi còn nhớ mang máng rằng:

“Khi tôi còn nhỏ, Mẹ tôi thường nói: con muốn điều gì, hãy nhắm mắt lại và mơ ước. Lúc mở mắt ra, Mẹ cho con tất cả những gì con muốn. Lớn lên khi chỉ huy ngoài mặt trận, lúc bị vây hãm tràn ngập: tôi nhắm mắt lại và tin rằng khi mở mắt ra tôi sẽ thấy... một đám mây hình nấm!”

“Đám mây hình nấm” là hình dáng cột khói tạo nên bởi trái bom B-52 thả xuống, là “bức tường mây” của mấy chục khẩu pháo cùng bắn hiệu lực vào mục tiêu.

Đó là đánh nhau “theo kiểu Mỹ”! người Mỹ đã huấn luyện tôi, huấn luyện những cấp chỉ huy của Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù đánh nhau như vậy, đúng 20 năm nay đã quen và không sai chạy. Nhưng bây giờ, người Mỹ phản bội, bỏ chạy. Và chúng tôi không B-52, không đại bác, không chiến xa. Và trước một quân thù hung bạo với một rừng xe tăng, đại pháo, với biển người lớp lớp hàng hàng!!!

Nhìn về phía Khánh Dương, tôi thấy mịt mù xa tắp. Tự nhiên tôi nhắm mắt lại. Tôi theo đạo Công Giáo, nhưng đã hơn 10 năm rồi chưa một lần bước vào nhà thờ. Và đêm nay, tôi đã nguyện cầu. Tôi cầu xin cho những người anh em tôi qua được một đêm. Ngày mai... quân tăng viện sẽ đến!!!

*Trích từ “Cuộc triệt thoái cao nguyên”*

## Nhà báo Phạm Huấn, sĩ quan cao cấp đầu tiên có mặt tại Hà Nội hơn 30 năm về trước Phạm Điền, phóng viên đài RFA

Nhà báo Quân đội Phạm Huấn vừa từ trần tại San Jose, Bắc California, Hoa Kỳ. Nói về Phạm Huấn chúng ta còn nhớ cuốn hồi ký “Một Ngày ở Hà Nội”, ông viết về chuyến ra Hà Nội trong đợt giao trả tù binh giữa hai phía Hoa Kỳ và Bắc Việt vào năm 1973.



Nhà báo Quân đội Phạm Huấn tại Hạ Lào năm 1971. Photo courtesy of Hung Pham  
Vị Sĩ quan cấp tá duy nhất của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà mặc quân phục đứng giữa thủ đô Hà Nội tháng 2 năm 1973 nhân ra Bắc dự khán và tường trình việc trao đổi tù binh Mỹ là thiếu tá Phạm Huấn đã vĩnh viễn ra đi tại San Jose, để lại tiếc nhớ cho bạn bè, đồng đội.  
Phạm Huấn “Rock Hudson”

Khi chia sẻ cảm nghĩ, cảm tình với Phạm Huân nhà văn Hoàng Hải Thủy hiện đang sinh sống với gia đình tại Virginia đã cho biết một số chi tiết:

*“Phạm Huân, năm 1960 lúc đó mới thiếu úy hay trung úy gì đó thôi. Hắn ta đẹp trai, đẹp trai nhất trong bọn chúng tôi đó, trần trọc, mà đời sống sạch sẽ. Ở trong quân đội không có tiếng tăm gì. Có một thời gọi Phạm Huân là Rock Hudson, theo như tên của tài tử đẹp trai của Hollywood. Chỉ có một cái đau thương và buồn đó là, người ta mỗi người có một cái số, không thể nói trước được cuộc đời con người sau này sẽ ra làm sao.*

Cái mà tôi muốn nói bị cái bệnh Alzheimer thì mấy năm sau yếu đuối, cái đó thật là đau thương mà chúng tôi không nói trước được, bây giờ mất rồi thì cũng chỉ than thở thế thôi cứ so tôi với Phạm Huân thôi thì Phạm Huân, đáng nhẽ số phải khỏe mạnh, phải hơn tôi mới phải chứ vì Phạm Huân không có ăn chơi sa đọa. Tôi với Phạm Hậu thì bằng tuổi nhau.

Phạm Hậu, Phạm Huân, Phạm Hùng rồi Phạm Long, Phạm Long kẹt lại, có một thời gian tù với tôi cùng trại ở số 4 Phan Đăng Lưu những năm 1977-80 có 3 người trong 4 anh đó đi sang Mỹ trước là Phạm Hậu, Phạm Huân, Phạm Hùng và một cô em nữa đi qua Mỹ trước, Phạm Long bị ở tù, sau này mới đi được.

Khi Phạm Huân còn sống thì tôi cũng có quyền đó mà tôi không thấy xúc động gì nhưng khi Phạm Huân mất một cái, tôi mở ra tôi xem thì tôi thấy cái hình Phạm Huân, đứng chụp, trong quân phục mà giữa lòng thành phố Hà Nội, tự nhiên tôi thấy xúc động.

Tôi lại có cái duyên mới đây tôi lại có quyền Một Ngày ở Hà Nội hồi ký năm 1973, Phạm Huân cùng với Phan Nhật Nam và Dương Phục lá 3 sĩ quan Việt Nam đã đi trên một cái máy bay của Ủy Ban Liên Hợp 4 bên về Hà Nội chứng kiến cuộc trả tù binh đợt thứ hai ở Gia Lâm ngày hôm đó.

Khi Phạm Huân còn sống thì tôi cũng có quyền đó mà tôi không thấy xúc động gì nhưng khi Phạm Huân mất một cái, tôi mở ra tôi xem thì tôi thấy cái hình Phạm Huân, đứng chụp, trong quân phục mà giữa lòng thành phố Hà Nội, tự nhiên tôi thấy xúc động.

Và tôi thấy rằng trong 30 năm chúng ta chiến đấu chống cộng sản mà tôi ước lượng là sĩ quan của chúng ta, từ thiếu úy cho đến cấp tướng, tôi không biết rõ bao nhiêu nhưng có thể 7, 8 chục ngàn đến 100 ngàn gì đó mà chỉ có một Phạm Huân thôi là đã mặc bộ quân phục, lúc đó Phạm Huân Thiếu Tá.

Mặc quân phục sĩ quan Việt Nam Cộng Hoà đứng chụp ảnh ở giữa lòng thành phố Hà Nội. Tôi không thấy ảnh của Phan Nhật Nam, tôi không thấy ảnh của Dương Phục, tôi chỉ thấy ảnh đó, cái ảnh đó làm tôi xúc động và tôi có viết bài về đó và sẽ viết một bài về Phạm Huân về Hà Nội và nhìn thấy những sĩ quan tù binh Mỹ bị giam ở Hỏa Lò và cảm nghĩ ra làm sao và tôi sẽ viết một bài.”

Cuốn hồi ký “Một Ngày Ở Hà Nội”

Cũng như nhà văn Hoàng Hải Thủy, điều gây ấn tượng mạnh cho nhà báo Đào Trường Phúc, hiện đang lo chăm sóc tuần báo Phố Nhỏ thì đó là cuốn “Một Ngày Ở Hà Nội”, một hồi ký được viết ngay vào ngày 19 tháng 2 năm 1973 sau khi một số quân nhân Việt Nam ra Bắc trong sứ mạng trao đổi tù binh Mỹ.

Cuốn sách đó được tái bản tại Mỹ năm 1984, nhà thơ Đào Trường Phúc đọc lại và cho biết vẫn còn giữ được ấn tượng đặc biệt khi ông đọc ban đầu bởi vì theo ông “ Một ngày ở Hà Nội” viết bởi một ký giả chiến trường kỳ cựu, không hề nói đến súng đạn chết chóc mà vẫn còn đầy đủ giá trị của một tài liệu sống thực và thâm thúy về chiến tranh Việt Nam.

Năm 1973, Phạm Huân chứng kiến sự kết thúc cuộc chiến đối với Mỹ, khẳng định ngay tức khắc rằng đối với người Việt cuộc chiến chưa thể chấm dứt. Ba mươi năm sau ngày đất nước bị cưỡng chiếm, tình trạng chỉ thay đổi trên bề mặt, nhưng bản chất cuộc chiến vẫn còn nguyên như thế.

Và vì lý do đó, tác giả Đào Trường Phúc cho hay khi ông ngồi đọc lại những giòng ghi chép của Phạm Huấn trong “Một Ngày Ở Hà Nội”, ông đã đọc lại với tất cả cảm xúc còn nguyên vẹn như mấy chục năm về trước.

Từ Việt Nam khi được tin người em của ông Phạm Huấn báo tin Phạm Huấn đã “Về với Chúa”, nhà văn Văn Quang trong bài viết mang tựa đề phóng viên chiến trường năm xưa đã ra đi đã ghi lại một vào hoài niệm thuở Phạm Huấn đóng phim Ngàn Năm Mây Bay dựa trên một chuyện dài của Văn Quang.

Ông cho biết không nhớ chính xác đã quen nhau từ ngày nào nhưng dĩ cũng có hơn nửa thế kỷ, và cho hay đầu thập niên 1960, Phạm Huấn đã phục vụ tại Phòng Báo Chí, Cục Tâm Lý Chiến, khi ấy ông vừa rời bỏ chức Đại Đội Trưởng Đại Đội Văn Nghệ vùng 1 đồn trú tại Quảng Ngãi.

Nỗi gian khổ của phóng viên chiến trường

Phạm Huấn có lẽ yêu đời phóng viên nên xin về làm báo quân đội. Phạm Huấn từng nói với nhà văn Văn Quang “sẵn sàng đi bất cứ chiến trường nào chứ không muốn ngồi bàn giấy làm biên tập viên.”. Câu nói này đưa ra vào lúc chiến trường sôi bỏng khắp nơi.

Nhân bài viết của Văn Quang đăng trên báo chí Việt Ngữ hải ngoại cuối tuần này về Phạm Huấn, những người ngoài quân đội và không ở trong giới truyền thông và phóng viên chiến trường thời trước, mới biết được thêm sự gian khổ của các ê kíp phóng viên chiến trường trong khi được cử đi viết tin trong 4 vùng chiến thuật. Họ đều có những nỗ lực và sức chịu đựng cao vì phần lớn các phóng viên chiến trường trẻ ngoài gian khổ còn “đều rách như cái mền”

Quan hệ giữa nhà văn Văn Quang và phóng viên chiến trường Phạm Huấn thân đến độ gọi nhau là mày mày tao tao được, nên trong một phần gọi lại kỷ niệm, ông Văn Quang gọi nhớ cả con người hào hoa của Phạm Huấn.

Sau những giây phút căng thẳng trên chiến trường, Phạm Huấn trở về thành phố Sài Gòn “rũ áo phong trần, khoác áo hào hoa, thấy dáng thư sinh công tử của Phạm Huấn, không ai nghĩ ông mới thoát chết trên đại lộ kinh hoàng với hai đồng nghiệp Dương Phục và Thanh Thủy. Phạm Huấn được rất nhiều bông hoa hương sắc của Sài Gòn ngày xưa đem lòng ái mộ. Trên phương diện một phóng viên chiến trường thì theo lời nhà văn Văn Quang, tháng 2 năm 1973, Phạm Huấn, Phan Nhật Nam, Dương Phục đi theo phái đoàn ra Hà Nội làm phóng sự trao trả tù binh đợt 2 diễn ra tại phi trường Gia Lâm.

Vào thời gian đó Hà Nội đối với người dân Miền Nam hoàn toàn xa lạ cho nên việc có dịp ra Hà Nội là chuyện hầu như không thể xảy ra. Toàn bộ bài tường thuật được đưa lên đài Phát Thanh Quân Đội. Phóng sự đặc sắc được thính giả đón nhận nồng nhiệt khiến Đài Phát Thanh Quân Đội phải phát lại đến 3 lần nữa.

Thưa chúng tôi cũng đã sống với anh Phạm Huấn, những cái ngày của tháng 2, tháng 3 năm 1973, những người ký giả đầu tiên ra miền Bắc tại Hà Nội trong lần trao trả tù binh Mỹ theo Hiệp Định Paris và anh đã vẽ nên một cái thực trạng, anh đã báo động cho miền Nam biết qua phóng sự “Một Ngày Tại Hà Nội”, đó là một thành phố vô tính, thành phố không có tính người.

Sau này khi sang đến Mỹ, cựu phóng viên chiến trường Phạm Huấn còn viết thêm 4 cuốn sách nữa về Việt Nam, đó là: - Triệt thoái Cao Nguyên năm 1987 - Những Trận Đánh Lớn Trước Khi Mất Miền Nam năm 1988 - Điện Biên Phủ 54- Ban Mê Thuật 75 (1988) và - - Trận Hạ Lào (1990).

Nhà văn Văn Quang ghi nhận một đời sống thật ý nghĩa nơi Phạm Huấn, một người mà ông cho rằng với 5 tác phẩm đã để lại, thế hệ sau này sẽ có dịp nhìn rõ hơn những điều sống động, xác thật đã và đang xảy ra trong lịch sử dân tộc mình. Văn Quang cho rằng không phải ai cũng làm được điều như thế. Người phóng viên chiến trường năm xưa đã ra đi, nhưng những gì để lại vẫn còn sống mãi.

Bức chân dung thật của Hà Nội.

Tình chiến hữu và sự yêu mến của những đồng đội dành cho Phạm Huấn rất lớn, đã được tác giả Mùa Hè Đỏ Lửa Phan Nhật Nam một phóng viên chiến trường nổi tiếng trong bài viết tiền đưa người quá cố như sau: *“Chúng tôi, những người bạn của anh Phạm Huấn đang ở San Jose.. Anh Huấn không phải là niên trưởng, mà là người bạn lớn của chúng tôi, những người làm báo, những người làm phóng viên chiến trường của miền Nam ngày trước.*

Chúng tôi đã chứng kiến anh những cái ngày đẹp nhất năm 1962 khi anh làm phóng sự cho ngày lễ mãn khoá khoá 16 trường Đà Lạt, chúng tôi sống với anh những ngày năm 1970 khi tấn công qua Kampuchia, chúng tôi sống với anh năm 1971 Lam Sơn 719 đánh qua Hạ Lào. Chính năm này, phóng viên chiến trường Phạm Huấn, đã nói lên tiếng nói của người lính miền Nam với Phó Thủ Tướng Trần Văn Hương.

Thưa chúng tôi cũng đã sống với anh Phạm Huấn, những cái ngày của tháng 2, tháng 3 năm 1973, những người ký giả đầu tiên ra miền Bắc tại Hà Nội trong lần trao trả tù binh Mỹ theo Hiệp Định Paris và anh đã vẽ nên một cái thực trạng, anh đã báo động cho miền Nam biết qua phóng sự “Một Ngày Tại Hà Nội”, đó là một thành phố vô tính, thành phố không có tính người.

Hơn thế nữa, anh là một người báo động cho miền Nam sự bức tử của cao nguyên, sau cái buổi họp 14 tháng 3 năm 1975 tại Cam Ranh và ông Tổng Thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu, Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm, Đại tướng Cao Văn Viên đã rút ra khỏi Tây Nguyên trong khi đang tăng viện Phước An và trên cái chiếc tàu bay khi đến Phước An ngày 12 tháng 3.

Anh Phạm Huấn là người đã chuyển lệnh đến chuẩn tướng Trường, Tư lệnh Sư Đoàn 23 để rút khỏi Phước An đi về Khánh Dương, rút khỏi Khánh Dương chuyển về Dục Mỹ và lần lần là cuộc bức tử Tây Nguyên và anh Phạm Huấn chính là người báo động lần bức tử của miền Nam.

Thưa quý vị thính giả, thưa tất cả các bạn, chúng tôi là những người lính, chúng tôi là những người dụng văn để viết nên những cái chữ, về người lính, về cuộc chiến và tôi nghĩ rằng, trong 40 năm qua, anh Phạm Huấn hơn là một người phóng viên của chiến trường, anh đã báo động cho chúng ta biết, những cái lần bức tử Huế.

Anh đã vẽ ra chân dung thật của Hà Nội, anh cũng là người cộng tác báo Diều Hâu, thật sự ra chỉ là hai cá nhân Phạm Huấn và Nguyễn Đạt Thịnh, họp cùng với kẻ sĩ của miền Nam, cụ Trần Văn Hương và thiếu tướng Nguyễn Văn Hiếu để đưa vụ án tham nhũng lớn nhất của miền nam tức vụ án của Quý Tiết Kiệm Quân Đội ra trước ánh sáng.”

Lễ tiễn biệt.

Bạn bè của Phạm Huấn tứ xứ và khắp nơi trên đất Mỹ đã đổ về San Jose để có dịp từ giã Phạm Huấn. Lễ cầu hồn cho Phạm Huấn được cử hành trong thể vào lúc 2 giờ chiều ngày Thứ Bảy tại thánh đường St Patrick ở thành phố San Jose, Bắc California. Và tiếp sau đó là Lễ Hỏa Táng theo ý gia đình.

Tình gia đình, tình đồng đội, tình bạn được bào đệ của người nằm xuống là Phạm Hùng trong diếu văn tiễn biệt nêu lên như điều đáng yêu nhất của người đã khuất, ông nói:

*“Triết lý sống của Phạm Huấn giản dị như con người của anh, anh luôn tâm niệm không bỏ anh em, không bỏ bạn bè, vì vậy trong suốt cuộc đời của anh, anh đã làm con, làm cha, làm chồng, làm em, làm thuộc cấp, làm thượng cấp nhưng tôi nghĩ, vai trò anh xuất sắc nhất là làm bạn. Anh đối xử với mọi người bằng thứ tình người chân thật.”*

Trên phòng tuyến ngã ba Dầu Giây

## Phạm Huấn

Trích từ tuyển tập “Những uất hận trong trận chiến mất nước 1975” của Phạm Huấn.

Ghi chú: Viết theo lời tường thuật của Thiếu Úy Phạm Văn Trung, Trung đội Trưởng Trung đội 3, Đại đội 2, Tiểu đoàn 1, Chiến đoàn 52, Sư đoàn 18 Bộ binh.

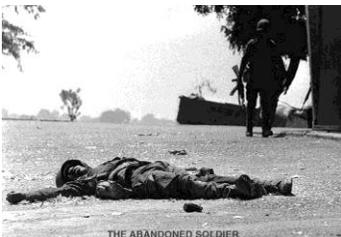


“6 giờ chiều ngày 13-4-1975, sau 15 phút Cộng quân bắc loa kêu gọi đầu hàng tại ngã ba Dầu Giây, Long Khánh, Đại đội 2, Tiểu đoàn 1, Chiến đoàn 52 Bộ binh còn khoảng 50 tay súng, cùng bố trí sau những gốc cây cao su chờ giặc đến. Tôi liếc nhìn Trung đội 3 của mình còn đúng 12 người. Những đạn đại pháo, súng cối đủ loại của Bắc quân rót vào. Tiếng lựu đạn nổ chát chúa, tiếng la hét hãi hùng, tiếng rên siết đau đớn và rồi “tiếng hô sóng vỗ” của biển người. Tôi gục xuống trên xác một bạn đồng đội, người đầy máu...” Đó là một trận chiến tồi tệ. Một trận đánh bi thảm mà những người lính cuối cùng của Tiểu đoàn 1, Chiến đoàn 52, Sư đoàn 18 Bộ binh phải chấp nhận, gánh chịu.

Chiến đấu không yểm trợ, không tân thương, không hy vọng, và trong trạng thái hoang mang, hỗn loạn đến thảm não. Đứng lên một lần cuối cùng trực diện với quân thù, để rồi ngã xuống như những người khác, hay nếu có một may mắn nào đó, sẽ thoát được bàn tay tử thần ở trong họng súng của những kẻ xâm lăng, khát máu.

Đời lính, chết là chuyện thường tình. Vấn đề chỉ là bao giờ đến lượt mình? Trong chiến tranh, một cuộc chiến được coi là thảm khốc, dã man nhất của ta từ 30 năm nay, đã có biết bao nhiêu những người lính của Quân lực VNCH, nếu được chết cách đây 2 năm, trước khi Hiệp định Ba Lê đầu hàng Cộng sản được ký kết, đó là một niềm hạnh diện, chết cho đất nước, chết cho sự tự do của những người khác.

Trong trận chiến cuối cùng năm 1975, với tôi, nếu bị chết, chỉ là một cái chết tức tưởi, oan khiên. Tôi tiếp tục cầm súng chiến đấu vì cấp chỉ huy của tôi chưa bỏ chạy, và vì không muốn thấy 12 người lính còn lại dưới quyền khinh thường. Do đó, bỗng nhiên tôi trở thành “người lính cuối cùng” của Trung đội 3, Đại đội 2, Tiểu đoàn 1, Chiến đoàn 52, Sư đoàn 18 Bộ binh! Đó cũng là điều thành thật nhất tôi muốn được nói ra, để giải thích một cách lương thiện rằng tôi không phải là một trung đội Trưởng anh hùng. Xin hãy dành từ ngữ anh hùng để vinh danh những chiến sĩ can đảm, xứng đáng khác của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.



Đầu tháng 4-1975, sau khi các mặt trận Quân đoàn I và Quân đoàn II lần lượt tan vỡ, chiến tuyến Long Khánh được thiết lập ngày 8-4-1975 để chặn sức tiến của các sư đoàn Bắc Việt trên đả đánh chiếm Sài Gòn. Chiến đoàn 52 Bộ binh được lệnh rời bỏ tuyến đầu của Quân đoàn III, vùng Núi Đốt, phía Nam Định Quán, dọc theo Quốc lộ 20, đường đi Đà Lạt, di chuyển về ngã ba Dầu Giây. Phòng tuyến mới của Sư đoàn 18 Bộ binh bây giờ bắt đầu từ Dầu Giây, dọc theo Quốc lộ 1, khoảng 18 cây số chiều dài, và 7 cây số chiều rộng (trên Quốc lộ 20, đoạn ngã ba Dầu Giây). Trước khi có lệnh co rút về phòng thủ tuyến ngã ba Dầu Giây, Chiến đoàn 52 với những chi đội thiết giáp tăng cường trong tuần lễ cuối cùng của tháng 3, 1975 lên thay thế vùng trách nhiệm của Trung đoàn 43 Bộ binh, trấn đóng phía nam quận Định Quán, dọc theo Quốc lộ 20, “Tuyến đầu Tổ Quốc” trên đường lên Đà Lạt thơ mộng, thành phố của hoa anh đào và những chiếc “Alpha” màu đỏ, trong những ngày cuối tháng 3, 1975, thật buồn thảm. Từng đoàn người lếch thếch, lũ lượt gồng gánh đi xuống. Ngược lên, kể cả những chiếc quân xa chạy vội vã, không có xe cộ nào vượt khỏi địa điểm đóng quân của Tiểu đoàn 1, Chiến đoàn 52 Bộ binh. Ban đêm từ Núi Đốt, đỉnh cao nhất, phía tây Nam Định Quán khoảng 15 cây số, có thể quan sát thấy những xe tăng và những đoàn Molotova chở quân của Bắc Việt chạy khơi khơi trên Quốc lộ 20.

Bộ chỉ huy hành quân Chiến đoàn 52 xin phản lực lên đánh, nhưng chỉ thấy máy bay quan sát gởi tới bay lượn một hồi rồi bay luôn. Lần không yểm cuối cùng cho tuyến Núi Đốt, Định Quán, 2 trái bom 500 cân Anh rớt trúng xuống Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 43, khiến gần 200 thương vong. Các Tiểu đoàn 2/43 và 1/52 là những tiểu đoàn ưu tú nhất của Sư đoàn 18 Bộ binh. Những đơn vị đã nổi danh với những chiến thắng lẫy lừng tại Chiến khu D, và vùng Bến Cát trong năm 1974. Hai chiếc thiết giáp T54 và PT76 do Tiểu đoàn 1/52 “bắt sống” cách đây mấy tháng đã được lính Sư đoàn 18 chạy thẳng về dinh Độc Lập, Sài Gòn để Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu chiều chiều ... thường lãm. Chính các đơn vị này làm cho những người lính của Sư đoàn 18 ngẩng mặt cao lên, quên đi cái mặc cảm là lính của “Sư đoàn 10 số bù” trước đây, đa số là “lính ma, lính kiếng” và được chỉ huy bởi một ông tướng tham những nhất quân đội thời đó. Và “rửa mặt” cho tướng Lê Minh Đảo, vị tư lệnh cuối cùng và anh hùng của Sư đoàn 18 Bộ binh, dập tắt những lời tố cáo dựng đứng của những con buôn chính trị bất lương, đã nói rằng chức vụ này được mua với giá 20 triệu đồng, qua “đường giây Bà Thiệu”! Vị tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2/43 là một sĩ quan thuộc binh chủng mũ nâu trước đây. Ông nổi tiếng với lối đánh ào ạt, thần tốc trong đêm tối. Ban ngày nhẩy vào vùng địch, nhưng chỉ là đánh “nhử” để quan sát địa thế, và ước lượng tình hình, khả năng thật sự của địch, tối đến mới là đánh thật. Và đã đánh đêm là phải thắng.

Đó cũng là quy luật của đơn vị này! Hai trái bom 500 cân Anh thả làm xuống Tiểu đoàn 2/43 là một bất hạnh, một thiệt hại lớn lao chung cho tất cả các đơn vị thuộc Sư đoàn 18 Bộ binh. Vị tiểu đoàn trưởng tài ba, anh hùng nếu còn sống, chắc chắn sẽ điên loạn; vì ông thương yêu chiến hữu, lo cho những người lính nhiều khi còn hơn cả cho bản thân ông! Chiến đoàn 52 Bộ binh về tới tuyến mới, ngã ba Dầu Giây tối ngày 8-4-1975, thì ngay sáng hôm sau, mặt trận Long Khánh đồng loạt bùng nổ cả 3 nơi: Xuân Lộc, ngã ba Dầu Giây và vùng giáp ranh tỉnh Bình Tuy. Cả hai Sư đoàn 6 và 7 chủ lực quân, các trung đoàn pháo thuộc Sư đoàn 75 Pháo binh Bắc Việt từ An Lộc kéo về, mở những cuộc tấn kích vào các vị trí của quân ta ngay giữa ban ngày. Chiến thuật của chúng tại mỗi nơi vẫn là tiền pháo, hậu xung và phục kích chặn viện.

Ngày đầu tiên, 10-3-1975, áp lực nặng nề nhất là bắc Xuân Lộc và vùng núi Chứa Chan, nằm ở phía đông Xuân Lộc chừng 12 cây số, gần với ranh giới tỉnh Bình Tuy. Lực lượng bên ta, tại Xuân Lộc trong ngày đầu, ngoài những đơn vị Địa Phương quân của tiểu khu Long Khánh, có Trung đoàn 43 và Trung đoàn 48 Bộ binh. Trung đoàn 48 Bộ binh đang nghỉ dưỡng quân tại Long Bình, trước đó đã được lệnh tới tăng cường cho mặt trận Xuân Lộc, và phòng tuyến phía đông của thị trấn này.

Cuộc chuyển quân thần tốc của Trung đoàn 48 Bộ binh cùng với tinh thần chiến đấu của đơn vị này, đã làm cho địch quân không thể tràn ngập được phòng tuyến phía đông Xuân Lộc, vùng núi Chứa Chan trong ngày đầu như chúng đã dự định. Tuyến phòng thủ của Chiến đoàn 52 Bộ binh dọc theo Quốc lộ 20, khoảng 6 cây số về phía bắc, và 2 cây số về phía nam từ ngã ba Dầu Giây. Khoảng từ Dầu Giây về Xuân Lộc trên Quốc lộ 1 chừng 10 cây số vẫn còn là một trục lộ an toàn. Bộ chỉ huy chiến đoàn, các pháo đội đại bác 155 ly và 105 ly, các chi đoàn M41 và thiết vận xa M113 trấn đóng tại ấp Nguyễn Thái Học, cách Dầu Giây 3 cây số. Tiểu đoàn 3/52 đóng chốt trên núi Sóc Lu và những cao điểm khác, làm thành vòng đai ngoài cùng.

Phòng tuyến của Tiểu đoàn 1/52 ở phía nam Dầu Giây chừng hơn một cây số. Vùng đóng quân của Chiến đoàn 52 Bộ binh trong những ngày cuối, trừ Tiểu đoàn 3, có nhiệm vụ đóng tiền đồn, đóng chốt trên các đỉnh cao, phía bắc và đông bắc của Dầu Giây, tất cả đều nằm trong những đồn điền cao su bát ngát. Chiều ngày 11-4-1975, Tiểu đoàn 2/52 được lệnh về tăng cường cho mặt trận Xuân Lộc.

Vị sĩ quan tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2/52, Đại úy Út, với kinh nghiệm chiến trường, và nổi tiếng bén nhạy trong những ước tính đối với sự việc có thể xảy ra, nên ông đã để lại dọc đường 2 đại đội “ngủ đêm” trong vườn cao su. Trận phục kích tuyệt vời của Tiểu đoàn 2/52 đêm 11-4-1975, tiêu diệt, đốt cháy cả một đoàn xe chở quân và chở đạn của Bắc quân tại ấp Cái Răng cách Xuân Lộc 6 cây số về phía tây bắc, đã là chiến thắng cuối cùng của Chiến đoàn 52, Sư đoàn 18 Bộ binh trước khi bị tan hàng!

### **Những người lính bất hạnh**

Đơn vị tôi thuộc Đại đội 2, Tiểu đoàn 1 đóng tại ấp Nguyễn Thái Học, tuyến ngoài cùng của chiến đoàn, mặt phía nam ngã ba Dầu Giây. Một đại đội, nhưng chỉ còn khoảng 50 người, quân số chưa được một nửa theo quân số lý thuyết. Sĩ quan có đúng 2 người, một trung úy đại đội trưởng, và tôi, chỉ huy Trung đội 3 với 12 tay súng.

Ngay đêm đầu tiên, sau những trận mưa pháo của Bắc quân, những đơn vị pháo binh của Sư đoàn 75 pháo Bắc Việt từ An Lộc kéo về, “tuyến đầu” ở phía sau khu vực đóng quân của Chiến đoàn 52 Bộ binh đã co rút lại gần 1 cây số. Chúng tôi lui về phòng thủ sát xã Dầu Giây và Quốc lộ 1. Vẫn là những rừng cao su dày đặc. Tôi nhìn những chiến hữu trong đơn vị, rồi nghĩ đến mình mà lòng thấy xót sa, đau đớn. Trận chiến cuối cùng này đã vượt khỏi tầm tay của mọi người. Không còn tin tưởng, hy vọng, hay tính toán gì được nữa. Bị bao vây, nguy khốn, bị thương chờ chết, bắn hết đạn, hãy tự giải quyết lấy. Những người gục xuống, đó là cách giải quyết tốt đẹp nhất cho chính họ, và cả những người còn sống. Pháo của địch rót vào chiến tuyến của ta giờ này qua giờ khác, ngày cũng như đêm. Những đại đội, trung đội đóng chốt, đóng tiền đồn của Tiểu đoàn 3 trên núi Sóc Lu và những cao điểm phía bắc Dầu Giây. Khi còn sử dụng được máy móc liên lạc, họ gọi kêu cứu liên tục. Các khẩu đại bác từ Bộ Chỉ huy Hành quân của Chiến đoàn bắn đi yểm trợ cầm chừng. Cứ điểm nào sắp bị tràn ngập, nghe tiếng phản lực xe không gian bay tới, hay tiếng gầm thét của chiến xa ào ạt đến, đó là cứu tinh, là hy vọng cho sự sống được kéo dài thêm của những người lính bộ binh khốn khổ, bất hạnh. Nhưng khi đã thấy một phản lực cơ nổ trên không trung, một chiến xa bốc cháy rồi thì niềm hy vọng và cuộc sống của họ tiêu tan, dấy chết.

Ngày thứ tư của trận chiến Xuân Lộc, Long Khánh, tuyến ngoài cùng của Chiến đoàn 52 Bộ binh tại mặt trận phía tây Xuân Lộc, cả Tiểu đoàn 3 với quân số hơn 300 người, đóng trên các cao điểm phía bắc Dầu Giây chừng 5 cây số, không còn liên lạc, vết tích gì nữa. Họ đã chết thật tức tưởi, phi lý và trong uất hận, đau đớn. Trước khi vào lính, tôi không biết nhiều về đời sống quân đội. Cuộc đời quân ngũ của tôi cũng thật ngắn ngủi, 2 năm, 2 tháng, 20 ngày. Và tôi chỉ phục vụ tại một đơn vị, giữ một chức vụ duy nhất là trung đội trưởng Trung đội 3, Đại đội 2, Tiểu đoàn 1, Chiến đoàn 52 Bộ binh. Tôi bị động viên theo học khóa Sĩ quan Trừ bị 2-73, dù

thời gian đó Hiệp định Paris đã được ký kết. Cũng trong thời gian này, tôi đã mất đi một người bạn thân nhất. Đó là Chuẩn úy Lương Đức Hậu, người bạn học từ thuở nhỏ, cùng khóa 2-73 Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức, và cùng một đơn vị khi ra trường.

Cái chết của Lương Đức Hậu đã làm tôi day dứt, đau đớn nhiều ngày, và hận thù những người đang lãnh đạo Đất Nước, chỉ huy cuộc chiến này. Tại sao lại bắt chúng tôi, những người không thích đời sống quân đội phải vào lính, để thay thế những người yêu võ nghiệp, có khả năng chiến đấu, và cuộc đời họ đã gắn liền với trận mạc từ nhiều năm nay? Cuối năm 1974, Tiểu đoàn của tôi toàn những sĩ quan “non choẹt” mới ra trường như tôi, giữ các chức vụ Trung đội Trưởng, Đại đội Phó, trong khi đó quân đội cho giải ngũ một số sĩ quan và hạ sĩ quan có kinh nghiệm chiến đấu, với một lý do rất mơ hồ là “lý do kỷ luật”, khiến họ rất căm phẫn, bất mãn.

Tôi nhớ cuối tháng 8 năm 1974, Hậu và tôi được tham dự “một trò chơi lớn”. Sau hào quang chiến thắng của Sư đoàn 18 “bất sống” được xe tăng của Việt cộng tại Bến Cát, vị Tư lệnh Quân đoàn lúc bấy giờ muốn chúng tôi “thừa thắng xông lên”. Ông ra lệnh thẳng cho Đại tá Chiến đoàn Trưởng Chiến đoàn 52 thả Tiểu đoàn 1/52 vào giữa lòng Chiến khu D, “lùng và diệt” một Trung đoàn Việt cộng. Rừng rậm và địa thế gai góc, hiểm trở, chỉ một đêm, chúng tôi bị địch pháo, thiệt hại hơn 100 người. Lương Đức Hậu, Trung đội Trưởng Trung đội 1 chết tan xác cùng với hàng chục người lính thuộc trung đội anh, cách tôi chừng 20 thước. Hậu chết khi tuổi lính mới được vừa 1 tuổi, và tuổi đời chưa tới 20. Cũng may trận đó vị Đại tá Chiến đoàn Trưởng, dù phải nghe lệnh của ông Tư lệnh Quân đoàn, nhưng biết trước chúng tôi sẽ “ôm đầu máu”, nên đã tập trung sẵn những thiết giáp M-48 và một tiểu đoàn khác vào giải vây khi trận chiến xảy ra. Những cảm nghĩ chân thành của tôi, có thể không đúng với những người cùng lứa tuổi, đã chọn võ nghiệp như cái nghề cao quý của mình. Nhưng tôi tin rằng đó là tâm trạng chung của một số lớn sinh viên và học sinh, đã bị ném vào các quân trường, các trung tâm huấn luyện trong những năm sau cùng của chiến tranh Việt Nam.

Tại một số quốc gia có chiến tranh, nhất là trong cuộc chiến đấu sinh tử với cộng sản để sống còn như Việt Nam Cộng Hòa, luật Tổng Động Viên là một đạo luật cần thiết và hợp lý. Tuy nhiên, đạo luật này đã không được thi hành một cách công bằng như ở các quốc gia khác. Những người lãnh đạo Đất Nước, những tướng lĩnh giữ những chức vụ quan trọng tại Bộ Quốc Phòng, Bộ Tổng Tham Mưu, Tổng Cục Quân Huấn, Nha Động Viên, v.v... chính là những người đã dung dưỡng, bao che cho con cháu, người thân, tạo ra sự bất công nhiều nhất. Thật đau lòng khi nhìn thấy những sự thật xảy ra trước mắt.

Trước năm 1954, khi người Pháp còn chỉ huy cuộc chiến tại Đông Dương, Tướng De Lattre được bổ nhiệm làm Tổng Tư lệnh Quân đội Viễn chinh Pháp, và các lực lượng Việt-Miên-Lào năm 1950, thì đứa con trai duy nhất của ông là Trung úy Bernard De Lattre, đóng tại đền Non Nước, Ninh Bình. Khi De Lattre sang Việt Nam, phương vị của Bernard vẫn không thay đổi, tiếp tục chiến đấu ngoài mặt trận, cho đến khi chết tại đó, vào tháng 5 năm 1951. Một tám gương khác, khi Mỹ khởi sự ném bom Bắc Việt năm 1965, con trai của Đô đốc Tư lệnh Lực lượng Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương, Hải quân Thiếu tá McCain, là một trong những phi công Mỹ đầu tiên bị bắn rớt tại Bắc Việt. Trong khi đó, suốt cuộc chiến 21 năm sau cùng tại Việt Nam, chắc chắn không thể tìm thấy bất cứ con một ông Tướng nào chiến đấu ngoài mặt trận. Em trai bà Thủ tướng đến tuổi đi lính, ngay lập tức được “tuyển” để đi theo xách bóp cho bà chị. Tất nhiên sự tuyển dụng này không qua một thủ tục nào, vì ông Thủ tướng còn là một đại tướng 4 sao, quyền uy coi như vô địch. Con những ông tướng khác thì cứ gần đến tuổi động viên, đã bằng cách này, cách khác, được xuất ngoại du học. Chung qui chỉ có những sinh viên, học sinh con nhà nghèo, và không thể lực, sẽ bị thi hành lệnh Tổng Động Viên một cách rất kỹ lưỡng. Ngoài ra, vì không có tiền bạc để chạy chọt, chắc chắn không bao giờ họ được phục vụ tại những “chỗ ngon, chỗ bỏ” ở Sài Gòn hay các tỉnh. Điều đáng buồn hơn nữa là trước khi được gọi nhập ngũ, và khi học ở các quân trường, các trung tâm huấn luyện quân sự, họ không nhận

được các tài liệu, hoặc sự giải thích một cách minh bạch, hợp lý của các cán bộ trong quân đội, đối với nhiệm vụ, quyền lợi và thời gian thi hành lệnh động viên.

Với cuộc chiến ác liệt trong những năm sau cùng, nhiều khi sau một trận giao tranh, một tiểu đoàn tác chiến, với quân số hành quân khoảng 400 người, có khi bị thiệt hại 1/3 hay nhiều hơn nữa. Và trong trường hợp ấy, ít nhất 50 phần trăm sĩ quan trung đội trưởng, cấp chuẩn úy, thiếu úy bị hy sinh. Một bức hình chụp 9 người khi nhập học khóa 2/73 sĩ quan trừ bị Thủ Đức, hình như chỉ có tôi và một người nữa sống sót. Thật tình tôi đã không hiểu nổi, tại sao những người làm việc tại nha động viên thời gian đó đã tiếp tục gọi nhập ngũ chúng tôi sau khi Hiệp định Ba Lê 27-1-1973 được ký kết? Tôi không muốn nói đến cái “văn kiện đầu hàng” không có một chút xíu giá trị này, vì bọn cộng sản không bao giờ tôn trọng những điều chúng cam kết, và không bao giờ chúng thay đổi chính sách sát máu, xâm lăng miền Nam bằng võ lực, nếu chưa nhiệm đồ được miền Nam Việt Nam. Tôi chỉ muốn nói đến sự giải kết, bỏ chạy của người Mỹ khi ký hiệp định này với Bắc Việt. Vì vấn đề tù binh Mỹ, chắc chắn Mỹ sẽ ép Việt Nam Cộng Hòa trên nhiều lãnh vực, và tôn trọng những mật ước đối với Bắc Việt. Sau Hiệp định Ba Lê 1973, viện trợ quân sự bị Mỹ cắt xuống rất nhiều. Do đó, quân lực VNCH phải giảm bớt quân số, chiến cụ, phi cơ, và đạn dược sử dụng bị hạn chế. Để đối phó với vấn đề giảm bớt quân số, những giới chức quân sự cao cấp đã hành động để có biện pháp như thế nào? Họ cho giải ngũ một số sĩ quan và hạ sĩ quan có kinh nghiệm chiến đấu, và cuộc đời họ hầu như đã gắn liền với trận mạc từ nhiều năm nay. Những người này bị cho giải ngũ, vì lý do kỷ luật, và dù họ không muốn bị giải ngũ. Trong khi đó, chúng tôi, những sĩ quan “non choẹt”, ra trường mới được mấy tháng, nếu sống sót, được “đẩy” lên làm đại đội phó, hay đại đội trưởng, dù kinh nghiệm chỉ huy và chiến đấu chưa có bao nhiêu. Sự làm việc không có kế hoạch, chương trình của những cơ quan phụ trách về động viên và giải ngũ đã gây sự òan hận cho rất nhiều người, và hủy hoại tiềm năng của quân đội không ít, trong 2 năm chót, trước khi chiến tranh chấm dứt.

Ngày 8 tháng 4 năm 1975, khi trung đội của tôi lui về phòng thủ tại xã Dầu Giây, với quân số chiến đấu vốn vẹn còn 12 người, đi nằm tiền đồn, bố trí chờ địch đến, hay tránh pháo kích, chúng tôi đều dàn hàng ngang, sau những gốc cao su. Tôi cũng không còn khe khát bắt anh em binh sĩ đào hố cá nhân như trước kia nữa. Bởi vì, những hố đó cũng sẽ chẳng ích lợi gì khi Bắc quân tràn đến. Lúc tôi trúng mảnh pháo của địch, người đầy máu té xuống, tôi đã nghe thấy tiếng rên la trong đêm tối của trung sĩ Hoan, người trung đội phó gan dạ. Hoan người gốc Tàu Chợ Lớn, làm lì, ít nói, nhưng can đảm và tháo vát. Trận đánh tại Bến Cát cách đây mấy tháng, khi tôi chỉ huy 2 khinh binh bò lên đánh lựu đạn vào một cái hầm có Việt cộng trú ẩn, một trái B40 của địch “thối” trúng, “chém” đứt đôi 2 người lính, Hạ sĩ Lê Sen và binh nhất Hòa. Tôi thoát chết trong gang tấc, nhờ Hoan kẹp khẩu đại liên vào đùi, đứng bắn che cho tôi bò ngược trở lại. Hạ sĩ Sen và Binh nhất Hòa đều là “những người lính bất hạnh” mà tôi thương mến họ. Tôi gọi Sen là “người lính gương mẫu” và Hoà là “đứa bất hiếu”. Sen là người tần tiện, mực thước, tiền lương hàng tháng thường dành dụm gửi về cho vợ con. Còn Hòa ăn tiêu hoang phí, rượu chè, nhiều khi bà mẹ già chờ đầu tháng lên vùng hành quân xin tiền con, Hòa không có, phải trốn mẹ, bị tôi rầy la hoài. Trận trước, hạ sĩ Sen và Hòa đã ra đi. Hôm nay đến lượt tôi và Hoan! Hoan có người vợ trẻ mới cưới từ 2 tháng trước, định “dù” về Chợ Lớn thăm vợ, nhưng thấy trung đội chỉ còn có mình tôi là cấp chỉ huy, nên không nỡ bỏ đi. Tự nhiên tôi mong ước Hoan sẽ thoát được bàn tay tử thần đêm nay để về thăm vợ anh, dù đó là lần cuối cùng!

Tôi tỉnh dậy sáng hôm sau, một sĩ quan đã cho biết tôi được cứu sống nhờ 3 người lính thay nhau diu về, những người lính của Trung đội 1, trung đội do cố Thiếu úy Lương Đức Hậu chỉ huy trước đây. Còn 12 quân nhân trong Trung đội 3 của tôi vĩnh viễn ra đi, không một người nào về được. Ngày 14-4-1975, phòng tuyến của Chiến đoàn 52 Bộ binh co lại thêm nữa. Đòng bào từ Đà Lạt, Lâm Đồng, Bình Tuy, Long Khánh... khắp nơi đổ tới ngã ba Dầu Giây để tìm đường về Sài Gòn.

Việt cộng nã pháo vào khắp các vị trí của quân ta ngay từ sáng sớm. Đồng bào chiến nạn trở thành nạn nhân sau những trận mưa pháo của địch. Tiếng kêu khóc thảm thiết. Cảnh chết chóc, hỗn loạn dài hàng cây số trên Quốc lộ 20 và Quốc lộ 1 thật khủng khiếp, đau thương. Vị tị nạn mặt trận, đại tá chiến đoàn trưởng Chiến đoàn 52 lòng lộn như một con hổ ở trong chuồng, ra lệnh tổ chức phòng tuyến cuối cùng, không lùi thêm nữa. Nhưng cố gắng của ông và của những người lính Chiến đoàn 52 Bộ binh cũng chỉ giữ được phòng tuyến này thêm một ngày nữa, rồi tan hàng. 9 giờ đêm 15-4-1975, đại bác Bắc quân bắn sập hầm chỉ huy của đại tá chiến đoàn trưởng, các hệ thống truyền tin, liên lạc bị hủy diệt, ông thoát chết nhờ đang ở bên ngoài. Và lúc đó, ông mới quyết định cho mở đường máu rút lui về hướng Long Bình. Tổng cộng chỉ có 200 người thoát về được đêm 15-4-1975. Khoảng 1500 quân thuộc Chiến đoàn 52 Bộ binh bị thiệt hại, bị đánh tan tác trong 6 ngày cuối cùng tại mặt trận Dầu Giây, Long Khánh.

## Bạch thư Phạm Huấn Viên Linh

Có những cuốn sách ngoại ngữ khổ người đọc không biết nên đặt ở chỗ nào trên giá sách, như cuốn “Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975” của Phạm Huấn, do tác giả xuất bản từ năm 1987.

Sách khổ lớn 7x10 phân Anh, dày 280 trang, trình bày mỹ thuật bởi một bàn tay nhà nghề (điều khắc gia Mai Chửng), song kỹ thuật rõ ràng của một nhà in tị nạn ở San Jose, gáy sách khô cứng chất keo nấu dở, giấy bung ra từng tờ. Như nhan đề, đây là một cuốn sách thuật sự, về một cuộc rút quân trong quá khứ, mở đầu sự sụp đổ của một thể chế, như thế đây là một ký sự lịch sử chiến sự, kể lại giai đoạn cuối cùng của một quốc gia trong đó tác giả là một nhân chứng, hơn thế nữa, cũng là một nhân vật tham dự ít nhiều vào thể sự và chính sự, hơn thế nữa ông còn là sĩ quan báo chí của một trong bốn vùng chiến thuật của một trong bốn quân đoàn, một trong bốn ông tướng tư lệnh Quân Đội Quốc Gia.



Người ngồi trên xe lăn là Phạm Huấn.

Hàng đứng từ trái qua là Bùi Đức Lạc, nguyên tiểu đoàn trưởng Pháo Binh Dù, Viên Linh nhà thơ, Hà Thượng Nhân nhà thơ, Thanh Thương Hoàng nhà văn. Hình chụp 1 năm trước khi Phạm Huấn qua đời.

Tác giả Phạm Huấn thật sự đã viết sử, cuốn sách là một sử liệu, và với sử liệu này, được viết với tâm lòng như lửa, với các sự kiện có thật, có ngày giờ khi sự việc xảy ra, cuốn sách là một “bạch thư” về “quân sử và chính sử Việt Nam thời thập niên '70.”

Tại sao gọi là bạch thư? Tôi không tìm được chữ nào hơn. Tra bốn cuốn từ điển, cả từ điển văn học, cuốn quý nhất của Đào Duy Anh cũng không có chữ bạch thư. Cuốn khác ghi: white paper. Cuốn Nguyễn Văn Khôn không giải thích, nhưng đưa ra thí dụ: “Văn kiện công bố chính thức của Mỹ, Đức, Nhật, Bồ-đào-Nha và văn thư của ngoại giao Anh đều đóng bìa trắng.” Tôi đành dùng chữ này, vì “Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975” của Phạm Huấn đóng bìa trắng. Nếu

cần định nghĩa khác về cuốn sách, thì đây là lời Phạm Huấn: “Tôi đã viết ra tất cả những bí mật, những cái lệnh của các tướng lãnh, lãnh đạo đất nước và quân đội, và mọi diễn biến xảy ra trong 'Cuộc Rút Bỏ Cao Nguyên tháng 3.1975', đưa đến sự sụp đổ tinh thần, làm tan rã QLVNCH, và mất nước sau đó. Những tiết lộ trong cuốn sách này - ngoài đoạn viết về 'Quyết định Cam Ranh 14.3' của 5 Tướng Thiệu, Khiêm, Viên, Quang, Phú; tất cả đều là sự thật và có chứng tích.” (Phạm Huấn, Những Giòng Chữ Cuối, trang 255, CTTCN 1975).

Tiếp theo tác giả có giải thích ông có mặt tại bạch dinh ở Cam Ranh, nhưng không được tham dự, vì đó là cuộc họp của “Hội Đồng Tướng Lãnh.” Những gì ông biết về nội dung phiên họp, dài có hơn một tiếng đồng hồ, là do Tướng Phú kể lại với ông.

Ngoài câu trên, còn đoạn này ở cuối sách:

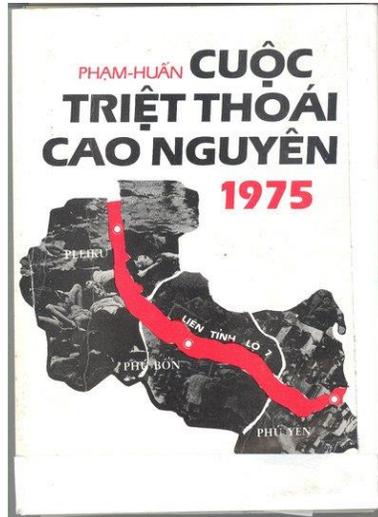
“Phụ Chú Đặc Biệt: Tôi rời Phú Quốc Việt Nam buổi trưa ngày 30.4.1975. Như tất cả các nghệ sĩ đài 'Mẹ Việt Nam', một số nhà văn, nhà báo khác được 'bốc' đi vào giờ phút chót; chúng tôi lên chiếc American Challenger với một bộ quần áo đang mặc trên người và chiếc xách tay nhỏ. Hai cuốn sổ tay nhật ký hành quân gần 500 trang, ghi lại mọi diễn biến những ngày cuối cùng của chiến tranh Việt Nam, là 'di sản' duy nhất tôi mang theo được.

“Đã 12 năm trong cuộc sống vô nghĩa ở đây, dù lang thang hết nơi này qua nơi khác, nhưng không bao giờ hai cuốn sổ tay nhật ký hành quân này rời xa tôi. Quyển 'Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975' được viết bằng những chứng tích sống thực mà tôi ghi nhận từng giờ, từng phút của 25 ngày sau cùng trên chiến trường Cao Nguyên và Quân Đoàn II.”

Tiếp sau phụ chú là mấy trang bản sao chụp lại những ghi chép vội vàng lung tung trong hai cuốn sổ tay chỉ tác giả đọc được.

Vậy, tất cả là sự thật.

Những sự thật mà mấy hôm nay đọc cuốn sách, tôi ngạc nhiên sao anh lại qua đời vì bệnh, mà không vì một cuộc thủ tiêu, ám sát, cắt cổ, bởi một hay nhiều người, những người anh nói đến trong sách. Một điều khác cũng khiến tôi ngạc nhiên: sao một cuốn sách về Việt Nam như cuốn “Cuộc Triệt Thoái...” của Phạm Huấn, lại không được tái bản. Cuốn sách được xuất bản tháng 2, 1987, lúc ấy chương trình H.O. rất mới mẻ, các cựu quân cán chính của Việt Nam Cộng Hòa nếu đã tới được Mỹ, cũng chưa nhiều, hay người ta chưa thể bình tâm để đọc sách, khi cuộc tạm cư đã ổn định phần nào, thì cuốn sách, chắc chỉ in 500 hay 1000 cuốn, cũng đã hết. Nếu cuốn sách in ra cỡ thập niên '90, chắc chắn phải là một cuốn sách bán chạy nhất, vì nội dung kinh hoàng của nó.



Hình bìa cuốn sách “chiến sử và chính sử” của Phạm Huấn.

May mắn có một Bản Đặc Biệt có chữ ký của Phạm Huấn và mấy con số ghi ngày tháng: 4/87, và có một tấm hình chụp cùng anh ở San Jose, tấm hình 5 người mà ba người kia là Hà Thượng Nhân, Bùi Đức Lạc, và Thanh Thương Hoàng, từ lâu ý định viết về Phạm Huấn cứ còn là ý định. Quen anh từ đầu 1960 khi anh còn là trung úy, mới về nước sau khóa học ở Fort Benning Georgia, chúng tôi gặp nhau tại lầu 3 cao ốc Cửa Long đường Hai Bà Trưng, Sài Gòn; nơi một số ký giả văn nghệ sĩ cư ngụ, có Trần Nhã, chủ bút báo Anh ngữ Saigon Post, Lý Muối, Thái Thủy, Mai Liên, Thanh Nam và tôi. Phạm Huấn to cao, trắng trẻo, từng được gọi là Rock Hudson Việt Nam, tài tử cao lớn đóng đôi với John Wayne trong phim The Undefeateds, luôn luôn tươi sáng, hơi dềnh dàng, rất nổi tiếng trong cương vị đồng chủ trương tuần báo Diều Hâu với vị sếp của anh là Trung Tá Nguyễn Đạt Thịnh, trưởng phòng Báo Chí Cục Tâm Lý Chiến, tờ báo đã can trường in hình 4 ông tướng ngoài bìa sau, hình rất to, dưới có hàng chữ rất lớn: 4 Tướng Bản. Số trước cũng in hình 4 ông tướng ra bìa trước, dưới có hàng chữ: 4 Tướng Sạch.

Phòng báo chí và tòa soạn nhật báo Tiền Tuyến nơi tôi làm việc trong 6 năm nhìn thấy nhau, hai phòng tọa lạc hình thước thợ cửa ra vào chung chu vi một mảnh sân trên khu đất ở đầu đường Hồng Thập Tự, gần sông Thị Nghè. Những ngày tháng 4, 1975, chúng tôi gặp nhau ở Phú Quốc, trên khu đất cạnh trại giam tội phạm cộng sản. Ra đây hơn một tuần lễ trước biến cố ngày 30, hình như anh đã quay về Sài Gòn mang thêm được vài người thân trở ra, còn kịp lên tàu. Trên bố cáo anh viết ngày 30 tháng 4 ở Phú Quốc, thực tế chúng tôi đã lần lượt leo lên tàu American Challenger vào đêm 29. Sáng 30 tàu đậu ngoài hải phận quốc tế đón thêm các thuyền nhân, khoảng trưa 30 tàu đậu ngoài khơi Vũng Tàu. Gia đình tôi 10 người, lại lên tàu sớm từ Phú Quốc, nên được hai chàng thủy thủ Mỹ đẩy vào một phòng. Thấy cô con gái út hơn mười tháng tôi đeo trước ngực, tình cờ mỗi chàng đem vào một thùng đồ hộp, hóa ra có hai hộp, cũng chỉ đủ ăn trong bốn ngày trên biển. Tới Hoa Kỳ, anh em Diều Hâu làm báo chống tham nhũng rủ nhau định cư ở Hawaii, làm nghề tài xế taxi.

Trích dẫn vài đoạn, vài câu trong cuốn sách:

“17 giờ ngày 30 tháng 3, 1975, Tư Lệnh Quân Đoàn II bay ra Cam Ranh đón Tướng Ngô Quang Trưởng, tư lệnh Quân Đoàn I, và cũng là cấp chỉ huy cũ của ông.

“Khoảng 10 phút, trên chiếc soái hạm chỉ huy của tư lệnh Hải Quân Vùng II, ra một vùng biển ngoài Cam Ranh, Tướng Phú làm lì không nói một câu nào. Riêng Phó Đề Đốc Hoàng Cơ

Minh, tư lệnh Hải Quân Vùng II, vẫn giữ được phong cách của một tướng lãnh chỉ huy trong vùng trách nhiệm của mình, vẫn bộ đồ xanh hải quân bạc màu, đôi cánh dù ngạo nghễ trên ngực áo. Đi sau Tướng Phú, bước lên Dương Văn Hạm 404, Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh không đeo súng, không có cận vệ theo.

“Quang cảnh trên tàu lúc này thật náo nhiệt, ...'xô bồ'. Hầu hết là anh em thuộc Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến. Quần áo trện màu xanh rần ri... Cọp Biển. Họ đứng, nằm, ngồi, chen chúc mọi nơi, mọi chỗ. Tất cả đều mệt mỏi. Không vũ khí. Không còn phong độ. Tướng Phú và Tướng Minh đi qua không ai chào hỏi, không ai nhường lối.”

“Tự nhiên tôi thấy đau buốt trong tim. Đoàn quân Mũ Xanh Cọp Biển Thủy Quân Lục Chiến, một trong những đại đơn vị vũ bão hàng đầu của Quân Đội, Lực Lượng Tổng Trừ Bị giống như Sư Đoàn Nhảy Dù. Nhưng, từ nhiều năm, Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến đã không được sử dụng như Sư Đoàn Nhảy Dù. Các chiến sĩ trong đoàn quân này bị đày ra Vùng Giới Tuyến, hành quân liên miên...”

“Đó là kết quả cuộc 'hôn nhân gượng ép' của hai tướng Nguyễn Văn Thiệu-Nguyễn Cao Kỳ, trong chức vụ tổng thống và phó tổng thống VNCH. Đó là những nạn nhân của sự tranh giành, nghi kỵ giữa hai 'thế lực quyền hành', của 'cánh phải, cánh trái'... Dinh Độc Lập!

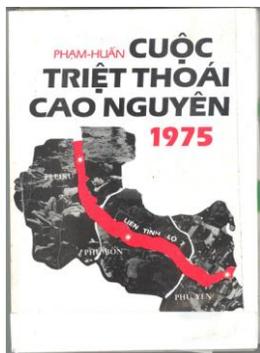
“Tướng Phú và Tướng Minh, phải khó khăn lắm mới lách xuống được chỗ Tướng Ngô Quang Trưởng nằm dưỡng bệnh. Vị tư lệnh chiến trường Vùng Hòa Tuyến, một tướng lãnh tài ba trong 7 năm liên tiếp, của những chiến trường Quân Đoàn IV, Quân Đoàn I; bây giờ nằm yên bất động. Ông thờ thoi thóp nhờ bình nước biển, và sự tận tâm săn sóc của người quân y sĩ. Quanh ông có Tướng Khánh, tư lệnh Sư Đoàn I Không Quân; Đại Tá Nguyễn Hữu Duệ, thị trưởng Huế; Bác Sĩ Nghiêm, v.v...”

“Tướng Phú ghé sát tai Tướng Trưởng hỏi 2 lần, nhưng sắc diện trên mặt ông không thay đổi. Nhưng rồi có một giây, Tướng Trưởng ngược nhìn lên. Cặp môi nhợt nhạt hơi nhếch đi một chút. Đôi mắt đỏ ngầu... như muốn bật máu! Trong tia nhìn ấy, chắc những người chung quanh, cũng như tôi, biết Tướng Trưởng muốn nói gì?”

“Cuộc thăm viếng... không đối thoại đúng 10 phút. (Tàn Theo Cuộc Chiến, Cuộc Triệt Thoái, tr.219-220)”

\*\*\*

**Phụ đính :**



**Phạm Huân phóng viên chiến trường năm xưa đã ra đi Văn Quang**

Phạm Huấn hào hoa, những ngày còn ở Sài Gòn. Và những năm đầu ở Mỹ, hoàn thành 4 tác phẩm về chiến tranh.

Sáng thứ bảy ở VN, chiều thứ sáu 21-10-2005 ở Santa Ana, tôi nhận được điện thoại của người em dẫu ở Mỹ báo tin: Phạm Huấn vừa “về với Chúa”.

Thật ra điều này không làm tôi ngạc nhiên, vì từ mấy năm nay bạn bè đã cho tôi biết về bệnh tình Phạm Huấn. Anh nằm trong “nhà an dưỡng” ở San Jose trong một tình trạng rất đáng buồn, các bạn tôi nhìn thấy anh, không ai không tủi lòng. Trong thời gian đó tôi chỉ được coi một tấm hình anh ngồi ngơ ngẩn trên hàng ghế đầu khi trình làng tập thơ của Hoàng Anh Tuấn ngay trong một căn phòng khách của “nhà an dưỡng”. Tôi không thể nào hình dung được con người đẹp trai, hào hoa phong nhã ngày nào, bây giờ lại... “thảm” đến như thế được. Chứng bệnh mất trí nhớ hành hạ anh và cả những người thân của anh thường xuyên có mặt bên giường bệnh.

\* Phạm Huấn chỉ đóng một phim duy nhất

Hình ảnh hôm nay, khiến tôi càng nhớ tới khi anh đóng phim “Ngàn năm mây bay” do Thái Lai sản xuất dựa trên một truyện dài của tôi xuất bản vào khoảng năm 1962. Và dường như đời anh chỉ đóng có một cuốn phim duy nhất đó, thế nên nó cũng giống như một cuộc vui chơi mà thôi. Những lần sau đó, có người mời anh đóng phim, anh đều từ chối. Ngay trong phim Chân Trời Tím, tôi gợi ý anh vào vai một sĩ quan bánh bao, học giỏi, con nhà giàu, bên cạnh vai chính Hùng Cường và Kim Vui, nhưng anh lắc đầu: “Tao thấy nhân vật đó hơi... kỳ”. Và rồi vai nào anh cũng chê. Mặc dầu đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc, đôi khi cũng rủ rê anh “đóng một vai cho vui”, cũng như Hoàng Vĩnh Lộc đã từng rủ rê cả Duyên Anh, đóng vai bệnh nhân trong một bệnh viện và Hà Huyền Chi vào vai “người vác quan tài” trong phim “Người tình không chân dung”. Gọi là đóng phim chơi cho vui, có tên tuổi của những nhà văn, nhà báo cho thêm xôm tụ. Trong phạm vi đứng đắn của một tác phẩm, vẫn có những “trò nghịch ngầm”, vui chơi của anh chị em nghệ sĩ mà chắc khán giả cũng biết. Nhưng nếu có ai gọi Phạm Huấn là tài tử, anh cho rằng người ta “chọc giận” mình. Bởi theo nhận định của tôi, anh thích là một phóng viên chiến trường, một nhà văn, hơn bất cứ thứ gì khác. Cuộc đời trai trẻ của Phạm Huấn sôi nổi nhưng không “giang hồ đến cả hoa kia cỏ này” như ông bạn già Phan Nghị của chúng tôi. Một ngày của anh là công việc và lãng du, tình yêu và quân ngũ, những thứ gắn liền với nhau như từ trong máu.

Tôi không nhớ chính xác chúng tôi quen nhau từ năm nào, nhưng gặp nhau là thân ngay, cũng gần nửa thế kỷ rồi đấy. Nhưng từ 30 năm nay, tôi không một lần gặp lại Phạm Huấn. Nhớ lại lần đầu gặp anh, vào khoảng đầu thập niên 60, khi anh về phục vụ tại Phòng Báo Chí, Cục TLC. Khi ấy anh vừa từ giã chức Đại đội trưởng Đại Đội Văn Nghệ ở vùng 1, đồn trú ở Quảng Ngãi. Có lẽ vì yêu cuộc đời phóng viên nên anh xin về làm báo quân đội. Anh nói với tôi: “Sẵn sàng đi bất cứ chiến trường nào, chứ không muốn ngồi bàn giấy làm biên tập viên”.

\* Cuộc đời phóng viên chiến trường

Ngay thời gian đầu, trong khi còn đang “học việc”, anh đã tỏ ra xông xáo và mộng ước của anh là được đi học nhảy dù để khi cần có thể nhảy xuống những chiến trường sôi động trong lửa đạn, cũng như Dương Phục và một số những anh phóng viên trẻ khác đang muốn nâng cao tay nghề của mình. Trên hết vẫn phải nói đến ý chí của họ, là một người lính sống chết với chiến trường như những chiến binh khác ngoài trận tuyến. Một lần nữa Phạm Huấn hoàn thành được tâm nguyện của mình. Từ đó anh thường đi cùng một ê kíp phóng viên có mặt ở hầu hết các chiến trường miền Nam. Một ê kíp phóng viên Quân Đội thường có đủ mặt: phóng viên nhiếp ảnh, phóng viên quay phim truyền hình, phóng viên báo chí, phóng viên phát thanh. Anh nào có cấp bậc lớn hơn làm trưởng toán, bất kể anh ở chuyên môn nào.

Những năm sau này, chiến trường trải rộng ở khắp các quân khu nên chúng tôi phải lập nhiều toán thường trực mà không thể đáp ứng hết các nhu cầu. Thế nên có những phóng viên vừa ở Quảng Trị về đã phải khăn gói lên ngay Pleiku, Kontum, hoặc chui vào Bình Long... Hầu như họ không còn ngày nghỉ. Nhất là mỗi lần đi công tác đều thiếu tiền. Theo nguyên tắc hồi đó, để tiết kiệm ngân sách và cũng để phòng ngừa những chuyện lợi dụng có thể xảy ra, quân đội chỉ cho lãnh công tác phí tối đa là 15 ngày trong một tháng, mặc dù anh đi công tác cả tháng. Điều đó tất nhiên gây nhiều thiệt thòi cho những anh phóng viên suốt tháng lăn lộn khắp “bốn vùng chiến thuật”. Tôi cũng muốn nói điều này để thấy được chúng ta đã phải tiết kiệm như thế nào và sự ngăn ngừa tệ nạn “tiêu cực” ráo riết đến mức nào. Không phải cứ ở trong quân đội là đầy đủ như một số người đã tưởng tượng ra.

Mỗi lần đi công tác là một lần lo tiền, có những PV phải vay cào vay cấu vài ba chục ngàn làm tiền lộ phí. Đến ngay cả cái xe ra phi trường, đôi khi cũng không có, nhờ bạn đèo xe gắn máy hoặc vẫy cái taxi đi cho kịp giờ. Đến đơn vị nào rảnh rỗi thì có thể được ăn cùng ở cùng, nhưng nếu gặp khi đơn vị nằm ở bìa rừng trong vòng trận mạc thì... ráng tự xoay sở lấy. Anh trưởng toán lại lo sốt vó. Có điện thoại về cho “trung ương” thì cũng chưa chắc gì đã lo nổi, có khi còn được móc ngay vào một công việc khác: “Nhà hết phóng viên rồi, nhân tiện các anh ở Huế, đi luôn vào Quảng Ngãi làm cái phóng sự ở một quận nào đó vừa có tin chiến trường nóng bỏng”. Thế là lại bay vào Quảng Ngãi và còn “tiện thể” đi những đâu nữa thì “hạ hồi phân giải”. Miễn là mỗi buổi tối có một bài tường thuật cho phòng tin tức.

Phải cố gắng lắm, chúng tôi mới kiếm ra một chút ngân quỹ để “đền bù” cho những thiệt thòi ấy của các anh phóng viên trẻ “rách hơn cái mền rách”. (Nói theo chữ nghĩa bây giờ ở đây là “bồi dưỡng” đúng nghĩa của nó, chứ không phải “bồi dưỡng” theo kiểu hối lộ, chia chác hàng triệu đô la cứ như lấy đồ trong túi). Tuy vậy số tiền bồi dưỡng chỉ có sau khi đi công tác về và chỉ có một giới hạn nhất định, mỗi anh cầm tạm vài ba chục ngàn, chỉ bằng tiền vài bữa cơm ngoài quán “Bà Cả Đợi”.

\* Anh chàng đào hoa quá khiến con gái... sợ

Sau những giây phút căng thẳng đó, Phạm Huấn lại trở về với thành phố Sài Gòn và “rũ áo phong trần, khoác áo hào hoa”. Nhìn anh lúc đó chẳng khác gì một thư sinh công tử, không ai nghĩ anh là PV chiến trường vừa thoát chết trên Đại lộ kinh hoàng cùng với Vũ Thanh Thủy và Dương Phục.

Phạm Huấn và tôi có quá nhiều kỷ niệm vào những năm tháng này. Từ công việc trong mấy tờ báo Quân Đội đến cuộc sống ngoài đời. Chiếc xe Taunus 15 như con trâu già của tôi đã được Phạm Huấn lái đi chơi cùng khá nhiều người đẹp.

Trẻ tuổi, đẹp trai, độc thân, đầu ngọt như mía lùi, chơi mượt cũng xuất sắc nên luôn vây quanh Huấn là những người đẹp. Tất nhiên đi chơi với Huấn thì phải chấp nhận phần thiệt vẫn về tôi.

Có một vài ca sĩ loại “sao đang lên” của Sài Gòn lúc bấy giờ đã từng là “bạn gái” của Huấn. Tôi xin phép không kể tên ra đây vì tôn trọng cuộc sống của từng người hiện còn đang ở đây hay ở nước ngoài. Tôi dùng chữ “bạn gái” vì thật ra đối với Huấn và ngay cả những người đẹp đó, dường như chỉ là một tình cảm đậm đà trên mức bình thường một chút mà thôi. Câu mà Huấn thường đưa cọt với bạn bè là “vương vấn, vấn vợ, vật vờ” cho lên hương cuộc đời. Cũng đẹp lắm chứ. Có thể hiểu được tâm trạng của những người đẹp khá nổi danh này. Thích đấy, vui đấy nhưng lại sợ. Một anh chàng hào hoa và đào hoa quá thường làm các cô gái e dè, “phòng thủ cẩn mật” hơn là đối với những vị thượng gia thường tỏ ra hiền lành, dễ thương và dễ bảo hơn. Còn với Phạm Huấn thì cũng thế, đối với những người nổi tiếng, anh “chờ vờ” chứ không thể hay không dám “đặt cược cuộc đời lâu dài” mình vào đấy.

\* Một ngoại lệ

Nhưng có một người đẹp nữ sinh được mệnh danh là “hoa khôi Gia Long” thì khá nặng tình với

anh chàng phóng viên hào hoa và đào hoa này. Không biết bao nhiêu lần, chiếc xe của tôi đã đưa hai người đi trên “xa lộ không đèn”. Và chẳng lần nào Huấn quên kể cho tôi nghe về những chuyện xảy ra. Chuyện của họ vẫn ở trong vòng lễ giáo và cho tôi cảm tưởng như họ có thiện chí muốn “xây dựng cùng nhau”.

Hoa khôi Gia Long cũng không hề giấu giếm tôi về những điều này. Bởi thật ra hoa khôi quen biết tôi từ trước khi Phạm Huấn về làm ở Cục TLC. Cô hay vào phòng báo chí như một độc giả, một “người em gái hậu phương” gửi tâm tình ra tiền tuyến. Cô cũng có viết vài ba bài cho báo Quân đội xung quanh đề tài “thời thượng” đó. Và sau này, khi Phạm Huấn không còn ở bên cô nữa, cô thường có những bài thơ đăng rải rác trên một vài tờ tuần báo ở Sài Gòn, nhiều nhất là ở tờ Văn Nghệ Tiền Phong. Không ngần ngại, cô gọi thẳng tên “H. ơi, còn nhớ ngày nào...”.

Sau năm 75, ở lại Sài Gòn, tôi lại có dịp gặp lại hoa khôi Gia Long. Lúc này đã con cái đùm đê, song vẫn còn đẹp, chúng tôi không nhắc gì tới chuyện cũ, nhưng qua ánh mắt, lại thấy đầy đủ hình ảnh những người xưa. Dường như người em trai của cô sắp đặt buổi gặp gỡ này cũng chỉ vì điều ấy.

#### \* “ Tao lấy vợ”

Đó là những ngày cậu trai trẻ Phạm Huấn khởi nghiệp làm phóng viên và cũng bắt đầu viết văn. Anh có nhiều phóng sự và truyện ngắn đăng trên các báo. Rồi đến khi có một khóa học về báo chí ở Mỹ, Huấn mãi đi làm phóng sự không có tên theo học. Anh về đến phòng, biết được tin này, anh lao lên phòng Cục trưởng TLC xin vào gặp. Hồi đó là thiếu tướng Trần Tử Oai làm giám đốc. – Một vị tướng khét tiếng nghiêm khắc từ thời còn làm Chỉ huy trưởng Trung tâm Huấn luyện Quang Trung. Chánh văn phòng không dám đường đột cho vào, Huấn đập cửa vào và thản nhiên trình bày ý muốn được đi học lớp này. Không hiểu sao, ông Trần Tử Oai lại “chịu đèn” anh chàng phóng viên ngang ngành này. Sau vài câu hỏi, ông ký giấy ngay cho Huấn đi học Mỹ. Việc đó khiến cả phòng báo chí chúng tôi ngạc nhiên.

Tôi không còn nhớ rõ khóa học sẽ kéo dài trong bao lâu, nhưng có một điều tôi nhớ rất rõ là sau khóa học về đến Sài Gòn, Huấn tuyên bố với anh em trong phòng “tao lấy vợ”. Và anh kể lại giai thoại anh gặp cô bé xinh xinh, đeo kính cận đang theo học ở Mỹ như thế nào. Giản dị đến không ngờ, họ chơi bài với nhau cho qua thì giờ rồi yêu nhau lúc nào không biết. Chàng về nước trước, nàng xin phép gia đình về sau. Đám cưới của hai người tôi không dự được vì theo học lớp tham mưu ở Đà Lạt. Tôi gặp họ trong tuần trăng mật ở một ngôi biệt thự rất đẹp ở cuối con đường lối vào Trường Chỉ Huy tham mưu.

Kể từ đó, gia đình Phạm Huấn với tôi càng thân thiết hơn. Những năm sau này, không tuần nào mà chúng tôi không ngồi xoa với nhau cho đến những ngày cuối tháng 4 -1975. Nhà tôi chỉ có một bàn xoa mặt chược, mà bạn bè thì quá đông, nên anh nào cũng phải nhanh chân đến đúng giờ. Điệp, Tuấn, Thủy, Phong, Tài, Hiến, Lệ Thu, NĐToàn, Hồng Dương là những chân thường trực. Còn về khuya thì đôi khi các ông đi chơi chán kéo đến, Hùng Sùi, Hoan Sứt,... ngồi một đống, đầu lảo tung bưng. Các ông này quen chơi lớn, coi bàn chúng tôi là loại “còm”, ăn thua vài ba ngàn, nên chỉ đến “chầu rìa, hút thuốc vật”, xem mấy tay mơ đánh loạn quạng cho đỡ buồn. Thịnh thoảng Phạm Huấn cũng có đến, nhưng chỉ với mục đích ngồi coi ké Điệp vui chơi.

#### \* Một phóng sự đề đời

Khi tôi chuyển sang phục vụ ở Đài Phát Thanh Quân Đội, Huấn vẫn ở lại phòng Báo chí. Có một thời anh làm tờ Điều Hâu cùng anh Nguyễn Đạt Thịnh, chúng tôi quá bận rộn nên ít có thì giờ gặp nhau. Vài năm sau này, Huấn sang làm ở Ủy ban quân sự 4 bên ở Tân Sơn Nhất. Trong thời gian đó, khoảng tháng 2 năm 1973, Phạm Huấn cùng với Phan Nhật Nam, Dương Phục đi theo phái đoàn ra Hà Nội làm phóng sự trao trả tù binh đợt 2 diễn ra tại Phi trường Gia Lâm. Vào thời chiến tranh đó, Hà Nội đối với người dân miền Nam hoàn toàn xa lạ, cho nên

được dịp ra Hà Nội là chuyện hầu như không thể xảy ra. Tất nhiên tôi phải đón sẵn Huấn để “vồ” về làm tường thuật trực tiếp trên Đài PT Quân Đội. Nhân tối đó có chương trình Nghệ sĩ với chiến sĩ đang thu thanh, Phạm Huấn tường thuật toàn bộ chuyến đi Hà Nội ngay trong chương trình này.

Một phóng sự rất đặc sắc được thính giả đón nhận nồng nhiệt khiến chúng tôi đã phải phát lại đến vài ba lần nữa. Ngay sau đó cuốn sách “Một ngày tại Hà Nội” (1973) của Phạm Huấn được xuất bản kèm theo những hình ảnh sống động mà trên làn sóng điện phát thanh không thể nào có được. Đó cũng là cuốn sách đầu tay của “nhà báo Phạm Huấn” và cũng là cuốn sách duy nhất mà tôi được đọc. Sau này anh sang định cư ở Mỹ viết thêm những cuốn khác:

- Triệt thoái Cao nguyên (1987);
- Những trận đánh lớn trước khi mất miền Nam (1988);
- Điện Biên Phủ 54 - Ban Mê Thuật 75 (1988);
- Trận Hạ Lào (1990), rất tiếc tôi không có để đọc.

\* Một người đáng được bạn bè tri ân

Năm sau cùng trong quân ngũ, Phạm Huấn lại nổi máu giang hồ, lên Pleiku làm SQ báo chí Quân đoàn 2. Anh đi cùng tướng Phú cho đến giờ phút cuối cùng. Anh điện thoại cho tôi khi “rút” về đến Nha Trang, anh diễn tả lại cảnh “loạn lạc hoang tàn” của thành phố này khi mọi người rời bỏ nó ra đi. Vài ngày sau, anh mới về được đến Sài Gòn trong khi gia đình anh đã đi theo tàu ra Phú Quốc. Anh tất tả vào gặp tôi ở Đài QĐ rồi lắc đầu: “Tao cuốn gói”.

Anh ra đi lúc nào và bằng cách gì, tôi cũng không biết. Cuộc sống sau này bên xứ người ra sao tôi chỉ biết rất lơ mơ. Điều làm tôi ngạc nhiên chính là sự tan vỡ của gia đình anh. Cho đến khi Phạm Hùng trở lại VN cùng Phạm Long đến thăm, tôi mới tin đó là sự thật. Nhưng mọi chuyện cũ qua rồi, những vết thương rồi sẽ lành. Khi biết tin anh nằm ở bệnh viện, bên anh có chị Hà chăm sóc tận tình, tôi thành thật mừng cho anh. Có lẽ người chịu đựng với anh nhiều nhất trong những ngày tháng vừa qua chính là chị. Ít có người phụ nào chịu đựng giỏi như thế. Tôi chưa quen chị, nhưng là bạn bè của Huấn, tôi phải tri ân một người phụ nữ như chị. Nhiều người bạn Phạm Huấn cũng từng kể với tôi điều này, và bây giờ chắc họ cũng muốn nói với chị Hà như vậy.

Từ hôm được tin anh ra đi đến nay, tôi đã nhận được rất nhiều thư từ, điện thoại của các bạn ở khắp nơi. Trong số đó tôi nhận được e mail của Diệp báo tin vừa sang San Jose và cậu trưởng nam Phạm Huy Phong cũng có mặt từ trước hôm anh ra đi. Gia đình Phạm Hậu – người anh cả của anh – đã hai lần phải đổi vé máy bay vì cứ tưởng anh đi sớm hơn nữa. Cuộc chơi của người phóng viên quân đội đến bây giờ mới kết thúc trong nỗi nhớ thương của mọi người.

Nhưng với 5 tác phẩm của anh để lại, thế hệ sau này sẽ có dịp nhìn được rõ hơn những điều sống động, xác thật đã và đang xảy ra trong lịch sử dân tộc mình. Làm được điều này, cuộc sống của anh đã thật sự có ý nghĩa. Không phải ai cũng làm được như thế.

Người phóng viên chiến trường năm xưa đã ra đi, nhưng những gì để lại vẫn còn sống mãi.

## Phạm Huấn: “Triệt thoái khỏi cuộc đời” Trường Kỳ

- Tôi coi Phạm Huấn như một người anh rất thân thiết. Một người anh văn nghệ hào hoa và rất chịu chơi. Tôi đã bàng hoàng khi nhận được tin chỉ vài giờ sau anh qua đời tại một nhà an dưỡng ở San Jose vào ngày 21 tháng 10 năm 2005, hưởng thọ 68 tuổi. Hình ảnh Phạm Huấn trong trí tưởng tôi luôn là một Phạm Huấn đầy sinh động, hoạt bát, lạc quan và bất cần đời, tức luôn coi cuộc đời như “pha”, là câu nói thường xuyên của anh. Nhưng hình ảnh thật sự của

Phạm Huấn đã khiến tôi ngỡ ngàng không tránh khỏi xúc động khi nhìn tấm hình Nam Lộc chụp chung với anh khi Lộc đến thăm anh tại nhà an dưỡng vào mùa Đông 2004. Đó là một Phạm Huấn tiêu tụy, hốc hác và thê thảm cùng một trí nhớ sa sút. Bài viết ngắn này ghi lại một số kỷ niệm giữa anh và tôi, cũng như giữa anh và phong trào nhạc trẻ Việt Nam để tưởng nhớ đến một người anh đã hết lòng trong việc phát triển phong trào nhạc trẻ và nhất là tạo được cái duyên giữa nhạc trẻ và những người phục vụ trong quân ngũ.

Nói thẳng ra, nếu không có Phạm Huấn, lúc đó là thiếu tá phục vụ tại Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị, cùng nhà thơ Hà Huyền Chi, tức đại úy Đặng Trí Hoàn nhúng tay vào thì Đại Hội Nhạc Trẻ Quốc Tế đầu tiên tại Việt Nam đã không có cơ hội được diễn ra tại sân vận động Hoa Lư vào ngày 29 tháng 5 năm 1971. Kéo theo sau đó là những buổi đại hội nhạc trẻ khác được tổ chức tại Thảo Cầm Viên Sài Gòn với số khán giả tham dự trung bình khoảng 15 ngàn người, gấp ba số khán giả tại các buổi Đại Hội Nhạc Trẻ Taberd tổ chức ngoài sân trường từ giữa thập niên 60. Phạm Huấn "nhúng tay" bằng cách nào ? Dù gặp nhiều chống đối từ phía đối lập thời đó và ngay cả trong nội bộ Cục Tâm Lý Chiến, anh vẫn một mực khích lệ nhóm thực hiện chương trình chúng tôi - gồm Jo Marcel, Trường Kỳ, Nam Lộc, Tùng Giang, Kỳ Phát, vv... - cứ việc "đường ta , ta cứ đi". Không phải sợ cái gì hết ráo. Anh đã dùng tờ tuần báo Điều Hâu của mình để yểm trợ cho Đại Hội Nhạc Trẻ Quốc Tế Hoa Lư mang mục đích cứu trợ gia đình cô nhi, quả phụ những chiến sĩ đã hy sinh hay mất tích trên chiến trường Hạ Lào. Hàng trăm quân nhân thuộc các đơn vị chiến đấu đã được gửi tới tăng cường an ninh cho buổi đại hội lịch sử này, được đặt dưới sự chủ tọa của bà Nguyễn Văn Thiệu. Cuối cùng Ngày Đại Hội Nhạc Trẻ Quốc Tế Ngoài Trời tại sân Hoa Lư đã diễn ra suôn sẻ và đã trở thành buổi trình diễn đáng ghi nhớ nhất của phong trào nhạc trẻ Việt Nam. Và liên tiếp những năm sau, cái duyên giữa nhạc trẻ và quân đội đã dính liền qua những đại hội nhạc trẻ ngoài trời khác nằm trong mục đích Yểm Trợ Cây Mùa Xuân Chiến Sĩ mỗi khi Tết đến. Chưa kể trước đó, cái duyên này đã được nhen nhúm với tướng Trần Văn Trung từ năm 1968 trong đại hội nhạc trẻ tổ chức tại rạp Thống Nhất, Sài Gòn.

Anh Phạm Huấn tìm gặp tôi tại vũ trường Ritz, trong thời gian tôi đang thực hiện những chương trình nhạc trẻ "Hippies A GoGo" tại đây, trong khi Nam Lộc cũng đang tổ chức những chương trình "SoulParty" tại vũ trường Queen Bee. Anh cho biết ý định của mình là tổ chức một buổi đại hội nhạc trẻ ngoài trời có tính cách quốc tế trong thời gian có rất nhiều ban nhạc trẻ ngoại quốc như Hoa Kỳ, Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan, Phi Luật Tân, Nam Dương, Đại Hàn, vv... phục vụ cho những đơn vị quân đội đồng minh đang có mặt tại Việt Nam . Mặt khác anh muốn tạo cơ hội cho những ban nhạc trẻ Việt Nam có cơ hội tranh tài cùng những ban nhạc trẻ quốc tế khác. Nhưng mục đích chính anh cho biết là dùng số tiền thu được để cứu trợ cho gia đình cô nhi, quả phụ những chiến sĩ đã hy sinh trên chiến trường Hạ Lào. Trước mục đích mang nhiều ý nghĩa đó, tôi đã cùng Nam Lộc và các bạn Jo Marcel, Tùng Giang, vv...hội ý để cuối cùng đi đến quyết định chấp thuận lời đề nghị của anh Phạm Huấn. Vì chính anh em chúng tôi cũng đang có những ưu tư và cũng đang muốn kéo giới trẻ tham gia vào các sinh hoạt có tính cách văn hoá truyền thống cũng như xã hội, cộng đồng.

Từ đó trở đi, anh Phạm Huấn và Hà Huyền Chi thường xuyên đến gặp chúng tôi, khi thì ở Ritz, khi thì tại căn phòng được coi như "trung tâm sinh hoạt nhạc trẻ" là căn phòng trên khách sạn Bồng Lai ( giữa phòng trà Kim Sơn và nhà hàng Thanh Thế ) của tôi, hoặc tại phòng báo chí của Cục Tâm Lý Chiến để bàn thảo về việc tổ chức. Địa điểm được ấn định là sân vận động Hoa Lư , nơi có thể qui tụ hàng chục ngàn người tham dự. Và ngày tổ chức sẽ là ngày 29 tháng 5 năm 1971, kéo dài từ sáng đến chiều. Từ khi chúng tôi bắt tay vào việc thì phong trào chống đối cũng bắt đầu nổi lên, đến từ sự tranh chấp chính trị vào thời đó giữa ông Nguyễn Cao Kỳ và tổng thống đương nhiệm Nguyễn Văn Thiệu cùng với nhiều tổ chức thuộc phe đối lập.

Đó là chưa kể đến sự bất đồng ý kiến ngay trong nội bộ Cục Tâm Lý Chiến, giữa hai nhóm có thể gọi là "cấp tiến" và "bảo thủ". Tuy nhiên cuối cùng, anh Phạm Huân cùng những người ủng hộ anh đã thuyết phục được một số nhân vật thoát đầu không đồng ý việc tổ chức một buổi Đại Hội Nhạc Trẻ có tầm vóc qui mô như vậy trong thời kỳ chiến tranh đang sôi động.

Nhưng việc chống đối từ bên ngoài đã khiến nhóm thực hiện chương trình chúng tôi lo ngại. Nhưng Phạm Huân nhất quyết không lùi bước và luôn yểm trợ tinh thần chúng tôi. Anh không tỏ ra có gì lo lắng để hàng tuần vẫn đến gặp chúng tôi vào ngày thứ năm để rủ đi... nhậu thịt dê tại cái quán nhỏ xíu đối diện với tòa đại sứ Cao Miên trên đường Phan Đình Phùng, góc Lê Văn Duyệt ( bây giờ là đường Nguyễn Đình Chiểu, góc Cách Mạng Tháng 8 ) do vợ chồng một ông bà cụ khai thác. Kế hoạch đối phó với những chống đối được bàn luận ngay bên cạnh những đĩa tái dê, dê nướng, vv...thơm phức. Thiếu tá Phạm Huân những lúc đó càng tỏ ra không một chút nao núng để khuyến khích chúng tôi không nên chùn bước. "Sợ chó gì! Mính làm thì cứ làm chứ!" hoặc "Công việc mình làm ý nghĩa như vậy thì sợ đêch thàng nào, mụ nào! Đứa nào có giỏi nhẩy ra làm một công việc yểm trợ như vậy coi!". Đó là những câu chúng tôi thường được nghe anh phát ngôn một cách rất hăng! Nhưng càng gần đến ngày tổ chức thì phong trào chống đối càng nổi lên rầm rộ. Những bài báo công kích cũng xuất hiện rất nhiều, trong số có loạt bài của linh mục Hoàng Yến, hội trưởng Hội Bảo Vệ Luân Lý, đi trên nhật báo Xây Dựng vào những ngày 9 và 10 tháng 5 năm 1971.

Trong đó, linh mục Hoàng Yến đã cố tình gọi đó là một Đại Hội Hippý và tỏ ý lo ngại trước những tệ đoan do phong trào này gây ra. Trong khi tên gọi chính thức là Ngày Nhạc Trẻ Quốc Tế Ngoài Trời, yểm trợ cho chương trình "Vành Khăn Sô" dành cho gia đình cô nhi, quả phụ những chiến sĩ Hạ Lào. Đối mặt với những bài báo tương tự, Phạm Huân chỉ cười khẩy để đăng tải đều đặn những bài viết về chương trình đại hội, về mục đích cao đẹp của nó, cũng như luôn đề cao sự đóng góp tích cực của các anh chị em nghệ sĩ thuộc phong trào nhạc trẻ Việt Nam.

Tổ chức "Thanh Niên Trừ Gian" thuộc phe ông Nguyễn Cao Kỳ cũng tỏ ra hoạt động rất tích cực bằng cách cho người đi.....xé bỏ những posters của ngày đại hội!. Nhưng xé đến đâu lại được dán đến đó do sự điều động của Phạm Huân! Cùng một lúc bà Ngô Bá Thành cũng dọa sẽ huy động một số lượng...ăn mày tới trước cửa sân Hoa Lư để phá đám ngày đại hội. Chưa kể một số hội đoàn thuộc phe đối lập đưa ra lời dọa dẫm sẽ có biểu tình. Nhưng kết quả sau cùng ra sao, hẳn ai cũng biết! Riêng về mặt an ninh trật tự, Ngày Nhạc Trẻ Quốc Tế Ngoài Trời 29 tháng 5 năm 1971 đã diễn ra hoàn toàn tốt đẹp do tính kiên quyết và điều động chặt chẽ và khéo léo của Phạm Huân. Cũng nhờ đó mặt nghệ thuật của chương trình đã được ghi nhận là rất thành công trước gần 20 ngàn khán giả! Một "sự cố" duy nhất: một khán giả trẻ đã lên cơn động kinh, có thể vì quá "hưng phấn" khi theo dõi chương trình sống động của Ngày Đại Hội Nhạc Trẻ Quốc Tế Ngoài Trời?

Tác giả Phạm Huân của "Triệt Thoái Ban Mê Thuật" (và một số tác phẩm có tính cách lịch sử khác ) nay đã thật sự triệt thoái khỏi cuộc đời nhiều thăng trầm của anh sau khi rời Sài Gòn vào tháng 4 năm 75. Khi ra hải ngoại, tôi được em ruột anh là Phạm Long, một bạn thân và là một phóng viên tên tuổi, cho biết có thời gian anh Phạm Huân hành nghề lái taxi ở Hawaii. Một thời gian sau anh về sống tại San Jose, và tôi đã có dịp gặp lại anh cách đây đã hơn 10 năm ở thành phố này, trong thời gian anh đang ở bên cạnh chị Hà. Và đúng là Phạm Huân có duyên với nhạc trẻ khi chị Hà chính là chị ruột của Francoise Hằng, một trong những nữ ca sĩ đầu tiên của nhạc trẻ Việt Nam. Hai anh em ngồi đầu lấu trước đĩa bánh ngọt và ly cà phê thay cho đĩa thịt dê và ly rượu nếp than và cùng nhau nhắc nhở về những kỷ niệm liên quan tới Ngày Đại Hội Nhạc Trẻ Ngoài Trời tại sân Hoa Lư ngày nào mà tưởng chừng như mới diễn ra. Thật vui và thật cảm động.

Cách đây 6 năm, nhân dịp sang Orange County, nhờ nữ ca sĩ Mai Hương - một người bạn thân của anh - cho số điện thoại mới của anh ở San Jose, tôi đã gọi thăm anh và hẹn sẽ cố gắng lên thăm anh. Nhưng đó là lần cuối cùng tôi nghe được tiếng nói lúc đó vẫn còn sang sảng và vui vẻ của anh Phạm Huấn.

Rồi ngày 21 tháng 10 năm 2005 vừa qua, tôi đột ngột nhận được tin anh mới lia đời vài tiếng đồng hồ trước đó trong một nhà an dưỡng ở San Jose. Buồn quá anh Huấn ơi! Anh đã "triệt thoái" khỏi cuộc đời này thật rồi! Nhưng cũng mừng anh đã không còn phải sống những ngày cuối cùng buồn thảm như vậy.

Cũng nhân dịp này tôi lại biết thêm một cái duyên khác của Phạm Huấn với nhạc trẻ: nhân viên phụ trách hồ sơ cho nhà an dưỡng này và là người thường xuyên thăm hỏi anh chính là tay trống Hiệp San của một trong những ban nhạc trẻ đầu tiên của Việt Nam là Les Faucons Noirs!

Nam Lộc cũng đã rất xúc động khi nghe tôi báo tin buồn này. Lộc đã tỏ bày tâm sự của mình về anh Phạm Huấn như sau: "Một trong những điểm quan trọng mà tôi học được ở nơi anh Phạm Huấn là nghị lực và sự cứng rắn cần có từ tâm hồn đến thể xác để sẵn sàng đối phó với mọi nghịch cảnh của cuộc đời. Tôi còn nhớ vào những năm đầu của thập niên 1970, chúng tôi đã gặp biết bao nhiêu là sự kỳ thị, khó khăn và chống đối khi tổ chức những buổi Đại Hội Nhạc Trẻ ngoài trời, mặc dù luôn mang những mục đích xã hội rất cao đẹp. Nếu không có sự khuyến khích và hướng dẫn của Thiếu Tá Phạm Huấn cùng quý anh trong Cục Tâm Lý Chiến VNCH thời bấy giờ, chắc chúng tôi đã bỏ cuộc.

Sự thành công đó đã làm cho anh em chúng tôi cảm thấy tự tin hơn. Và những yếu tố này chính là hành trang cần thiết để chúng tôi bước vào đời với một tinh thần lạc quan và tích cực.

Vĩnh biệt anh Phạm Huấn!"

Tôi cũng vậy, xin vĩnh biệt anh! Thành thật chia buồn cùng chị Huấn, anh Phạm Hậu và các bạn Phạm Long, Phạm Hùng cùng những người thân của anh...

## Phạm Huấn, người đi không trở lại Giao Chi

Mùa Thu năm 1954, Geneve chia đôi đất nước, có 4 anh em nhà họ Phạm từ giã Hà Nội di cư vào Nam. Phạm Hậu, Phạm Huấn, Phạm Long và Phạm Hùng. Mỗi người một tính nết, mỗi người một con đường, mỗi người một định mệnh. Người anh cả là một nhà thơ và là người lính nhảy dù. Người thứ nhì vừa là lính, vừa là phóng viên tiền tuyến. Những người em đều đi theo con đường của các anh trong ngành báo chí.

Tháng 4-1975, họ Phạm lại di tản lần nữa bỏ lại sau lưng thành phố Sài Gòn. Bốn anh em ở 4 phương trời Mỹ quốc, mỗi người một đời sống, mỗi người một phần số.

Tháng 10-2005, sau 30 năm cách xa Sài Gòn, sau 50 năm cách xa Hà nội. Họ Phạm về gặp nhau ở San Jose miền Bắc California để tiễn đưa người anh thứ nhì. Phạm Huấn 69 tuổi, người đi không trở lại.

Trong đêm tao ngộ giữa Phạm Huấn và bằng hữu, khi đã phát tang và tẩm liệm xong, Kim

Tức cất tiếng Ave với lời ca dẫn người đi vào miền vĩnh cửu. Mai Hương khóc than tiễn bạn với Ngàn năm mây bay. Bài ca xưa cũ cũng là tựa cuốn phim có vai Phạm Huấn.

Trong số bốn anh em, biết bao nhiêu bạn bè đủ mọi lứa tuổi, nhưng hoàn cảnh đưa đẩy Phạm Huấn có cơ hội gặp gỡ nhiều bằng hữu trong các giới văn nghệ, báo chí, quân đội trước 75. Tất cả đều đến San Jose tiễn đưa Phạm Huấn khi gió thu lạnh trở về với miền Bắc California.

Cuộc di cư 1954 đã đem từ Bắc vào Nam cả ngàn họ đạo, và các nhân sĩ Bắc Hà để cùng miền Nam xây dựng hai nền Cộng Hòa suốt 21 năm dài.

Nhưng cuộc di cư cũng đem vào miền Nam những thiếu niên và thiếu nữ sau này trở thành các tên tuổi trên truyền hình, báo chí và phim ảnh ở miền Nam.

Cô bé Nguyễn Thị Chinh 16 tuổi đến Tân Sơn Nhất cô đơn một mình, mẹ mất sớm, cha kẹt lại ở Hà Nội. Sau này trở thành Kiều Chinh, đệ nhất minh tinh của điện ảnh Việt Nam.

Cô bé Nguyễn Lệ Mai, 11 tuổi sau này trở thành ca sĩ Khánh Ly, 40 năm làm kiếp ca nhi với cuộc đời trăm luân, tang thương như một nước Việt buồn.

Và 1954, Hà Nội cũng bàn giao cho Sài Gòn một Phạm Huấn 17 tuổi sau này trở thành một sĩ quan phóng viên chiến tranh chính trị đã có cơ hội sống lại một ngày ở Hà Nội vào năm 1973.

Cậu bé ra đi với hiệp định Geneve 54, trở về Hà Nội được một ngày nhờ hiệp định Paris 73, và sau đó là chia tay vĩnh viễn cả Sài Gòn lẫn Hà Nội.

Xuất thân Võ Bị năm 1956, Phạm Huấn đã được huấn luyện để trở thành một sĩ quan hiện dịch và con đường binh nghiệp được đào tạo để sẵn sàng trở thành cấp chỉ huy trong một quân đội trẻ trung đang phát triển.

Tuy nhiên, định mệnh đã đưa ông qua ngành chiến tranh chính trị nên dù sau này lên đến cấp thiếu tá, ông vẫn thủy chung là một phóng viên tiền tuyến.

Năm 1971 với nhiệm vụ phóng viên, Phạm Huấn có dịp theo sát trận Hạ Lào. Các điều mắt thấy tai nghe trên chiến trường Quân khu I đã làm thành tác phẩm để 19 năm sau xuất bản tại San Jose.

Những ngày cuối của tháng 4-1975, thiếu tá Phạm Huấn làm tùy viên báo chí cho tướng Phạm Văn Phú, tư lệnh quân đoàn 2 nên đã chứng kiến những giây phút lịch sử của quyết định Cam Ranh của cuộc rút quan bi thảm làm sụp đổ cả miền Nam. Những ký ức đau thương của người phóng viên quân đội đã tạo dựng thành hai tác phẩm. Cuộc Triệt Phái Cao Nguyên xuất bản 1987 và Những Uất Hận Trong Trận Chiến Mất Nước xuất bản 1988. Tất cả các tác phẩm của ông đều in trên khổ lớn, bìa cứng tại San Jose là nơi ông đã sống những giờ phút sau cùng.

Năm 2005, chuyến đi không trở lại của ông dù có chút trăn trở khó khăn nhưng vẫn được coi là đã có chuẩn bị chu đáo.

Ngay từ năm 2003, em út của gia đình là Phạm Hùng đã thu xếp công việc từ các quốc gia Á Châu để trở về săn sóc người anh và đồng thời cũng là người bạn thân thiết Phạm Huấn. Anh em đã có nhiều cơ hội gần gũi nhau và người em hiểu rõ bệnh tình và hoàn cảnh của anh rất nhiều.

Đối mặt với định mệnh như các chiến binh trực diện với chiến trường, anh em đã đi quan sát các đường đường có bệnh nhân nằm bất động và được nuôi bằng các phương tiện y khoa với các ống nối chằng chịt.

Bác Huấn đã di chúc chính thức lại cho chú Hùng là nếu gặp cảnh này thì giao cho em toàn quyền dứt điểm để anh đi. Dứt khoát anh không muốn sống bằng thực phẩm qua ống dẫn vào thực quản. Anh không muốn thở qua ống dẫn vào khí quản. Anh không muốn thấy hình ảnh những người thân yêu mờ dần trong não trạng. Khi cơ thể từ chối vận hành là em để anh đi. Giấy tờ hợp lệ được ủy nhiệm chính thức. Phải nhờ chú em lấy quyết định thay cho cả vợ con và thân quyến. Cứ như là lệnh hành quân đã làm sẵn có ngày D và giờ H. Phạm Hùng đã thi hành hết sức chặt chẽ và chu đáo.

Anh Huấn đã chết trong tay em trai út dù rằng vào một buổi chiều kẹt xe trên xa lộ 680 khi Phạm Hùng được tin báo đã quay đầu xe trở lại kịp thời.

Đã tính toán để báo tin cho thân quyến bằng hữu bốn phương. Anh em và bè bạn đã lần lượt vào ăn với nhau những miếng cơm cuối cùng, những ly rượu đỏ thấm trên môi người bệnh. Những ánh mắt thay nụ cười.

Đầu năm 2005, tôi có dịp vào thăm Phạm Huấn. Tuy đi lại khó khăn nhưng đầu óc anh vẫn còn sáng suốt. Chúng tôi có nói chuyện về dự án bảo tàng viện của VNCH. Vấn đề tính bông đùa cố hữu tôi đã nói những lời tự làm giảm tính cách quan trọng của dự án. Phạm Huấn đã hơi trách cứ. Anh nói rằng chuyện ông làm là việc lớn, xin đừng coi thường, cứ xin hết sức để anh em giữ mãi tấm lòng quý trọng ông.

Tôi ra về mà cứ áy náy mãi về lời Phạm Huấn nói rất chân thành và cảm động.

Thứ Sáu 14 tháng 10-2005, tôi lại có dịp dẫn Phạm Huy Sảnh từ Seattle xuống San Jose với tư cách bạn nhảy dù Sài Gòn vào thăm Phạm Huấn. Anh nằm trên giường, đã yếu lắm rồi, nhưng vẫn còn nhận ra chúng tôi. Phạm Huy Sảnh nhắc đến các kỷ niệm xưa, nhắc đến cả Vũ Thế Quang gửi lời hỏi thăm.

Khi chúng tôi ra về, Phạm Huấn nằm ngó theo. Mắt long lanh, chậm chậm giơ tay chào. Bàn tay gầy guộc treo trên mi mắt. Chúng tôi giật mình dừng lại chào đáp lễ.

Hình ảnh người chiến binh 30 năm trước nằm trên giường. Chung quanh là các tờ giấy lưu ý của Nursing Home báo tin bệnh nhân đang ở vào giai đoạn cuối của cuộc đời. Tất cả đều rõ ràng, công khai minh bạch. Dù biết như vậy, nhưng chúng tôi cũng không thể nghĩ rằng đây là cái chào tay cuối cùng của thiếu tá Phạm Huấn.

Rõ ràng là vào buổi trưa 14 tháng 10-2005, hồn lính đã trở về với Phạm Huấn trọn vẹn ân tình bằng một cái chào tay.

Tháng 10-2005 ở San Jose tập thể chiến binh Cộng Hòa về họp mặt. Phải mà quân đội họp mặt đại hội 30 năm trước ở Sài Gòn thì đã có phóng viên Phạm Huấn đi một bài tường thuật.

Những người khách của San Jose đến tham dự Nghị Hội lần thứ 19 đã ra về. Những cựu chiến binh VNCH đến San Jose dự đại hội lần thứ I cũng đã chia tay lên đường.

Và khi Phạm Huấn đã vĩnh viễn xa rời San Jose vào ngày thứ Sáu thì những người khách bốn phương của anh lại bắt đầu kéo đến. Các học sinh Chu Văn An, các chiến binh nhảy dù, các

phóng viên tiền tuyến, các văn nghệ sĩ. Trong tình bằng hữu với chút duyên văn nghệ khách phương xa, đến với người ra đi lần cuối và cũng là dịp hội ngộ hãn hữu với các cố tri ngày xưa vẫn còn lại đến ngày nay.

Đầy đủ, vắng dần, hay thừa thớt. Rồi ai cũng đến lượt mình. Nhưng quả thực lần ra đi của Phạm Huấn đã có sự chuẩn bị, đối mặt, bình thản. Rồi thì cũng như mọi người, ai cũng sẽ cam chịu, khuất phục với định mệnh một lần cuối cùng.

Ngày xưa đã có những vần thơ tứ tuyệt:

“Mây tụ để rồi tan.

Hoa nở để rồi tàn.

Trăng tròn để rồi khuyết.

Người gần để ly biệt.”

Vần thơ giải thích các hiện tượng trong trời đất và thân phận con người.

Cái gì hợp rồi cũng tan.

Dù xa Hà Nội cũng còn trở lại một ngày. Dù xa Sài Gòn cũng còn trở lại. Nhưng đi xa San Jose lần này, thiếu tá Phạm Huấn thân xác nhẹ tênh, sớm phiêu diêu miền vĩnh cửu. Sẽ chẳng bao giờ trở lại. Bởi vì ở đất San Jose bình yên này sẽ chẳng có trận đánh nào để cho người phóng viên chiến trường viết bài tường thuật.

Vào tháng 4-2005 vừa qua, Phạm Hùng, người em út tha hương của họ Phạm đã tổ chức buổi ra mắt sách rất đặc biệt trong Nursing Home ở Tully San Jose. Những bài thơ Hà Nội của Hoàng Anh Tuấn lần đầu in thành tuyển tập.

Hoàng Anh Tuấn và Phạm Huấn là đôi bạn văn nghệ Sài Gòn và bây giờ là hàng xóm láng giềng trong cùng một dưỡng đường. Lần đầu tiên các bằng hữu văn nghệ gặp nhau trong một khung cảnh lạ lùng như thế. Mỗi duyên đồng hương kéo dài từ Hà Nội ở Sài Gòn đến tận San Jose.

Bây giờ Huấn đã ra đi, Hoàng Anh Tuấn nhìn ra ngoài song cửa, chẳng thấy mưa Sài Gòn mưa Hà Nội. Chỉ còn chờ đợi những trận mưa San Jose đến muộn. Đã gần Thanksgiving mà sao chưa thấy ướt mặt đường.

\* \* \*

Con người dù sống đơn độc hay quảng giao với bằng hữu bốn phương thì so với dòng thời gian vĩnh cửu cũng chỉ là đoạn kỳ ngắn hạn. Nhưng các tác phẩm của Phạm Huấn viết về chiến tranh sẽ ở lại lâu dài hơn. Là một phóng viên yêu quê hương, yêu quân đội, tác giả đã trải tấm lòng trong tác phẩm.

Dù rằng phải viết về toàn những cay đắng uất nghẹn của những lần đau thương trận đánh đường số 9 Hạ Lào 1971, cuộc rút lui ở cao nguyên trên quốc lộ số 15 hoang vắng và sau cùng là những trận chiến mất nước 1975 trên quốc lộ 1. Ba tác phẩm ra đời vào cuối thập niên 80, lúc đó các chiến binh huynh đệ tù cải tạo chưa đặt chân đến Hoa Kỳ. Các tin tức hành quân ngày cũ chưa được mở rộng như hôm nay, Phạm Huấn đã mở đường soi sáng lịch sử, dù là những trang sử đau thương của người lính Cộng Hòa.

Những cuốn sách của anh lần lượt gửi cho chúng tôi với lời lẽ chân tình ngay từ lúc mới xuất

bản 1987, 1988 và 1990.

Tương lai của các tác phẩm của Phạm Huấn sẽ nằm trong thư viện của Bảo Tàng Viện VNCH tại San Jose cùng với bức hình của anh trong trận Hạ Lào 1971.

Đó là món quà kỷ niệm của phóng viên chiến trường Phạm Huấn gửi gắm cho thế hệ tương lai.

*San Jose 2005*